BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lịch sử 12

TẬP MỘT

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN ANH THÁI

Lịch sử
12

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ 8)

ruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGÔ TRẦN ÁI
VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :
NGUYỄN KIÊN

Biên tập tái bản :
NGUYỄN HỒNG LIÊN

Sửa bản in :
PHAN TỰ TRANG

Sắp chữ :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

thuongmaitr

9(075) / GD - 00 831/241 - 99 Mã số : 3H208t0

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(Thời kì sau Chiến tranh thế giới thứ hai)

MỞ ĐẦU

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hai biến chuyển to lớn làm thay đổi căn bản tình hình thế giới và đời sống của xã hội loài người :

1. Thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc dẫn tới hơn 100 quốc gia ở Á, Phi, Mĩ la tinh đã giành lại được độc lập dân tộc, bước lên vũ đài quốc tế và đang tìm con đường xây dựng đất nước mình trở thành những quốc gia phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

uongxua.vn

2. Những thành tích diệu kì của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đưa cuộc sống của con người tiến những bước nhảy vọt.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại là cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp rộng lớn, quyết liệt giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến, xâm lược và các thế lực phản động khác với một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức, giai cấp công nhân và nhân dân các nước nhằm giành bốn mục tiêu lớn : *Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội*. Mặt khác, cũng là cuộc đấu tranh gay gắt, quyết liệt giữa các cường quốc lớn nhằm tranh giành, phân chia phạm vi thế lực và thiết lập một trật tự thế giới có lợi cho mình.

BÀI 1

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – LIÊN XÔ

1. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ 1945 đến nửa đầu những năm 70).

Trong cuộc chiến tranh chống phát xít, nhân dân Liên Xô đã phải gánh chịu những hi sinh và tổn thất hết sức to lớn : trên 20 triệu người chết, 1710 thành phố và hơn 70000 làng mạc bị thiêu hủy, 32000 xí nghiệp bị tàn phá. Sau chiến tranh, các nước phương Tây do Mĩ cầm đầu, tiến hành bao vây kinh tế, gây cuộc "chiến tranh lạnh" và ra sức chạy đua vũ trang, chuẩn bị phát động một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, vừa phải ra sức củng cố quốc phòng chuẩn bị chống lại những âm mưu của các nước phương Tây, vừa phải giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới, nhân dân Liên Xô đã tự lực, tự cường bắt tay vào công cuộc xây dựng lại đất nước sau chiến tranh, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946–1950) trong vòng 4 năm 3 tháng.

Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp tăng 73% so với mức trước chiến tranh (kế hoạch dự định tăng 43%) ; trong thời gian khôi phục kinh tế, trung bình mỗi ngày có 3 xí nghiệp xây dựng mới (hoặc phục hồi) được đưa vào sản xuất. Một số ngành sản xuất nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ về khoa học – kĩ thuật và phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

thuongmaitr

Tiếp sau đó, Liên Xô đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn[1] nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và đã thu được nhiều thành tựu to lớn.

Năm 1972, so với năm 1922 – 50 năm sau khi thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, sản lượng công nghiệp tăng 321 lần, thu nhập quốc dân tăng 112 lần và chỉ cần 4 ngày sản xuất là đủ đạt sản lượng bằng của cả năm 1913, năm cao nhất của đế quốc Nga cũ[2].

Trong những thập niên 50, 60 và nửa đầu 70, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai trên thế giới (chỉ sau Mĩ) ; tới giữa thập niên 70, sản lượng công nghiệp của Liên Xô đã chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Trong khoảng thời gian 25 năm (từ 1951 đến 1975), mức tăng trưởng công nghiệp hàng năm đạt 9,6%. Một số ngành công nghiệp có sản lượng cao vào loại nhất thế giới, như : dầu mỏ, than, quặng sắt, gang, thép, xi măng, máy kéo, máy công cụ v.v... Liên Xô còn đi đầu trong một số ngành công nghiệp mới : công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện nguyên tử...

ruongxua.vn

SẢN LƯỢNG THÉP (triệu tấn)

	1950	1960	1970	1980
Liên Xô	27,3	65,3	115,9	147,9
Mĩ	87,8	90,1	119,3	101,5
Thế giới	189,3	348,1	593,8	696,3

Trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật, Liên Xô đã thu được nhiều thành tựu rực rỡ : năm 1957, là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất ; năm 1961, phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng

(1) Các kế hoạch dài hạn : Kế hoạch 5 năm lần thứ năm (1951 – 1955), lần thứ sáu (1956 – 1960), kế hoạch 7 năm (1959 – 1965), kế hoạch 5 năm lần thứ tám (1966 – 1970), lần thứ chín (1971 – 1975).

(2) Đến giữa những năm 70, chỉ cần 2 ngày rưỡi là đạt đủ sản lượng công nghiệp bằng cả năm 1913.

Hình 1 – Nhà du hành vũ trụ Gagarin

quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người và cũng là nước dẫn đầu thế giới về những chuyến bay dài ngày trong vũ trụ. Đầu những năm 70, bằng việc kí kết với Mĩ các hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng, chống tên lửa và về một số biện pháp trong lĩnh vực hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (gọi tắt là Hiệp ước ABM và Hiệp định SALT–1 và SALT–2), Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh lực lượng hạt nhân nói riêng với các nước phương Tây. Đây là một thành tựu có ý nghĩa to lớn, làm đảo lộn toàn bộ chiến lược của Mĩ và đồng minh của Mĩ.

? – Hãy phân tích những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 và ý nghĩa của nó.

2. Tình hình chính trị và chính sách đối ngoại của Liên Xô

Sau chiến tranh, trong vòng 30 năm đầu, tình hình chính trị Liên Xô ổn định. Xtalin, Khơrutxốp, Brêgiơnhep(1) thay nhau giữ cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết. Bên cạnh những

(1) Năm 1953, Xtalin qua đời và Khơrutxốp thay thế. Năm 1964 – Khơrutxốp bị lật đổ và Brêgiơnhep lên thay.

công lao trong việc thúc đẩy công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội đạt được nhiều thành tích to lớn, các nhà lãnh đạo Xô viết vẫn tiếp tục mắc những thiếu sót và sai lầm vốn đã tồn tại trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô : chủ quan, nóng vội và đốt cháy giai đoạn (đề ra kế hoạch xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong vòng 15 – 20 năm), xây dựng Nhà nước bao cấp về kinh tế và phủ nhận những quy luật khách quan về kinh tế ; thiếu dân chủ và vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa ; thiếu công bằng xã hội và chưa nhân đạo v.v... Những thiếu sót và sai lầm này ít nhiều đã được phát hiện và đã diễn ra những cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng và nội bộ giới lãnh đạo Xô viết (như việc phê phán những sai lầm của Xtalin sau khi ông qua đời, việc lật đổ cương vị lãnh đạo của Khơrutxốp năm 1964...).

Tuy thế, do sự tin tưởng, ủng hộ của đông đảo nhân dân Liên Xô, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội lúc này vẫn tăng tiến, khoảng cách về kinh tế giữa Liên Xô với các nước Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản không nhiều và mức sống của nhân dân có được nâng lên rõ rệt so với trước kia. Lúc này trong nội bộ Đảng Cộng sản và giữa các dân tộc khác nhau trong toàn liên bang, khối đoàn kết, thống nhất vẫn được duy trì.

Về đối ngoại, Đảng và Nhà nước Xô viết luôn luôn quán triệt chính sách đối ngoại hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

Liên Xô đã giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa anh em về vật chất và tinh thần, tạo nên những điều kiện thuận lợi cho các nước anh em tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Liên Xô luôn luôn ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước trên thế giới. Liên Xô đã đi đầu và đấu tranh không mệt mỏi cho nền hòa bình và an ninh thế giới, kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, là nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất, hùng mạnh nhất, *Liên Xô trở thành thành trì của hòa bình thế giới và chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới.*

?

1. Chính sách đối ngoại và vị trí quốc tế của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào ?

2. Từ 1945 đến nửa đầu những năm 70, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô có mắc những thiếu sót, sai lầm nào không ? Giữa những thành tựu và thiếu sót, sai lầm, mặt nào là chủ yếu ?

II – CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU[1]

1. Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu thành lập

Trong những năm 1944 – 1945, khi Hồng quân Liên Xô tiến quân truy kích quân đội phát xít Đức qua vùng Đông Âu, nhân dân và lực lượng vũ trang các nước Đông Âu đã nổi dậy, phối hợp với Hồng quân tiêu diệt bọn phát xít, giành lấy chính quyền và thành lập các nước dân chủ nhân dân :

Cộng hòa nhân dân Ba Lan (22 – 7 – 1944), *Cộng hòa nhân dân Rumani* (23 – 8 – 1944), *Cộng hòa nhân dân Hunggari* (4 – 4 – 1945), *Cộng hòa Tiệp Khắc* (9 – 5 – 1945), *Cộng hòa nhân dân Liên bang Nam Tư* (29 – 11 – 1945), *Cộng hòa nhân dân Anbani* (11 – 12 – 1945), *Cộng hòa nhân dân Bungari* (15 – 9 – 1946).

Riêng ở Đức, theo sự thỏa thuận của Hội nghị những người đứng đầu ba nước Liên Xô, Mĩ, Anh tại Pôtxđam (Đức), quân đội bốn nước Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp phân chia khu vực tạm chiếm đóng nước Đức với nhiệm vụ tiêu diệt triệt để chế độ phát xít, quân đội phát xít và làm cho nước Đức trở thành một nước thống nhất, hòa bình và dân chủ thực sự. Ở Đông Đức, Liên Xô

---

(1) Các từ Đông, Tây ở đây không đơn thuần chỉ phương hướng mà còn được hiểu theo nghĩa : Đông là chỉ các nước theo chủ nghĩa xã hội và Tây là chỉ các nước theo chủ nghĩa tư bản, như các nước Đông Âu, các nước Tây Âu, quan hệ Đông – Tây... Còn thực ra các nước Đông Âu nằm ở vị trí Đông Nam và Trung Âu. Hiện nay, mặc dù không còn là nước xã hội chủ nghĩa nữa, người ta vẫn còn quen gọi như thế.

ruongxua.vn

Hình 2 - Lược đồ các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai

đã thực hiện nghiêm chỉnh những nhiệm vụ này, nhưng ở Tây Đức, các nước Mĩ, Anh, Pháp lại tìm cách phục hồi chủ nghĩa quân phiệt và âm mưu chia cắt lâu dài nước Đức. Tháng 9 – 1949, Mĩ, Anh, Pháp đã giúp cho các thế lực thân phương Tây hợp nhất ba miền tạm chiếm đóng của Mĩ, Anh, Pháp và thành lập nước *Cộng hòa liên bang Đức* (Tây Đức). Thể theo nguyện vọng của nhân dân Đông Đức, được sự giúp đỡ của Liên Xô, ngày 7 – 10 – 1949, nước *Cộng hòa dân chủ Đức* chính thức tuyên bố thành lập.

Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu là một biến đổi to lớn của cục diện châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

2. Hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân

Tuy đã thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân nhưng chính quyền ở các nước Đông Âu vẫn là chính quyền liên hiệp bao gồm đại biểu các giai cấp, các đảng phái chính trị trong Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít. Giai cấp tư sản và các chính đảng của họ có một lực lượng và vị trí khá quan trọng trong các chính phủ liên hiệp này, cho nên họ luôn luôn ngăn cản, phá hoại việc thực hiện những cải cách dân chủ và âm mưu đưa các nước Đông Âu quay trở lại con đường tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản nhằm đưa đất nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa hoặc tư bản chủ nghĩa đã diễn ra khá quyết liệt. Được sự giúp đỡ đắc lực của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội bên ngoài và các thế lực phản cách mạng bên trong, những năm 1947 – 1948, các chính đảng tư sản đã tiến hành hàng loạt những âm mưu đảo chính nhằm gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ liên hiệp và cướp đoạt toàn bộ chính quyền.

Ở *Tiệp Khắc*, ngày 20–2–1948, nhân việc Bộ Nội vụ giảm biên chế, 12 bộ trưởng tư sản đã rút khỏi chính phủ do Gôtvan, lãnh tụ Đảng Cộng sản, làm Thủ tướng. Âm mưu của họ là với sự từ chức của 1/2 thành viên nội các như thế theo hiến pháp, chính phủ Gôtvan sẽ bị đổ, và Tổng thống Bênet (lãnh tụ đảng tư sản) sẽ cử đại biểu của giai cấp tư sản đứng ra lập chính phủ mới không có đảng viên cộng sản tham gia. Đảng Cộng sản Tiệp Khắc đã kịp thời kêu gọi

công nhân và nhân dân xuống đường, biểu tình, bãi công buộc Tổng thống Bênet phải chấp nhận đơn từ chức của 12 bộ trưởng tư sản và ủy nhiệm cho Gôtvan đứng ra lập chính phủ mới. Sau đó, đến lượt Bênet cũng buộc phải từ chức và Gôtvan lên thay thế, đứng đầu Nhà nước Tiệp Khắc.

Sự kiện tháng 2 – 1948 đánh dấu bước ngoặt phát triển của cách mạng Tiệp Khắc.

Ở *Bungari*, phái chống cách mạng do Nicôlai Petcôp (lãnh tụ đảng tư sản) cầm đầu, đã nhận tiền bạc, vũ khí của các nước bên ngoài lập ra quân đội bí mật lấy tên là "Đội quân sĩ quan trung lập". Xuân 1947, bọn này âm mưu tiến hành cuộc đảo chính, nhưng cơ quan an ninh cách mạng đã kịp thời phát hiện và đập tan những hành động này. Tháng 6 – 1947, Petcôp đã bị bắt và kết án tử hình.

Tình hình ở các nước Đông Âu khác cũng diễn ra tương tự. Sự giúp đỡ của Liên Xô và việc quân đội Liên Xô đóng quân trên lãnh thổ các nước Đông Âu đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho thắng lợi của giai cấp vô sản. Sau khi nắm được toàn bộ chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản, Đảng và Nhà nước các nước Đông Âu đã đẩy mạnh việc thực hiện các cải cách dân chủ : cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa những xí nghiệp lớn của tư bản trong và ngoài nước, thực hiện rộng rãi các quyền tự do dân chủ, ban hành chế độ làm việc, nghỉ ngơi, lương bổng v.v...

Đến khoảng những năm 1948 – 1949, các nước Đông Âu đều lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như thế, việc hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước Đông Âu, cùng với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1949, đánh dấu *chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước (Liên Xô) và bước đầu trở thành một hệ thống thế giới.*

? – Cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trong việc giành toàn bộ chính quyền và đưa các nước Đông Âu đi theo hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đã diễn ra như thế nào ?

truongxua.vn

3. Các nước Đông Âu xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70)

Trong những năm 1950 – 1975, nhân dân các nước Đông Âu đã thực hiện 5 kế hoạch 5 năm[1] nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân các nước Đông Âu đã diễn ra trong những điều kiện khó khăn, phức tạp : tuy đã là những nước tư bản nhưng cơ sở vật chất – kĩ thuật của các nước Đông Âu còn hết sức lạc hậu (trừ Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức) ; các nước đế quốc tiến hành bao vây kinh tế và can thiệp, phá hoại về chính trị ; ở trong nước, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại và ra sức chống phá (tư sản, địa chủ, lực lượng tôn giáo...). Tuy thế, với sự hậu thuẫn của Liên Xô, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân các nước Đông Âu đã giành được nhiều thành tựu to lớn về mọi mặt, làm thay đổi bộ mặt của các nước Đông Âu qua hơn hai thập niên tất cả các âm mưu chống phá do bọn đế quốc và các thế lực phản động trong nước gây ra đều lần lượt bị dập tắt.

thuongmaitr

Trước chiến tranh, *Anbani* là một nước nghèo và chậm phát triển nhất châu Âu : chưa có đường sắt, máy kéo trong nông nghiệp còn rất hiếm, đất nước không có công nghiệp... Đến giữa những năm 70, Anbani đã xây dựng được nền công nghiệp với hàng trăm xí nghiệp các ngành điện, cơ khí, luyện kim, hóa chất, dệt... Năm 1970, Anbani đã hoàn thành công cuộc điện khí hóa cả nước. Sản xuất nông nghiệp đã thỏa mãn được nhu cầu lương thực của nhân dân.

Ở Ba Lan, so với năm 1938, sản xuất công nghiệp đầu những năm 70 tăng 20 lần, sản xuất nông nghiệp tăng gấp đôi. Gần nửa số dân Ba Lan sống trong những ngôi nhà mới xây dưới chính quyền nhân dân.

Ở Bungari, tổng sản phẩm công nghiệp năm 1975 tăng 55 lần so với năm 1939. Nông thôn đã hoàn toàn điện khí hóa. Nước *Cộng hòa dân chủ Đức* (dân số bằng 1/4, diện tích bằng 1/3 nước Đức cũ, công nghiệp và tài nguyên chủ yếu

---

(1) Vì là thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và nhằm phối hợp chặt chẽ với nhau trong các kế hoạch kinh tế dài hạn nên những nước Đông Âu lập các kế hoạch 5 năm giống nhau về mốc thời gian.

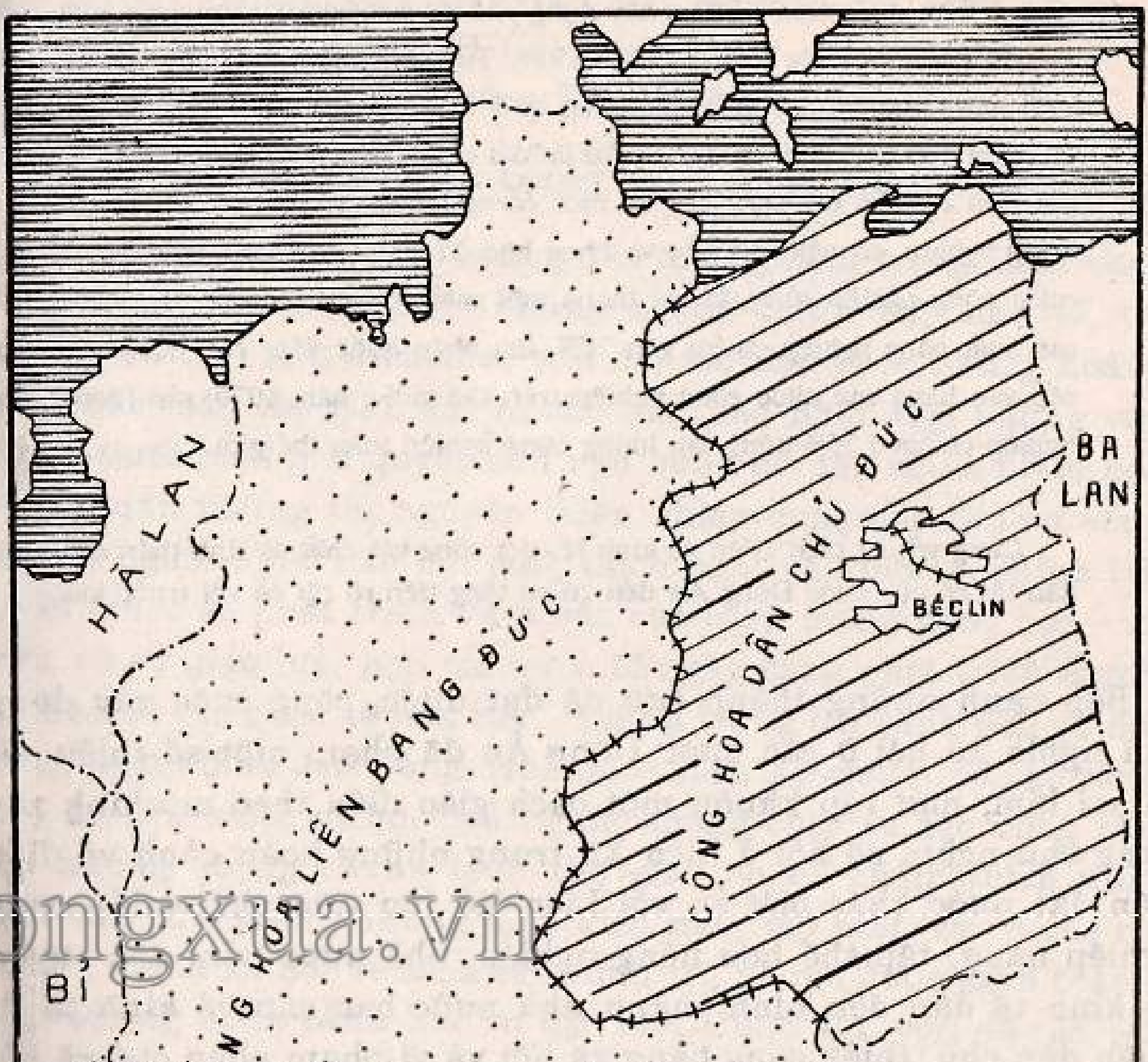

Hình 3 – Lược đồ nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai

nằm ở Tây Đức), sau 30 năm xây dựng chế độ mới, đã đạt mức sản xuất công nghiệp bằng cả nước Đức cũ năm 1939. Từ một miền trước đây chủ yếu sản xuất nông nghiệp, nay 76% thu nhập quốc dân do sản xuất công nghiệp mang lại. Vốn được mệnh danh ở châu Âu là "đất nước của một triệu người khất thực", sau hơn 20 năm xây dựng chế độ mới, *Hunggari* đã trở thành một nước công – nông nghiệp, có nền văn hóa và khoa học, kĩ thuật tiên tiến. *Rumani*, từ một nước nông nghiệp cũng đã trở thành một nước công – nông nghiệp, trong đó sản xuất công nghiệp chiếm gần 70% thu nhập quốc dân. *Tiệp Khắc* đã được xếp vào hàng các nước công nghiệp trên thế giới ; năm 1970, sản lượng công nghiệp chiếm 1,75% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

Cùng với sự phát triển về kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tất cả các nước Đông Âu đều có sự tăng tiến rõ rệt so với trước kia.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu đã phạm một số thiếu sót và sai lầm, như rập khuôn một cách giáo điều theo mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trong những hoàn cảnh và điều kiện đất nước khác biệt so với Liên Xô (ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, tập thể hóa nông nghiệp, nhà nước nắm độc quyền về kinh tế dẫn đến hình thành nhà nước bao cấp về kinh tế...), thiếu dân chủ, thiếu công bằng xã hội và vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa v. v.. Chính những thiếu sót và sai lầm này đã làm giảm sút bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và làm mất đi lòng tin của nhân dân các nước Đông Âu.

?

1. Hãy nêu những thành tựu mà nhân dân các nước Đông Âu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1950 đến nửa đầu những năm 70.
2. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân các nước Đông Âu đã diễn ra trong những điều kiện khó khăn, phức tạp như thế nào ?
3. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước Đông Âu đã mắc phải những thiếu sót và sai lầm như thế nào ?
4. Vẽ bản đồ các nước dân chủ nhân dân Đông Âu (bài tập ở nhà).

III – TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (từ nửa sau những năm 70 đến 1991)

1. Liên Xô lâm vào tình trạng "trì trệ" và công cuộc cải tổ

Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ nghiêm trọng chưa từng có bùng nổ rồi nhiều cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế, tài chính, tiền tệ... tiếp diễn theo sau đó, mở đầu cuộc khủng hoảng chung của toàn thế giới, đặt ra cho toàn thể nhân loại những vấn đề bức thiết phải giải quyết như : sự bùng nổ dân số và hiểm họa vơi cạn dần những tài nguyên thiên nhiên cung cấp cho sự sống của con người ; yêu cầu đổi mới, thích nghi về kinh tế, chính trị, xã hội trước sự phát triển vượt bậc của cách mạng khoa học – kĩ thuật và sự giao lưu, hợp tác quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ theo xu thế quốc tế hóa cao... Chính trong bối cảnh lịch sử đó, những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô chủ quan cho rằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng chung toàn thế giới, do đó chậm thích ứng, chậm sửa đổi. Trong những điều kiện mới, mô hình và cơ chế cũ của chủ nghĩa xã hội về kinh tế, chính trị, xã hội được hình thành trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt trước kia, vốn đã tồn tại những thiếu sót và sai lầm, nay càng trở nên không còn phù hợp và cản trở sự phát triển về mọi mặt của xã hội Xô viết. Mặt khác, những hiện tượng thiếu dân chủ, thiếu công bằng xã hội, vi phạm nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa và những tệ nạn quan liêu, độc đoán dần dần hình thành cơ chế quan liêu độc đoán với những tầng lớp đặc quyền, đặc lợi, đã gây nên sự bất mãn của nhân dân, làm cho đất nước dần dần lâm vào tình trạng "trì trệ", "tiền khủng hoảng".

Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 80, mặc dù một số ngành công nghiệp của Liên Xô vẫn sản xuất ổn định, như dầu mỏ, than, quặng, kim loại, máy móc thiết bị công nghiệp, ô tô... nhưng kĩ thuật, chất lượng sản phẩm ngày càng sút kém so với các nước phương Tây. Liên Xô vẫn luôn luôn phải nhập lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và các máy tinh vi, chính xác của phương

Tây. Bước sang nửa sau những năm 80, tình hình kinh tế càng trở nên khó khăn : sản xuất công nông nghiệp trì trệ, lương thực và thực phẩm thiếu thốn, hàng tiêu dùng không đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, mức sống của nhân dân ngày càng giảm sút, càng xa cách so với đời sống của nhân dân các nước tư bản phương Tây.

Trong bối cảnh đó, năm 1985, M.Goocbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, tiến hành công cuộc cải tổ nhằm sửa chữa những thiếu sót và sai lầm trước đây, đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng và xây dựng một chủ nghĩa xã hội dân chủ, nhân văn đúng như bản chất của nó. Trong gần 6 năm, cuộc cải tổ chủ yếu được tiến hành về mặt chính trị, xã hội như : thực hiện chế độ tổng thống tập trung nắm mọi quyền lực, thực hiện đa nguyên về chính trị (tức nhiều đảng tham gia vào công việc chính trị của đất nước, xóa bỏ một đảng – tức Đảng Cộng sản, giữ vai trò lãnh đạo Nhà nước Liên Xô), thực hiện dân chủ và công khai... Về kinh tế, chính phủ Liên Xô cũng đưa ra nhiều phương án nhằm chuyển biến nền kinh tế Liên Xô sang cơ chế thị trường nhưng trong thực tế, chưa thực hiện được gì, trong khi đó các quan hệ kinh tế cũ bị phá vỡ mà các quan hệ kinh tế mới thì chưa hình thành. Công cuộc cải tổ đã vấp phải rất nhiều khó khăn trở ngại : sự suy sụp về kinh tế kéo theo những khó khăn về chính trị và những tệ nạn xã hội ; sự xung đột giữa các dân tộc và sắc tộc dẫn đến hiện tượng li khai của một số nước cộng hòa ra khỏi Liên bang Xô viết (ba nước Ban Tích, Grudia, Mônđôva...), sự chia rẽ và tách thành nhiều phe phái trong nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô, sự ngóc đầu dậy của các thế lực chống lại chủ nghĩa xã hội với những hoạt động chống phá của nó v.v.. Đất nước Liên Xô đứng trước những khó khăn và thử thách nghiêm trọng chưa từng có.

Ngày 19 – 8 – 1991, một số người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Xô viết đã tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống Goocbachốp. Cuộc đảo chính bị thất bại ngày 21 – 8, và đã gây ra những hậu quả cực kì nghiêm trọng đối với đất nước Xô viết : Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động trong toàn liên bang ; chính phủ Xô viết bị giải thể ; 11 nước cộng hòa tuyên bố độc lập, tách khỏi liên bang ; một làn sóng chống Đảng Cộng sản, chống chủ nghĩa xã hội dâng lên khắp mọi nơi.

Ngày 21 – 12 – 1991, những người lãnh đạo 11 nước cộng hòa trong Liên bang Xô viết đã kí hiệp định thành lập *Cộng đồng các quốc gia độc lập* (tiếng Nga viết tắt là SNG), bao gồm : Nga, Ucraina, Bêlarut, Cadăcxtan, Udơbêkixtan, Tatgikixtan, Cưrơgưxtan, Tuôcmênixtan, Adecbaigian, Acmênia, Mônđôva. Sự ra đời của SNG buộc Tổng thống Liên Xô M.Goocbachôp phải từ chức ngày 25 – 12 – 1991, và cùng ngày này lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Kremli bị hạ xuống.

Như thế, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ ở Liên Xô và Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết, ra đời năm 1922, đã bị tan vỡ.

? – Hãy trình bày ngắn gọn những nét lớn về công cuộc cải tổ ở Liên Xô từ 1985 đến 1991, cuộc đảo chính ngày 19 – 8 – 1991 và những hậu quả nghiêm trọng của nó đối với đất nước Xô viết.

2. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu từ cuối năm 1988 đến 1991

Năm 1985, Liên Xô đã bước vào cải tổ tuy rằng quá muộn, nhưng các nước Đông Âu vẫn chưa hề chuyển động : Anbani vẫn bảo thủ giữ nguyên những cơ chế cũ của 30 năm trước đây và "khép kín cửa" đối với bên ngoài ; các nhà lãnh đạo Rumani, Cộng hòa dân chủ Đức, Bungari thì cho rằng nước mình chẳng có gì sai sót để cải tổ hoặc cải cách ; ở Ba Lan, ngay từ đầu những năm 80, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội đã trở nên căng thẳng, phức tạp ; ở Hunggari, Tiệp Khắc, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội ráo riết tập hợp lực lượng, chờ đợi cơ hội. Ở một số nước Đông Âu, hiện tượng tách rời quần chúng và tha hóa của một số nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã làm biến dạng chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này và làm nhân dân rất bất bình.

Ở Rumani, vợ chồng Xêauxexcu đã biến nhà nước xã hội chủ nghĩa thành một chế độ độc tài "gia đình trị" với cuộc sống vương giả, sa đọa. Ở *Cộng hòa*

dân chủ Đức, Bungari, một số ủy viên Bộ chính trị Đảng đã lạm dụng quyền lực, hưởng thụ những đặc quyền đặc lợi để đến nỗi bị khai trừ khỏi Đảng và truy tố trước pháp luật.

Cuộc khủng hoảng nổ ra sớm nhất ở *Ba Lan*, từ cuối năm 1988, sau đó lan sang Hunggari, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, Rumani, Bungari, Nam Tư, Anbani. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội, với sự tiếp sức của các nước phương Tây ra sức hoạt động, kích động công nhân bãi công, quần chúng biểu tình, đấu tranh đòi Đảng và Nhà nước các nước Đông Âu phải cải cách kinh tế, chính trị, thực hiện chế độ đa nguyên về chính trị, xóa bỏ độc quyền lãnh đạo của một Đảng Cộng sản, tiến hành tổng tuyển cử tự do... Những hoạt động trên đây làm tê liệt mọi sinh hoạt của đất nước, đẩy chế độ xã hội chủ nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện và trầm trọng. Đảng và Nhà nước các nước Đông Âu lần lượt buộc phải chấp nhận xóa bỏ độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thực hiện chế độ đa nguyên và tiến hành tổng tuyển cử tự do.

Kết quả, qua tổng tuyển cử tự do, ở hầu hết các nước Đông Âu (Ba Lan, Hunggari, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ Đức), các thế lực chống chủ nghĩa xã hội đều đã thắng cử, nắm được chính quyền Nhà nước, còn các Đảng Cộng sản bị thất bại, để rơi mất chính quyền khỏi tay mình. Ở Rumani, ngày 16-12-1989, quần chúng nhân dân thành phố Timisoara tiến hành biểu tình hòa bình phản đối nhà cầm quyền bắt giam một mục sư Tin lành và đưa ra những khẩu hiệu chống lại chính phủ Xêauxexcu. Cảnh sát đến đàn áp, quần chúng càng thêm phẫn nộ. Ngày 22 - 12 - 1989, quần chúng đã nổi dậy, làm chủ được tình hình ở Bucaret. Hội đồng Mặt trận cứu nước Rumani tuyên bố xóa bỏ chế độ độc tài Xêauxexcu ; ngày 25 - 12 - 1989, vợ chồng Xêauxexcu bị xử tử, toàn thể Bộ chính trị Đảng Cộng sản Rumani và các thành viên nội các (60 người) bị bắt giữ. Toàn bộ hệ thống Đảng, chính quyền của chế độ Xêauxexcu đã bị sụp đổ. Ở Bungari, Nam Tư, Anbani, lúc này chính quyền tuy còn ở trong tay Đảng của giai cấp công nhân, nhưng khủng hoảng vẫn tiếp diễn ngày càng thêm trầm trọng : nội chiến đã diễn ra trong nội bộ Liên bang Nam Tư giữa các nước cộng hòa Crôatia, Xecbia ; chính quyền ở Bungari, Anbani đang lâm vào khủng hoảng sâu sắc trước những cuộc bãi công của công nhân, biểu tình của quần chúng, và tình hình kinh tế trở nên ngày càng khó khăn, căng thẳng.

thuongmaitr

Như thế, trong những năm 1989 – 1991, cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu đã dẫn tới những biến đổi lớn : Ba Lan, Hunggari, Tiệp Khắc... quay trở lại đi theo con đường tư bản chủ nghĩa ; Cộng hòa dân chủ Đức sáp nhập vào Cộng hòa liên bang Đức để trở thành một quốc gia thống nhất dưới tên Cộng hòa liên bang Đức ; hầu hết các đảng của giai cấp công nhân ở các nước Đông Âu đều đổi tên đảng và chia rẽ thành nhiều phe phái, nhiều tổ chức với tên gọi khác nhau ; tên nước, quốc kì, quốc huy và ngày quốc khánh đều phải thay đổi lại.

Đây là một bước thụt lùi và một thất bại nặng nề của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, dẫn đến hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội trên thực tế không còn tồn tại nữa.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô : 1 – Đã xây dựng lên một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn, chưa phù hợp (không phù hợp với quy luật khách quan trên nhiều mặt phát triển kinh tế – xã hội, chưa dân chủ, chưa công bằng và nhân đạo...) ; 2 – Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động lớn của tình hình thế giới, và khi đã sửa chữa, thay đổi thì lại rời bỏ những nguyên lí đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lênin ; 3 – Những sai lầm và sự tha hóa về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong một số nước xã hội chủ nghĩa ; 4 – Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước (cuộc tấn công hòa bình mà họ thường gọi là cuộc "cách mạng nhung").

Nhưng, đây chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học, chưa nhân văn và một bước lùi tạm thời của chủ nghĩa xã hội – như V.I. Lênin đã nói : "Nếu người ta nhận xét thực chất của vấn đề, thì có bao giờ người ta thấy rằng trong lịch sử có một phương thức sản xuất mới nào lại đứng vững ngay được, mà lại không liên tiếp trải qua nhiều thất bại, nhiều sai lầm và tái phạm không ?"[1]

---

(1) V.I.Lênin – Toàn tập – "Sáng kiến vĩ đại", tập 29.

?

1. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu đã diễn ra như thế nào trong những năm 1989 – 1991 ?
2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng rồi sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô ?

IV – QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA LIÊN XÔ, CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU VÀ CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KHÁC

1. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)

Sau khi các nước Đông Âu bắt đầu bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, để thúc đẩy sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau chặt chẽ hơn nữa về kinh tế, văn hóa và khoa học – kĩ thuật giữa Liên Xô với các nước Đông Âu, ngày 8 – 1 – 1949, hội nghị kinh tế gồm đại biểu các nước Liên Xô, Anbani, Ba Lan, Bungari, Hunggari, Rumani, Tiệp Khắc đã quyết định thành lập tổ chức kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa : *Hội đồng tương trợ kinh tế* (thường gọi tắt là khối SEV).

thuongmaitr

Sau đó, lần lượt các nước Cộng hòa dân chủ Đức (1950), Cộng hòa nhân dân Mông Cổ (1962), Cộng hòa Cuba (1972) và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1978) đã gia nhập tổ chức này(1).

Sau khi thành lập, Hội đồng tương trợ kinh tế không ngừng đẩy mạnh quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế bằng cách phối hợp giữa các nước xã hội chủ nghĩa trong các kế hoạch kinh tế dài hạn, như phân công sản xuất theo hướng chuyên ngành trong phạm vi các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh mua bán và trao đổi hàng hóa, phát triển công – nông nghiệp, giao thông vận tải, khoa học – kĩ thuật...

---

(1) Về sau, Anbani đã rút ra khỏi khối SEV ; ngoài ra, còn có Nam Tư là hội viên theo quy chế riêng và các nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa dân chủ nhân dân Angôla và nước Êtiôpia xã hội chủ nghĩa là quan sát viên của khối SEV.

Trong hơn hai thập niên đầu sau khi thành lập, Hội đồng tương trợ kinh tế đã có tác dụng giúp đỡ, thúc đẩy các nước xã hội chủ nghĩa phát triển về kinh tế, tạo ra cơ sở vật chất – kĩ thuật để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Đến nửa đầu những năm 70, với trên 400 triệu dân, bằng hơn 10% dân số thế giới và chiếm 19% diện tích thế giới, các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế đã sản xuất được 35% sản phẩm công nghiệp thế giới, nhịp độ phát triển công nghiệp trung bình hàng năm đạt khoảng 10%. Liên Xô đã giữ vai trò quan trọng trong hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế : chỉ tính từ năm 1969 đến 1970, Liên Xô đã cho các nước hội viên khác vay 13 tỉ rúp với lãi suất nhẹ, và các khoản giúp đỡ không hoàn lại lên tới 20 tỉ rúp.

Tuy thế, trong hoạt động của mình, Hội đồng tương trợ kinh tế cũng bộc lộ nhiều hạn chế và thiếu sót, như "khép kín cửa" và không hòa nhập được vào nền kinh tế thế giới đang ngày càng quốc tế hóa cao độ, nặng về trao đổi hàng hóa mang tính bao cấp, sự hợp tác trong các kế hoạch kinh tế dài hạn gặp phải những trở ngại của cơ chế quan liêu bao cấp, sự phân công sản xuất theo hướng chuyên ngành có những chỗ chưa hợp lí v.v... Cùng với sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu, trước những biến đổi mới của tình hình thế giới, sự tồn tại của Hội đồng tương trợ kinh tế không còn thích hợp nữa, do đó hội nghị đại biểu các nước thành viên (ngày 28 – 6 – 1991), đã quyết định chấm dứt mọi hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế.

? – Trong hoàn cảnh nào Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập ? Tổ chức này đã có những tác dụng gì đối với các nước thành viên trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ?

2. Tổ chức liên minh phòng thủ Vacxava

Năm 1955, các nước thành viên khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (gọi tắt là khối NATO) đã phê chuẩn hiệp ước Pari năm 1954 nhằm vũ trang lại Tây Đức, đưa Tây Đức gia nhập khối quân sự NATO, qua đó biến Tây Đức thành một lực lượng xung kích chống lại Liên Xô, Cộng hòa dân chủ Đức và các nước xã hội chủ

nghĩa Đông Âu. Sự việc này đã làm cho hòa bình và an ninh của các nước châu Âu bị uy hiếp nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, các nước Anbani, Ba Lan, Bungari, Cộng hòa dân chủ Đức, Hunggari, Rumani, Liên Xô và Tiệp Khắc đã tổ chức hội nghị ở Vacxava kí kết "*Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và tương trợ*" Vacxava ngày 14 – 5 – 1955 với thời hạn 20 năm nhằm gìn giữ an ninh của các nước thành viên, duy trì hòa bình ở châu Âu và củng cố hơn nữa tình hữu nghị và sự hợp tác giữa các nước thành viên xã hội chủ nghĩa anh em(1). Theo hiệp ước đã kí kết, các nước thành viên thỏa thuận trong trường hợp một hay nhiều nước tham gia hiệp ước bị tấn công quân sự hoặc nền an ninh đất nước bị uy hiếp, các nước tham gia hiệp ước có nhiệm vụ giúp đỡ nước bị tấn công bằng mọi phương tiện có thể có, kể cả dùng lực lượng vũ trang. Các nước tham gia hiệp ước đã quyết định thành lập Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang chung, cử nguyên soái Liên Xô Kônhép làm Tổng tư lệnh lực lượng vũ trang chung của Tổ chức hiệp ước Vacxava.

Tổ chức hiệp ước Vacxava mang tính chất một liên minh phòng thủ về quân sự – chính trị của Liên Xô và các nước Đông Âu nhằm chống lại âm mưu gây chiến, xâm lược của khối quân sự NATO do đế quốc Mĩ cầm đầu.

> Sau khi ra đời, Tổ chức hiệp ước Vacxava đã trở thành một đối trọng với khối quân sự NATO, gìn giữ hòa bình ở châu Âu và giữ vững nền độc lập, an ninh của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước mọi sóng gió (như ở Hunggari năm 1956, Tiệp Khắp năm 1968 và Ba Lan đầu những năm 80...). Tổ chức này cũng đã góp phần thúc đẩy việc thống nhất trang bị, hiện đại hóa và tăng cường sức mạnh lực lượng vũ trang của các nước thành viên, dẫn đến hình thành thế chiến lược cân bằng về sức mạnh quân sự giữa các nước xã hội chủ nghĩa với các nước đế quốc chủ nghĩa vào đầu những năm 70.

Sau những biến động chính trị lớn ở các nước Đông Âu và sau khi những người đứng đầu hai Nhà nước Xô, Mĩ đã thỏa thuận

---

(1) Năm 1961, do bất đồng trong quan hệ với Liên Xô và các nước Đông Âu khác, Anbani đã rút khỏi Tổ chức hiệp ước Vacxava.

với nhau về việc chấm dứt cuộc "chiến tranh lạnh" (tại cuộc gặp không chính thức giữa Tổng thống Mĩ Busơ và Tổng thống Liên Xô Goocbachôp ở đảo Manta cuối 1989), việc tiếp tục tồn tại của Tổ chức hiệp ước Vacxava không còn thích hợp với tình hình mới nữa. Đầu năm 1991, hội nghị đại biểu các nước thành viên đã quyết định chấm dứt mọi hoạt động của tổ chức này, kể từ sau ngày 31-3-1991 và đến 1-7-1991, chính thức giải thể tổ chức này.

? – Trong hoàn cảnh nào, Tổ chức Liên minh phòng thủ Vacxava ra đời và mục đích, tính chất của nó ? Vai trò của tổ chức này trong quá trình tồn tại của nó ?

3. Quan hệ hợp tác giữa Liên Xô, các nước Đông Âu và các nước xã hội chủ nghĩa khác

Ngoài các mối quan hệ trong khuôn khổ Hội đồng tương trợ kinh tế và Tổ chức hiệp ước Vacxava, giữa Liên Xô, các nước Đông Âu với các nước xã hội chủ nghĩa khác còn có nhiều mối quan hệ hợp tác về mọi mặt.

uongxua.vn

Sau khi cách mạng Trung Quốc thắng lợi và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập, ngày 14 – 2 – 1950, hai chính phủ Liên Xô và Trung Quốc đã kí kết "Hiệp ước hữu nghị liên minh tương trợ Xô – Trung", xác định về mặt pháp lí khối liên minh giữa Liên Xô và Trung Quốc nhằm chống lại mọi âm mưu tấn công xâm lược của chủ nghĩa đế quốc bên ngoài. Ngoài ra, Liên Xô còn cho Trung Quốc vay tiền, giúp đỡ chuyên gia và kĩ thuật để Trung Quốc có thể khôi phục và phát triển kinh tế của mình.

Trong những năm 50, quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc là hữu nghị, góp phần tăng cường sức mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới. Nhưng từ đầu những năm 60 trở đi, mối quan hệ giữa hai nước trở nên căng thẳng, đối đầu và đến năm 1969, xung đột vũ trang giữa quân đội hai nước đã nổ ra ở biên giới Xô – Trung. Từ sau đó, mối quan hệ giữa hai nước trở nên căng thẳng, phức tạp.

Năm 1989, trong xu thế hòa hoãn, đối thoại giữa các cường quốc trên thế giới, Tổng thống Liên Xô Goocbachốp đã đến thăm Trung Quốc, hội đàm với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, chấm dứt thời kì đối đầu và mở ra một thời kì mới – thời kì bình thường hóa trong quan hệ Liên Xô và Trung Quốc.

Ở Đông Âu, từ đầu những năm 60 trở đi, mối quan hệ giữa Liên Xô và Anbani cũng trở nên căng thẳng, đối đầu : hai bên đã cắt đứt quan hệ ngoại giao, Anbani rút ra khỏi khối hiệp ước Vácxava và Hội đồng tương trợ kinh tế. Sau 30 năm gián đoạn, đầu 1991, Liên Xô và Anbani đã bình thường hóa trở lại mối quan hệ giữa hai nước.

Các nước Triều Tiên, Cuba, Việt Nam và Lào đã nhận được sự giúp đỡ đắc lực của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Sự giúp đỡ này đã góp phần quan trọng để nhân dân các nước trên có thể đánh bại được chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giành lại độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ Trung Quốc, Việt Nam từ năm 1992 đến nay cũng đã bình thường hóa trở lại.

?

1. Mối quan hệ Xô – Trung từ năm 1950 đến nay đã diễn ra như thế nào ?
2. Hãy kể rõ sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đối với Việt Nam từ năm 1950 đến nay. Sự giúp đỡ này đã có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam ?

thuongmaitr

BÀI 2

CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LATINH SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – TRUNG QUỐC

1. Cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc thắng lợi

Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc thắng lợi, cục diện cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo đã có nhiều

biến động quan trọng khác trước : lực lượng quân đội chủ lực phát triển lên tới 120 vạn người, dân quân 200 vạn người ; vùng giải phóng bao gồm 19 khu căn cứ chiếm gần 1/4 đất đai và 1/3 dân số cả nước ; ngoài ra, với sự giúp đỡ của Liên Xô (chuyển giao vùng Đông Bắc Trung Quốc, vùng công nghiệp có vị trí chiến lược quan trọng, cho Đảng Cộng sản và chính quyền cách mạng quản lí, giúp toàn bộ vũ khí tước được của hơn 1 triệu quân Quan Đông cho Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, v.v...), cách mạng Trung Quốc đã có những điều kiện thuận lợi và cơ sở vững chắc để phát triển mạnh mẽ.

Trước sự lớn mạnh của cách mạng Trung Quốc, tập đoàn thống trị Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc và phong trào cách mạng Trung Quốc. Họ đã cấu kết chặt chẽ với Mĩ và dựa vào sự giúp đỡ về mọi mặt của Mĩ để thực hiện mưu đồ này. Mặt khác, sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Mĩ ra sức giúp đỡ Tưởng Giới Thạch phát động nội chiến với âm mưu biến Trung Quốc thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

ruongxua.vn

Mĩ đã trang bị, huấn luyện trên 50 vạn quân đội Tưởng Giới Thạch, giúp đỡ vận chuyển quân đội Tưởng Giới Thạch đến bao vây các khu giải phóng, cho 10 vạn quân đội Mĩ đổ bộ vào Trung Quốc và hạm đội Mĩ cũng tiến vào cửa biển Trung Quốc (Sơn Đông). Trong vòng chưa đầy hai năm sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc, Mĩ đã "viện trợ" cho Tưởng Giới Thạch lên tới 4 tỉ 430 triệu đô la, trong đó đại bộ phận là "viện trợ" quân sự.

Sau khi được Mĩ giúp đỡ và chuẩn bị cho đầy đủ mọi mặt, ngày 20 – 7 – 1946, Tưởng Giới Thạch đã huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy (113 lữ đoàn, khoảng 160 vạn quân) tấn công toàn diện vào các vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cuộc nội chiến chính thức bùng nổ.

Do so sánh lực lượng lúc đầu còn chênh lệch, từ tháng 7 – 1946 đến tháng 6 – 1947, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực, không giữ đất đai mà chủ yếu nhằm tiêu diệt sinh lực địch và xây dựng lực lượng mình. Qua một năm chiến đấu, Quân giải phóng đã tiêu diệt được 1112000 quân chủ lực Quốc dân đảng và phát triển lực lượng chủ lực của mình lên tới hai triệu người.

Từ tháng 6 – 1947, Quân giải phóng chuyển sang phản công, tiến quân vào giải phóng các vùng do Quốc dân đảng thống trị. Từ tháng 9 – 1948 đến tháng 1 – 1949, Quân giải phóng lần lượt mở ba chiến dịch lớn (Liêu – Thẩm, Hoài – Hải, Bình – Tân), tiêu diệt tổng cộng hơn 1540000 quân Quốc dân đảng (gần 144 sư đoàn quân chính quy, 29 sư đoàn quân địa phương), làm cho lực lượng chủ lực của địch về cơ bản đã bị tiêu diệt.

Tháng 4 – 1949, Quân giải phóng vượt sông Trường Giang ; ngày 23 – 4, Nam Kinh – trung tâm thống trị của tập đoàn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch – được giải phóng, nền thống trị của Quốc dân đảng đến đây chính thức sụp đổ. *Ngày 1 – 10 – 1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tuyên bố chính thức thành lập*, đánh dấu cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc đã hoàn thành. Với diện tích bằng 1/4 châu Á và chiếm gần 1/4 dân số toàn thế giới, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

? – Trình bày ngắn gọn diễn biến của cuộc nội chiến cách mạng 1946 – 1949.

thuongmaitr

2. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)

Từ 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa nhằm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa : cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, triển khai cuộc cách mạng văn hóa, tư tưởng v.v... Dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957) hoàn thành thắng lợi, làm cho nền kinh tế và văn hóa, giáo dục Trung Quốc có những tiến bộ vượt bậc.

So với 1952, sản lượng công nghiệp năm 1957 tăng 140%, sản lượng nông nghiệp tăng 25%. Trung Quốc đã tự sản xuất được 60% máy móc cần thiết và công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đã căn bản hoàn thành.

Sau 10 năm đầu xây dựng chế độ mới, nền kinh tế Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn : tổng sản lượng công – nông nghiệp tăng 11,8 lần, riêng công nghiệp tăng 10,7 lần. Nền văn hóa, giáo dục cũng đạt được những bước tiến vượt bậc.

Về mặt đối ngoại, Trung Quốc đã kí với Liên Xô "*Hiệp ước hữu nghị liên minh và tương trợ Trung – Xô*" (tháng 2 – 1950), phái *Quân chí nguyện* sang giúp đỡ nhân dân Triều Tiên chống đế quốc Mĩ xâm lược, ủng hộ nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ latinh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong thập niên đầu sau khi cách mạng thắng lợi, địa vị của Trung Quốc đã được nâng cao trên trường quốc tế.

? – Hãy kể ngắn gọn những thành tựu mà nhân dân Trung Quốc đã đạt được trong công cuộc xây dựng chế độ mới qua mười năm đầu sau khi cách mạng thắng lợi (1949 – 1959).

uongxua.vn

3. Tình hình Trung Quốc từ sau năm 1959 và công cuộc cải cách hiện nay

Từ năm 1959, với việc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng", tức "đường lối chung" xây dựng chủ nghĩa xã hội, "đại nhẩy vọt" và xây dựng "công xã nhân dân", nền kinh tế Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn, sản xuất giảm sút nghiêm trọng và đời sống của nhân dân Trung Quốc gặp rất nhiều khó khăn.

Đường lối "ba ngọn cờ hồng" chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội theo phương châm "nhiều, nhanh, tốt, rẻ", thực hiện cuộc "đại nhẩy vọt" bằng tăng sản lượng thép lên gấp 10 lần so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1958 – 1962), sản xuất công nghiệp tăng hơn 3 lần và nông nghiệp hơn 2 lần ; hợp nhiều hợp tác xã lại thành "công xã nhân dân" trong đó xã viên sinh hoạt, sản xuất theo phương thức quân sự hóa và thực hiện chế độ "bao" cho ăn, ở, mặc, thuốc men, học phí, chôn cất khi chết v.v... Do thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng", năm 1959 đã có hàng chục triệu người bị chết đói, đồng ruộng bị bỏ hoang, nhà máy bị đóng cửa vì thiếu nguyên liệu, lương thực.

Năm 1959, Mao Trạch Đông phải thôi giữ chức vụ Chủ tịch nước và Lưu Thiếu Kì lên thay thế. Cũng từ đó, trong nội bộ Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc đã diễn ra những bất đồng về đường lối và tranh chấp về quyền lực hết sức quyết liệt, phức tạp giữa các phe phái khác nhau. Đỉnh cao của cuộc tranh giành quyền lực trong giới lãnh đạo Trung Quốc là cuộc "đại cách mạng văn hóa vô sản" diễn ra trong những năm 1966 – 1968.

Hàng chục triệu "tiểu tướng Hồng vệ binh" được huy động đến đập phá các cơ quan Đảng, chính quyền, lôi ra đấu tố, truy bức, nhục hình từ Chủ tịch nước Lưu Thiếu Kì đến Phó Thủ tướng, các nguyên soái, bộ trưởng và tướng tá. Hồng vệ binh có quyền giải tán các cấp ủy Đảng, cách chức các cấp chính quyền và lập ra "ủy ban cách mạng văn hóa" để thay thế nắm mọi quyền lực Đảng và chính quyền. Ở những nơi xẩy ra cuộc đấu tranh của quần chúng chống lại sự phá phách, hành động ngang ngược và sự đấu tố tàn bạo của Hồng vệ binh thì quân đội được điều đến để đàn áp các lực lượng chống đối. Cuộc "đại cách mạng văn hóa vô sản" đã tàn sát hàng chục triệu người, gây nên một cục diện hỗn loạn, đau thương và những hậu quả tai hại cho đất nước Trung Quốc.

Sau đó, từ năm 1968 đến 1978, trong nội bộ giới lãnh đạo Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn ra nhiều cuộc thanh trừng, lật đổ lẫn nhau.

thuongmaitr

Về mặt đối ngoại, từ năm 1959 trở đi, giới lãnh đạo Trung Quốc đã thi hành một đường lối bất lợi cho cách mạng Trung Quốc và cách mạng thế giới : gây nên những vụ xung đột vũ trang tranh chấp biên giới với Ấn Độ, Liên Xô. Đối với ba nước Đông Dương, từ sau "Thông cáo Thượng Hải" năm 1972(1), những người lãnh đạo Trung Quốc đã thực hiện nhiều chính sách, biện pháp gây nên nhiều tổn thất nghiêm trọng cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ba nước Đông Dương.

Tháng 12 – 1978, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã họp, vạch ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế xã hội ở Trung Quốc hiện nay. Đến

---

(1) Thông cáo kí tại Thượng Hải giữa Tổng thống Mĩ Níchxơn và Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai nhân dịp chuyến đi thăm Trung Quốc của Níchxơn vào tháng 2–1972.

Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIII cuối năm 1987, đường lối này được nâng lên thành đường lối chung của Đảng và Nhà nước Trung Quốc : trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội sẽ xây dựng chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc Trung Quốc, lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản (kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác – Lênin – tư tưởng Mao Trạch Đông), thực hiện cải cách và mở cửa, phấn đấu xây dựng Trung Quốc thành nước xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa, giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

Trong chính sách đối ngoại, Đảng và Nhà nước Trung Quốc cũng có nhiều đổi mới, bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, Inđônêxia, Việt Nam, ... mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

Từ sau khi thực hiện cải cách, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế, ổn định lại tình hình chính trị, xã hội và địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.

uongxua.vn

?

1. Hãy kể ngắn gọn tình hình Trung Quốc từ năm 1959 đến cuối 1978.

2. Trình bày ngắn gọn đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay của Đảng và Nhà nước Trung Quốc.

II – CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Lào

Lợi dụng thời cơ phát xít Nhật đầu hàng, từ 23 – 8 – 1945, nhân dân Lào đã nổi dậy và thành lập chính quyền cách mạng ở nhiều nơi. Ngày 12 – 10 – 1945, nhân dân thủ đô Viêng Chăn khởi nghĩa giành chính quyền, chính phủ Lào ra mắt quốc dân và trịnh trọng tuyên bố trước thế giới nền độc lập của nước Lào.

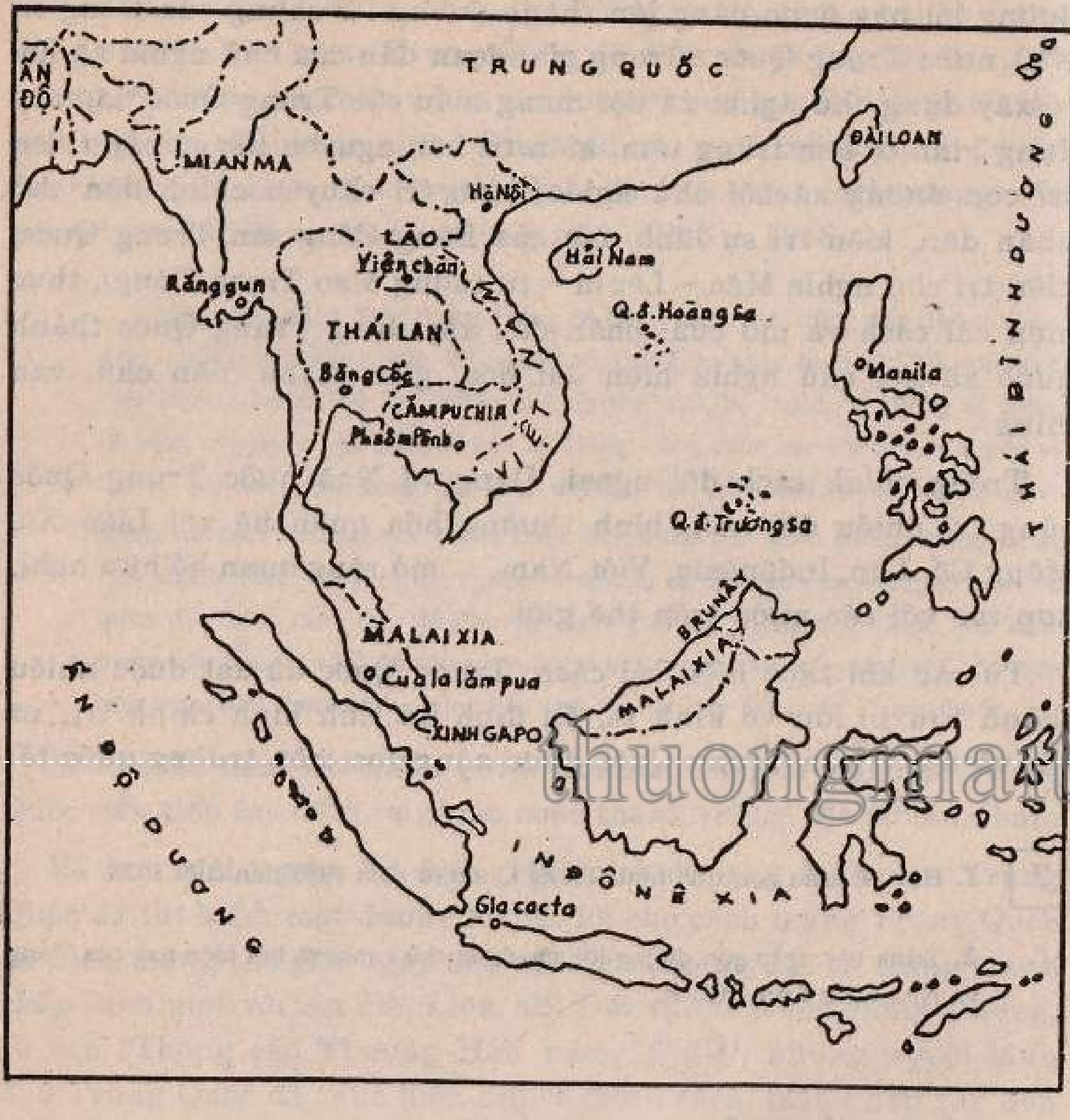

Hình 4 - Lược đồ khu vực Đông Nam Á
sau Chiến tranh thế giới thứ hai

thuongmaitr

Tháng 3 – 1946, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Lào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhân dân Lào đã kiên cường đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp để bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản, với sự giúp đỡ của Quân tình nguyện Việt Nam, phong trào kháng chiến ngày càng

mở rộng, và từ 1947, các chiến khu dần dần được thành lập ở Tây Lào, Thượng Lào, Đông Bắc Lào... Ngày 20 – 1 – 1949, Quân giải phóng nhân dân Lào chính thức thành lập do Cayxỏn Phômvihản chỉ huy.

Ngày 13-8-1950, Đại hội toàn quốc kháng chiến của nhân dân Lào họp, thành lập *Mặt trận Lào tự do* và chính phủ kháng chiến Lào do Hoàng thân Xuphanuvông đứng đầu. Sự kiện trọng đại này đánh dấu bước ngoặt phát triển của cách mạng Lào.

Bước sang những năm 1953 – 1954, Quân giải phóng nhân dân Lào đã sát cánh cùng các đơn vị Quân tình nguyện Việt Nam mở nhiều chiến dịch lớn (chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào năm 1953, chiến dịch Thượng Lào năm 1954...) nhằm phối hợp chặt chẽ với chiến trường Việt Nam trong thời gian này, đặc biệt quan trọng là trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954. Các chiến dịch này đều đã thu được những thắng lợi to lớn góp phần quan trọng vào việc đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp, buộc chúng phải kí kết Hiệp định Giơnevơ tháng 7 – 1954 công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

Ngay sau khi chủ nghĩa thực dân cũ Pháp bị đánh bại, đế quốc Mĩ liền tìm mọi cách hất cẳng Pháp và phát động cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới nhằm biến Lào thành một thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mĩ.

Thông qua "viện trợ" kinh tế và quân sự, đế quốc Mĩ đã dựng lên chính quyền, quân đội tay sai và nắm quyền chi phối mọi mặt ở Lào. Giữa năm 1955, Mĩ điều khiển quân đội tay sai Viêng Chăn tấn công vào hai tỉnh tập kết của lực lượng cách mạng Lào ở Sầm Nưa, Phôngxali ; tiến hành càn quét, đàn áp lực lượng kháng chiến cũ ở khắp các tỉnh trong cả nước, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Lào.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (thành lập ngày 22 – 3 – 1955), quân và dân Lào đã đánh bại được các cuộc tấn công quân sự của địch, giải phóng thêm nhiều vùng rộng lớn ở Thượng Lào, Trung Lào và Hạ Lào (đến đầu những năm 60, vùng giải phóng Lào đã nối liền từ Thượng Lào đến Trung Lào và Hạ Lào, chiếm 2/3 đất đai và hơn 1/3 dân số cả nước). Cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân chống đế quốc Mĩ xâm lược cũng dâng cao mạnh mẽ ở khắp mọi nơi, kể cả thủ đô Viêng Chăn.

Năm 1964, Mĩ bắt đầu sử dụng không quân ném bom tàn phá dã man các vùng giải phóng, phái hàng ngàn cố vấn quân sự Mĩ sang trực tiếp điều khiển cuộc chiến tranh và đưa nhiều đơn vị lính đánh thuê Thái Lan sang tham chiến ở Lào. Cũng từ đó, cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Lào chính thức chuyển sang hình thái "*chiến tranh đặc biệt*" và được nâng lên đỉnh cao nhất của nó – "*chiến tranh đặc biệt tăng cường*" từ năm 1969, sau khi Níchxơn trúng cử lên làm Tổng thống Mĩ. Mĩ đã ném 3 triệu tấn bom xuống Lào (tính trung bình mỗi người dân Lào phải chịu đựng 1 tấn bom), và liên tiếp mở những cuộc hành quân lớn nhằm đánh chiếm vùng giải phóng, tiêu diệt lực lượng cách mạng. Nhưng quân dân Lào đã từng bước đánh bại các kế hoạch leo thang chiến tranh của đế quốc Mĩ. Vì vậy, ngày 21–2–1973, Mĩ và tay sai buộc phải kí hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.

Thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam ngày 30–4–1975 đã cổ vũ và tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, từ tháng 5 đến tháng 12 – 1975, nhân dân Lào đã nổi dậy và giành được toàn bộ chính quyền trong cả nước.

thuongmaitr

Ngày 2–12–1975, nước *Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào* chính thức thành lập. Cũng từ đó, cách mạng Lào bước sang thời kì phát triển mới – xây dựng chế độ dân chủ nhân dân rồi tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

? – Hãy trình bày tóm tắt các giai đoạn phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc ở Lào từ 1945 đến 1975.

2. Campuchia

Ngay sau khi Nhật Bản đầu hàng, tháng 10–1945, quân đội Pháp quay trở lại xâm lược Campuchia. Triều đình phong kiến nhanh chóng quy thuận Pháp, và ngày 7–4–1946, kí với Pháp hiệp định chấp nhận sự thống trị trở lại của Pháp ở Campuchia.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và từ 1951 trở đi là *Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia* – nhân dân Campuchia đã anh dũng đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Những năm đầu, phong trào kháng chiến còn mang tính tự phát, cục bộ trong từng địa phương, chưa có một trung tâm lãnh đạo thống nhất. Cục diện kháng chiến ngày càng mở rộng, đòi hỏi bức thiết phải thống nhất tất cả các lực lượng cách mạng trong cả nước.

Từ ngày 17 đến 19-4-1950, những người kháng chiến Campuchia đã tiến hành Đại hội quốc dân, thành lập Ủy ban Mặt trận dân tộc thống nhất (Mặt trận Khơme) và bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng trung ương lâm thời, tức chính phủ kháng chiến do Sơn Ngọc Minh làm Chủ tịch. Ngày 19-6-1951, trên cơ sở thống nhất các lực lượng vũ trang trong cả nước, quân đội cách mạng chính thức thành lập lấy tên là *Quân đội Ixarắc*. Tháng 7-1951, Hội nghị đại biểu các đảng viên cộng sản toàn Campuchia đã chính thức thành lập *Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia* theo quyết định của Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 2-1951 (quyết định tổ chức ở mỗi nước một đảng cách mạng riêng phù hợp với đặc điểm của từng nước).

truongxua.vn

Bước vào những năm 1953 – 1954, phong trào kháng chiến của nhân dân Campuchia phát triển mạnh mẽ ở khắp mọi nơi và thu được những thắng lợi to lớn. Vùng giải phóng đã được mở rộng, chiếm khoảng 1/4 lãnh thổ Campuchia với dân số ước chừng gần 2 triệu người. Cuối năm 1952, tình thế quân sự, chính trị và tài chính của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương đã trở nên hết sức nguy kịch. Trong bối cảnh đó, Xihanuc tiến hành cuộc vận động ngoại giao (thường được gọi là "cuộc thập tự chinh của Quốc vương vì nền độc lập của Campuchia"), gây sức ép buộc chính phủ Pháp phải kí kết hiệp ước "trao trả độc lập cho Campuchia" ngày 9-11-1953. Tuy thế, quân đội Pháp vẫn tiếp tục chiếm đóng Campuchia và Pháp vẫn nắm mọi quyền hành ở Campuchia.

Sau thất bại Điện Biên Phủ năm 1954, thực dân Pháp buộc phải kí kết hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia, Lào, Việt Nam. Hiệp định cũng quy định tất cả các đơn vị quân đội Pháp rút ra khỏi lãnh

thổ Campuchia, vĩnh viễn chấm dứt chế độ thống trị thực dân của Pháp ở Campuchia.

Sau Hiệp định Giơnevơ, chính phủ Campuchia do Xihanuc đứng đầu, đã thực hiện đường lối hòa bình, trung lập, không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc chính trị nào, tiếp nhận viện trợ từ mọi phía miễn là không có điều kiện ràng buộc. Nhờ vào đường lối này, Campuchia đã trải qua một thời kì phát triển hòa bình và có điều kiện đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, giáo dục của đất nước. Nhưng dưới sự điều khiển của Mĩ ngày 18-3-1970, thế lực tay sai Mĩ đã làm cuộc đảo chính lật đổ Xihanuc, phá hoại nền hòa bình, trung lập và đưa Campuchia vào quỹ đạo cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ trên cả ba nước Đông Dương.

Ngay sau cuộc đảo chính, với sự giúp đỡ của Quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược của nhân dân Campuchia vẫn có những bước phát triển nhanh chóng, lực lượng vũ trang cách mạng lớn mạnh và vùng giải phóng được mở rộng ở khắp mọi miền đất nước.

Mùa xuân 1975, quân và dân Campuchia mở cuộc tổng công kích giành thắng lợi cuối cùng. Ngày 17-4-1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia kết thúc thắng lợi.

Nhưng liền ngay sau khi Phnôm Pênh được giải phóng, tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêng Xari quay lại phản bội cách mạng. Chúng xua đuổi nhân dân ra khỏi các thành phố, buộc về lao động và sinh sống trong những trại tập trung ở nông thôn.

Chúng tàn phá chùa chiền, trường học, cấm chợ búa và tàn sát dã man hàng triệu dân Campuchia vô tội. Về đối ngoại, chúng gây ra cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam Việt Nam, kích động sự thù hằn dân tộc chống Việt Nam. Trước thảm họa diệt chủng, nhân dân Campuchia sôi sục căm thù, nổi dậy đấu tranh chống lại chế độ Pôn Pốt – Iêng Xari. Ngày 3-12-1978, *Mặt trận dân tộc cứu nước Campuchia* được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của mặt trận, được sự giúp đỡ của bộ đội tình nguyện Việt Nam, quân và dân Campuchia đã nổi dậy ở nhiều nơi. Ngày 7-1-1979,

thuongmaitr

thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, chế độ diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xari bị lật đổ.

Sau thắng lợi này, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, nhân dân Campuchia một mặt phải thực hiện công cuộc hồi sinh, xây dựng lại đất nước bị tàn phá, mặt khác, phải tiến hành cuộc nội chiến kéo dài chống lại các thế lực chống đối liên kết lại với nhau. Trải qua hơn một thập niên, cuộc nội chiến đã gây nên nhiều đau thương, tổn thất cho nhân dân và đất nước Campuchia.

Trước những biến chuyển mới của các mối quan hệ quốc tế và để thực hiện đường lối hòa hợp dân tộc, chính phủ Phnôm Pênh đã chủ động tiến hành những cuộc thương lượng với các lực lượng đối lập nhằm tìm ra một giải pháp chính trị chấm dứt cuộc chiến tranh "huynh đệ tương tàn" đã kéo dài. Để thúc đẩy tiến tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia, tháng 9 – 1989, Quân tình nguyện Việt Nam đã chủ động và đơn phương rút hết khỏi Campuchia. Với sự góp sức của hai nước Pháp, Inđônêxia và 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an, qua nhiều năm thương lượng, các bên Campuchia đã đi đến thỏa thuận thành lập Hội đồng dân tộc tối cao Campuchia (SNC) do thái tử N.Xihanuc làm Chủ tịch. Ngày 23-10-1991, tại Hội nghị quốc tế Pari về Campuchia, các bên đã kí Hiệp định hòa bình về Campuchia, tạo điều kiện để nhân dân Campuchia khôi phục và phát triển đất nước, xây dựng một nước Campuchia độc lập, hòa bình, tự do, dân chủ, trung lập và phồn vinh.[1]

?

1. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Campuchia đã kết thúc như thế nào ?
2. Hãy trình bày ngắn gọn các giai đoạn phát triển của cách mạng Campuchia từ 1945 đến nay.
3. Mối quan hệ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia từ 1945 đến nay được biểu hiện cụ thể như thế nào ?

---

(1) Xem tiếp phần Phụ lục 1, trang 114.

tuongxua.vn

III – CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á *(tiếp theo)*

3. Inđônêxia và Thái Lan

Ở *Inđônêxia*, sau khi Nhật Bản đầu hàng, ngày 17-8-1945, đại diện các đảng phái, các đoàn thể yêu nước đã soạn thảo và kí vào bản *Tuyên ngôn độc lập,* sau đó bác sĩ Xucacnô đọc bản Tuyên ngôn trước cuộc mít tinh của đông đảo quần chúng ở thủ đô Giacacta, tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Inđônêxia.

Hưởng ứng *Tuyên ngôn độc lập,* ở các thành phố như Giacacta, Xurabaya..., đông đảo quần chúng nhân dân đã nổi dậy chiếm lĩnh các công sở, đài phát thanh và giành lại được chính quyền từ tay phát xít Nhật. Ngày 18-8-1945, Hội nghị "Ủy ban trù bị độc lập Inđônêxia" gồm đại diện các đảng phái, các đoàn thể đã họp thông qua hiến pháp và bầu Xucacnô làm Tổng thống nước Cộng hòa Inđônêxia.

Tháng 11-1945, được sự giúp đỡ của quân đội Anh, thực dân Hà Lan phát động cuộc chiến tranh xâm lược trở lại Inđônêxia. Lúc này, chính phủ Inđônêxia coi nhẹ việc phát động quần chúng nhân dân kháng chiến, mà chỉ nặng về thương lượng, thỏa hiệp với thực dân Hà Lan. Năm 1949, chính phủ Inđônêxia đã kí với Hà Lan Hiệp ước Lahay, biến Inđônêxia từ nước độc lập trở thành nước nửa thuộc địa của Hà Lan.

Từ năm 1953, chính phủ dân tộc dân chủ do Đảng Quốc dân, lãnh đạo, đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm khôi phục và củng cố nền độc lập của đất nước : phế bỏ phái đoàn cố vấn quân sự của Hà Lan ở Inđônêxia (1953), hủy bỏ Hiệp ước Lahay (1956), thu hồi miền Tây Irian (1963), thi hành rộng rãi các quyền tự do dân chủ v.v...

Ngày 30-9-1965, đơn vị quân đội bảo vệ phủ tổng thống đã tiến hành cuộc đảo chính quân sự, nhưng cuộc đảo chính đã nhanh chóng bị dập tắt. Từ sau cuộc đảo chính, Xuháctô lên làm Tổng thống, đất nước Inđônêxia dần dần ổn định trở lại và sau đó phát triển nhanh chóng về các mặt kinh tế, văn hóa và giáo dục.

Từ những năm 50 đến nay, chính phủ Inđônêxia luôn luôn thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, không tham gia các liên minh

quân sự và đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xu thế đối thoại, hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Là nước có tài nguyên phong phú và dân số đông, diện tích đất đai lớn nhất ở Đông Nam Á, Inđônêxia đang giữ một vai trò quan trọng trong khu vực và trên trường quốc tế.

Sau khi chiến tranh kết thúc, dưới danh nghĩa Đồng minh, quân đội Anh vào chiếm đóng *Thái Lan* với âm mưu khôi phục lại địa vị cũ của mình. Nhưng, thông qua "viện trợ" kinh tế, quân sự và đặc biệt thông qua các cuộc đảo chính quân sự (tháng 11 - 1947 và tháng 11 - 1951, v.v...), Mĩ đã hất cẳng được Anh và đưa các thế lực thân Mĩ lên cầm quyền ở Thái Lan. Tháng 9-1954, Mĩ lôi kéo Thái Lan gia nhập khối phòng thủ Đông Nam Á (SEATO) và thiết lập bộ chỉ huy khối quân sự này tại Băng Cốc. Chính phủ Thái Lan đã phái các đơn vị lính đánh thuê Thái Lan sang tham chiến bên cạnh Mĩ ở Lào và Việt Nam trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở ba nước Đông Dương. Từ năm 1979, Thái Lan đã ủng hộ và cung cấp "đất thánh" cho các thế lực chống đối chống lại chính phủ Phnôm Pênh và công cuộc hồi sinh của nhân dân Campuchia.

uongxua.vn

Việc thực hiện một đường lối đối đầu chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ba nước Đông Dương trên thực tế chỉ làm cho tình hình khu vực Đông Nam Á thêm căng thẳng, mất ổn định. Cũng vì thế, từ cuối những năm 80, những người cầm quyền Thái Lan đã đưa ra khẩu hiệu "biến Đông Dương từ chiến trường thành thị trường" và chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại, hợp tác hai bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau trong cùng tồn tại hòa bình. Cũng từ đó, mối quan hệ giữa Thái Lan và ba nước Đông Dương không ngừng được cải thiện và sự hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa không ngừng tăng tiến.

Từ năm 1960, nền kinh tế Thái Lan có những bước phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp (đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo), công nghệ dệt và may mặc, du lịch. Hiện nay, Thái Lan được xếp vào hàng những quốc gia đang đứng trước ngưỡng cửa trở thành *nước công nghiệp*.

? – Cuộc cách mạng tháng Tám ở Inđônêxia đã diễn ra như thế nào ? Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Thái Lan đã phụ thuộc vào Mĩ như thế nào ?

4. Các nước Đông Nam Á khác

Dưới danh nghĩa "Đồng minh", tháng 9–1945, quân đội Anh tiến vào *Mã Lai* để tước khí giới quân Nhật, nhưng thực ra chủ yếu nhằm thiết lập trở lại nền thống trị của họ ở Mã Lai. Quân đội Anh đã tước vũ khí và giải tán đội quân kháng Nhật (thành lập năm 1942), thủ tiêu các cấp chính quyền cách mạng ở vùng giải phóng và đàn áp dã man lực lượng kháng chiến chống Nhật, đặc biệt là những đảng viên cộng sản.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Mã Lai, nhân dân Mã Lai đã đứng dậy tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang chống thực dân Anh, giải phóng dân tộc. Chính phủ Anh đã huy động hàng chục vạn quân đội được trang bị đầy đủ xe tăng, đại bác, máy bay... để tiến hành càn quét, tiêu diệt lực lượng kháng chiến. Thực dân Anh còn dồn đuổi nhân dân Mã Lai vào sinh sống trong những "ấp chiến lược" để nhằm kiểm soát và tách nhân dân ra khỏi phong trào cách mạng. Tuy thế, thực dân Anh vẫn không thể nào dập tắt được phong trào kháng chiến của nhân dân Mã Lai.

Tháng 2–1956, chính phủ Anh buộc phải tiến hành đàm phán với đoàn đại biểu "chính phủ liên bang Mã Lai" và kí kết công nhận nền độc lập của Mã Lai vào tháng 8–1957. Ngày 31–8–1957, Mã Lai tuyên bố độc lập. Năm 1963, Liên bang Malaixia thành lập.

Sau khi giành được độc lập, chính phủ Malaixia đã thi hành nhiều biện pháp nhằm củng cố nền độc lập dân tộc và thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục của đất nước. Từ những năm 70 trở lại đây, Malaixia đã đạt được những bước phát triển nhanh chóng về kinh tế : dầu mỏ, khí đốt, thiếc và cao su (chiếm 1/3 sản lượng toàn thế giới), công nghệ lắp ráp ô tô, máy điện tử, truyền hình v.v...

Năm 1957, cùng với việc công nhận nền độc lập của Malaixia, *Xingapo* cũng được Anh công nhận độc lập. Năm 1963, Xingapo

gia nhập Liên bang Malaixia, nhưng hai năm sau đó lại tuyên bố rút ra khỏi liên bang và thành lập một nhà nước độc lập.

Nằm ở vị trí thuận lợi và do tính năng động của giới cầm quyền, trong những năm 70 và 80, Xingapo đã đạt được những bước phát triển hết sức nhanh chóng về kinh tế – được mệnh danh là một trong bốn "rồng nhỏ" của châu Á và được gọi là *nước công nghiệp mới* (viết tắt theo tiếng Anh là "NIC"). Từ nền kinh tế thương nghiệp đơn thuần, quá trình phát triển công nghệ của Xingapo được bắt đầu từ những năm 60, giai đoạn đầu chủ yếu tập trung vào phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, sau đó đẩy mạnh các ngành có chất lượng khoa học kĩ thuật cao như điện tử, kĩ thuật điện, hóa chất, chế biến kim loại v.v... Xingapo hiện đang sản xuất ra những sản phẩm nổi tiếng thế giới : giàn khoan dầu trên biển, các linh kiện điện tử, thiết bị và máy tính điện tử...

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, dưới sự lãnh đạo của *Liên minh tự do nhân dân chống phát xít,* phong trào giải phóng dân tộc lên cao sôi nổi ở *Miến Điện* (nay gọi là *Mianma*). Trước sức ép đấu tranh của quần chúng nhân dân, tháng 10 – 1947, đế quốc Anh buộc phải kí kết "Hiệp ước Anh – Miến" công nhận Miến Điện là một nước hoàn toàn độc lập và tự chủ. Ngày 4-1-1948, *Liên bang Miến Điện* tuyên bố chính thức thành lập. Từ sau khi giành được độc lập đến nay, Miến Điện theo đường lối trung lập – không tham gia bất cứ liên minh quân sự, chính trị nào.

tuongxua.vn

Mùa thu 1944, sau khi đổ bộ trở lại *Philippin,* Mĩ tiến hành đàn áp dã man lực lượng kháng chiến chống Nhật. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Philippin, đội quân kháng Nhật và nhân dân Philippin tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang chống đế quốc Mĩ để giải phóng dân tộc. Thấy đàn áp bằng vũ lực không mang lại kết quả, tháng 7 – 1946, Mĩ buộc phải công nhận nền độc lập của Philippin và nước Cộng hòa Philippin thành lập. Tuy thế, Mĩ vẫn buộc giới cầm quyền Philippin phải kí kết nhiều hiệp ước bất bình đẳng.

Trong vài thập niên gần đây, chính phủ Philippin đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế sự ràng buộc của Mĩ về kinh tế,

quân sự và củng cố nền độc lập, tự chủ của Philippin, như buộc Mĩ phải rút quân khỏi các căn cứ quân sự Cơlác và Subich...

? – Kinh tế Xingapo trong vài thập niên trở lại đây đã phát triển như thế nào ?

5. Khối quân sự SEATO và tổ chức ASEAN

Ngày 8-9-1954, 8 nước Mĩ, Anh, Pháp, Ôxtrâylia, Niu Dilen, Philippin, Thái Lan và Pakixtan đã kí kết tại Manila (thủ đô Philippin) cái gọi là "Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á" và thành lập "Tổ chức hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á" (viết tắt theo tiếng Anh là SEATO). SEATO là một liên minh chính trị – quân sự do đế quốc Mĩ cầm đầu, được lập ra sau thất bại của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương năm 1954, nhằm chống lại phong trào giải phóng dân tộc đang ngày càng dâng cao ở Đông Nam Á, đặc biệt là chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội đang ngày càng lan rộng ở các nước Đông Nam Á.

thuongmaitr

Trong cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương (1954 – 1975), SEATO đã trở thành chỗ dựa cho việc thực hiện những ý đồ chiến lược chính trị, quân sự của đế quốc Mĩ.

Sau thất bại nặng nề của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương, tháng 9 – 1975, khối quân sự này đã quyết định giải thể.

Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) được thành lập tháng 8 – 1967 tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của các nước : Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan và Philippin, về sau thêm Brunây (7-1-1984). "*Hiệp ước hữu nghị và hợp tác*", kí kết tháng 2 – 1976 tại Hội nghị cấp cao ASEAN ở Bali (Inđônêxia), nêu rõ mục tiêu của ASEAN là xây dựng những mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực và thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập ở Đông Nam Á. Như thế *ASEAN là một tổ chức liên minh chính trị – kinh tế của khu vực Đông Nam Á.*

Từ 1979, ASEAN có những quan hệ đối đầu với ba nước Đông Dương, chủ yếu xoay quanh vấn đề Campuchia. Từ cuối những năm 80, ASEAN đã chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại, hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình với ba nước Đông Dương. Giữa các nước ASEAN với Việt Nam, Lào và Campuchia đã diễn ra những cuộc tiếp xúc, trao đổi, hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và khoa học. Triển vọng của các mối quan hệ hợp tác này sẽ còn phát triển nhiều hơn nữa sau khi vấn đề Campuchia đã được giải quyết. Ngày 28-7-1995, Việt Nam gia nhập ASEAN ; tiếp đó là Lào và Mianma (23-7-1997). Từ ngày 30-4-1999, Campuchia là thành viên thứ mười của tổ chức này. Như vậy, ASEAN đã trở thành "ASEAN toàn Đông Nam Á".

?

1. Khối quân sự SEATO ra đời trong bối cảnh lịch sử như thế nào và nhằm mục đích gì ? Tại sao khối SEATO lại tự giải thể năm 1975 ?
2. Hãy trình bày rõ mục tiêu của tổ chức ASEAN. Nêu những dẫn chứng về mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước ASEAN.
3. Vẽ bản đồ Đông Nam Á có ghi rõ tên thủ đô, tên từng quốc gia (bài tập ở nhà).

uongxua.vn

IV – ẤN ĐỘ, TRIỀU TIÊN VÀ KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

1. Ấn Độ

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc lên cao mạnh mẽ ở *Ấn Độ*. Ngày 19-2-1946, 2 vạn thủy binh trên 20 chiến hạm ở cảng Bombay đã khởi nghĩa, hạ cờ Anh, tổ chức biểu tình tuần hành với các khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Anh !", "Cách mạng muôn năm !". Khi quân đội Anh đến đàn áp, các binh sĩ hải quân đã chiến đấu chống lại rất anh dũng. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của thủy quân, 20 vạn công nhân, sinh viên, học sinh và đông đảo nhân dân Bombay đã bãi công, bãi khóa, bãi thị. Cuộc tổng bãi công sau đó biến thành khởi nghĩa vũ trang của nhân dân, kéo dài trong ba ngày liền (từ 21 đến 23 – 2) mới bị dập tắt. Ở nhiều thành phố khác, đông đảo công

nhân đã bãi công hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở Bombay như : Cancutta, Carasi, Mađơrat.

Ở nông thôn, phong trào "Tephaga" (tiếng Ấn Độ có nghĩa là 1/3, tức phong trào nông dân đấu tranh đòi chỉ nộp 1/3 thu hoạch cho địa chủ) đã nổ ra ở nhiều địa phương, có nơi nông dân nổi dậy cướp tài sản của cải của địa chủ. Đầu năm 1947, cao trào bãi công của công nhân đã nổ ra ở nhiều thành phố lớn, như cuộc bãi công của hơn 40 vạn công nhân thành phố Cancutta tháng 2 - 1947...

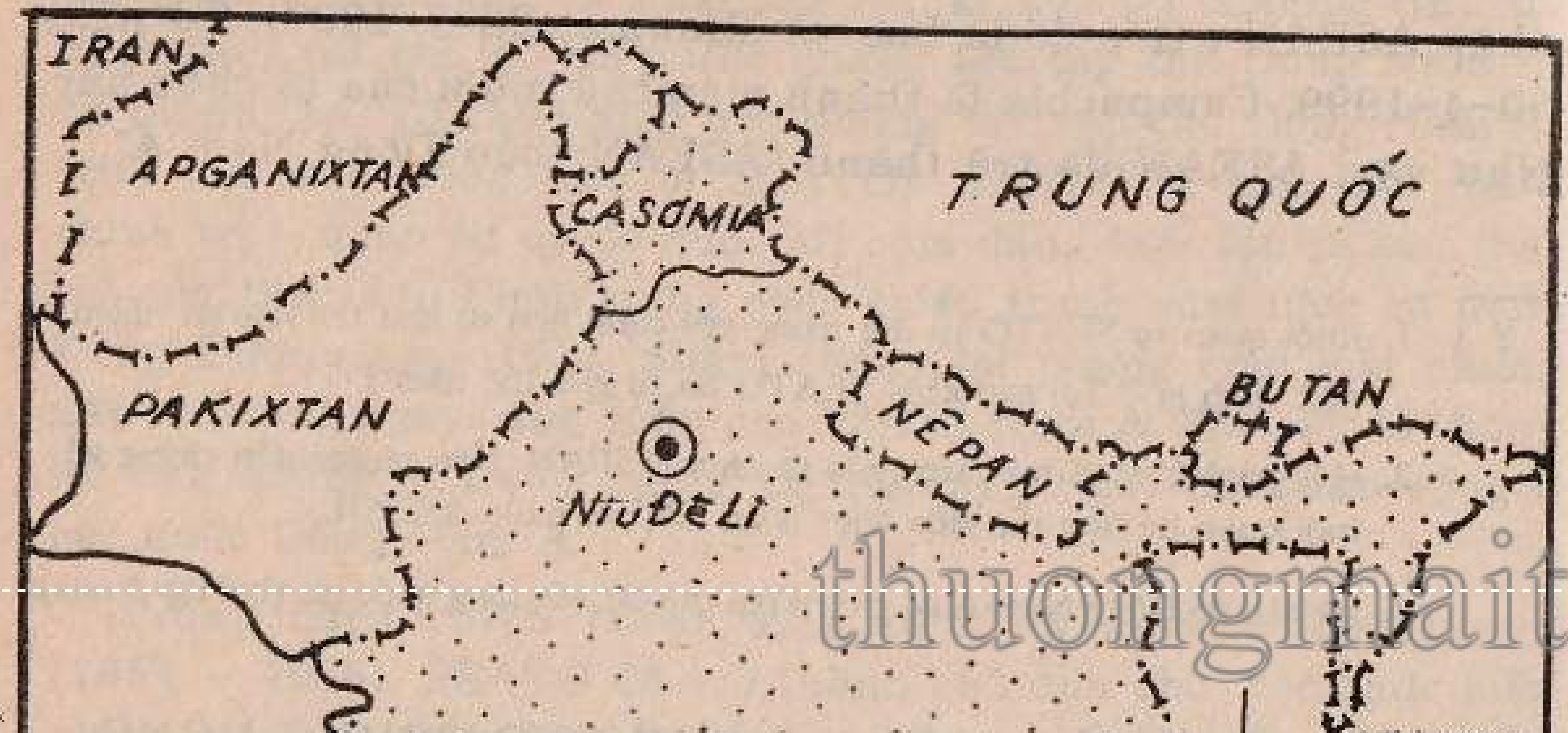

Hình 5 – Lược đồ bán đảo Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Quy mô rộng lớn của phong trào cách mạng buộc đế quốc Anh không thể tiếp tục thống trị Ấn Độ theo hình thức thực dân kiểu cũ được nữa, do đó đã thương lượng với hai đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo chia Ấn Độ thành hai quốc gia dựa trên cơ sở tôn giáo : *Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pakixtan của những người theo Hồi giáo ;* hai nước Ấn Độ, Pakixtan hưởng quy chế tự trị và được thành lập chính phủ dân tộc riêng của mình. Trên cơ sở thỏa thuận theo kế hoạch này (thường gọi là "*Kế hoạch Maobattơn*"), ngày 15-8-1947, Ấn Độ đã tách ra thành hai quốc gia Ấn Độ và Pakixtan (ngày 26-3-1971, nhân dân miền Đông Pakixtan, vốn là dân tộc Bănggan, đã nổi dậy đấu tranh vũ trang, tách ra khỏi Pakixtan và thành lập nước *Cộng hòa Bangladet*).

Không thỏa mãn với quy chế tự trị, Đảng Quốc đại đã lãnh đạo nhân dân Ấn Độ đấu tranh đòi thực dân Anh phải trao trả độc lập hoàn toàn cho Ấn Độ. Trước sức ép đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, thực dân Anh đã buộc phải công nhận nền độc lập hoàn toàn của Ấn Độ.

Ngày 26-1-1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và nước Cộng hòa Ấn Độ chính thức thành lập.

Sau khi giành được độc lập, Ấn Độ đã thực hiện những kế hoạch to lớn nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và củng cố nền độc lập của đất nước. Qua cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, từ phải nhập khẩu lương thực, ngày nay Ấn Độ đã tự túc được lương thực cho dân số 900 triệu người. Về công nghiệp, Ấn Độ hiện nay được xếp hàng thứ 10 trong sản xuất công nghiệp toàn thế giới. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và khoa học, kĩ thuật đã đạt được những bước tiến bộ nhanh chóng : năm 1974, thử thành công bom nguyên tử (nhưng Ấn Độ không chủ trương chế tạo vũ khí nguyên tử), năm 1975, phóng vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất bằng tên lửa của mình...

Về đối ngoại, Ấn Độ trước sau luôn luôn theo đuổi chính sách hòa bình, trung lập tích cực, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống lại chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực

dân. Với những thành tựu xây dựng đất nước và với đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị, Ấn Độ đang giữ một vai trò quan trọng trên trường quốc tế.

? – Quá trình đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ đã diễn ra như thế nào ?

2. Triều Tiên

Tại Hội nghị ngoại trưởng 5 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc họp tại Matxcơva tháng 12-1945, việc giải quyết vấn đề Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã được 5 cường quốc thỏa thuận theo những quy định sau đây : – Xây dựng một nước Triều Tiên độc lập ; – Thành lập một chính phủ dân chủ Triều Tiên để đảm nhiệm việc phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và văn hóa chung cho cả nước Triều Tiên ; – Ủy ban hỗn hợp gồm đại biểu của hai bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên Xô và Mĩ đóng ở Triều Tiên sẽ giúp việc thành lập một chính phủ lâm thời Triều Tiên.

thuongmaitr

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo sự thỏa thuận chung, thay mặt Đồng minh, quân đội Liên Xô đóng quân ở Bắc vĩ tuyến 38°, còn phía Nam là quân đội Mĩ (Triều Tiên tạm thời chia làm hai miền quân quản). Ở miền Bắc Triều Tiên, Liên Xô đã nghiêm chỉnh thi hành những quy định của Hiệp nghị Matxcơva về vấn đề Triều Tiên, như để nhân dân Triều Tiên tự do định đoạt vận mệnh của mình, giúp đỡ xây dựng chính quyền nhân dân, tiến hành các cải cách dân chủ (cải cách ruộng đất, ban hành các quyền tự do dân chủ...). Ngược lại, ở miền Nam Triều Tiên, Mĩ không tuân thủ những điều đã kí kết tại Hội nghị Matxcơva tháng 12-1945, lập nên một chính quyền thân Mĩ do Lí Thừa Vãn cầm đầu và tìm cách chia cắt đất nước Triều Tiên. Tháng 5-1948, cuộc tuyển cử bầu quốc hội được tiến hành ở Nam Triều Tiên, thành lập một nước riêng gọi là Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc).

Trước tình hình này, tháng 8-1948, ở Bắc Triều Tiên đã tiến hành bầu cử quốc hội. Ngày 9-9-1948, Quốc hội Triều Tiên họp, thông qua hiến pháp, bầu ra chính phủ và tuyên bố thành lập nước *Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên*.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Triều Tiên, nhân dân *Bắc Triều Tiên* tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trải qua nhiều kế hoạch dài hạn, nhân dân Triều Tiên đã thu được nhiều thành tựu lớn : hoàn thành điện khí hóa trong cả nước ; nền công nghiệp dân tộc đã đáp ứng được nhu cầu cả nước về xe ô tô du lịch và xe vận tải, đầu máy và toa xe lửa, máy kéo và các nông cụ khác ; thủ đô Bình Nhưỡng đã xây dựng được hệ thống xe điện ngầm và nhiều tòa nhà cao ba, bốn chục tầng ; nền văn hóa, giáo dục cũng có những bước tiến đáng kể.

Ở Nam Triều Tiên, trong vòng hơn 30 năm, nền kinh tế đã đạt được những bước phát triển nhanh chóng. Từ một nước nông nghiệp chậm phát triển, hiện nay Hàn Quốc đã trở thành một nước công nghiệp mới (NIC) với nhiều sản phẩm nổi tiếng trên thế giới, như máy ghi hình, máy catxét, máy tính điện tử v.v...

? – Hội nghị ngoại trưởng 5 cường quốc ở Matxcơva tháng 12 – 1945 đã có những quy định như thế nào về việc giải quyết vấn đề Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai ?

3. Khu vực Trung Đông

Khu vực Trung Đông (hay còn gọi khu vực *Tây Á*) bao gồm phần lớn các nước Arập(1), giữ một vị trí chiến lược cực kì quan trọng : có nguồn dầu mỏ hết sức phong phú (chiếm hơn 2/3 trữ lượng dầu toàn thế giới) lại nằm ở cửa ngõ của châu Á, châu Âu, châu Phi và với kênh đào Xuyê là đầu mối giao thông vận tải quan trọng nhất của toàn thế giới.

---

(1) Các nước không phải Arập : Iran, Thổ Nhĩ Kì, Ixraen.

Hình 6 - Lược đồ khu vực Trung Đông sau Chiến tranh thế giới thứ hai

thuongmaitr

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, với sự sụp đổ của đế quốc Ốttôman, Anh và Pháp đã thay thế thống trị các nước vùng Trung Đông. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, nước Mĩ với tiềm lực kinh tế, quân sự lớn mạnh của mình, đã tìm mọi cách xâm nhập, bành trướng và hất cẳng thế lực Anh, Pháp khỏi khu vực chiến lược quan trọng này. Mâu thuẫn và tranh chấp giữa các thế lực Mĩ, Anh, Pháp đặc biệt là âm mưu của Mĩ nhằm khống chế, thống trị khu vực này là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên cục diện luôn luôn không ổn định ở Trung Đông (chiến tranh, đảo chính, xung đột tôn giáo và sắc tộc, tranh chấp lãnh thổ và biên giới...).

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ ở khu vực Trung Đông. Năm 1946, dưới áp lực đấu tranh của nhân dân, Pháp đã buộc phải công nhận nền độc lập của Xiri, Libăng và rút quân đội khỏi hai nước này. Cuộc cách mạng của nhân dân Irắc ngày 14-7-1958 xóa bỏ chế độ quân chủ tồn tại lâu đời, lật đổ chính quyền độc tài thân đế quốc Nuri Xait và phá vỡ khối quân sự xâm lược Bátđa do các thế lực Anh, Mĩ lập ra ở Trung Đông. Cuộc cách mạng Iran ngày 11-2-1979 thủ tiêu chế độ quân chủ chuyên chế Palêvi và lật đổ nền thống trị thực dân kiểu mới của Mĩ ở Iran. Đó là những thắng lợi hết sức to lớn và có ảnh hưởng sâu rộng của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở khu vực Trung Đông.

Ở Palextin, việc Mĩ giúp đỡ cho bọn phục quốc Do Thái (hay còn gọi là bọn xiônit) lập ra Nhà nước Ixraen năm 1948, rồi sau đó bọn này liên tiếp gây ra những cuộc chiến tranh quy mô lớn xâm chiếm toàn bộ lãnh thổ Palextin của người Arập, cao nguyên Gôlan của Xiri và miền Nam Libăng là nguồn gốc gây nên cuộc xung đột kéo dài và làm cho tình hình Trung Đông luôn luôn căng thẳng không ổn định.

Suốt từ năm 1948 đến nay, nhân dân Arập Palextin đã kiên cường, bất khuất đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến chống Ixraen xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của *Tổ chức giải phóng Palextin (PLO)*, được sự giúp đỡ tích cực của các nước Arập anh em

và các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới, *phong trào kháng chiến Palextin*, bằng những cuộc nổi dậy của nhân dân trong vùng lãnh thổ bị Ixraen chiếm đóng và những trận chiến đấu của các đơn vị vũ trang cách mạng chống lại bọn xâm lược Ixraen, đã ngày càng phát triển sâu rộng và ngày càng chiếm được địa vị cao trên trường quốc tế. Sau 40 năm đấu tranh kiên cường, tháng 12-1988, Nhà nước Palextin đã được thành lập do Yátxe Araphát, Chủ tịch PLO, làm Tổng thống. Một năm sau khi ra đời, đã có khoảng 100 quốc gia công nhận Nhà nước Palextin và Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khóa 43 đã quyết định kể từ ngày 15-12-1989, Nhà nước Palextin sẽ thay thế PLO là đại diện của nhân dân Palextin tại Liên Hợp Quốc[1].

Như thế sau hơn 40 năm, khu vực Trung Đông đã có nhiều biến đổi to lớn : hầu hết các nước Trung Đông đều đã giành lại được độc lập dân tộc (trừ Palextin), nhờ dầu lửa mà nhiều nước trở nên trù phú về kinh tế, nhưng tình hình Trung Đông vẫn tiếp tục diễn biến căng thẳng, phức tạp, thể hiện rõ nhất là cuộc chiến tranh vùng vịnh Pecxich, đã tàn phá nặng nề và gây ra những hậu quả nghiêm trọng (1990 - 1991) và cuộc xung đột Palextin - Ixraen hiện nay.

thuongmait

?

1. Những nguyên nhân nào dẫn đến tình hình Trung Đông luôn luôn căng thẳng, không ổn định ?

2. Vẽ bản đồ khu vực Trung Đông có ghi rõ tên quốc gia, thủ đô các nước (bài tập làm ở nhà).

V – CÁC NƯỚC CHÂU PHI

1. Những nét chung

Với 57 quốc gia lớn nhỏ khác nhau, châu Phi có diện tích 30,3 triệu kilômét vuông (gấp ba lần châu Âu, xấp xỉ châu Mĩ và bằng 3/4 châu Á) và dân số khoảng 650 triệu người[2]. Châu Phi có các

---

(1) Xem tiếp phần Phụ lục 2, trang 114-115.

(2) Tính đến năm 1993.

nguồn tài nguyên hết sức phong phú : dầu mỏ, uranium (đứng đầu thế giới), kim cương (90,2% thế giới), crôm (74,9% thế giới), đồng (47,3% thế giới), sắt (34,4% thế giới). .. và nhiều nông sản quý giá khác như cà phê, ca cao... Châu Phi vốn là một cái nôi của tổ tiên loài người và cũng là cái nôi của nền văn minh nhân loại, nhưng dưới ách thống trị và bóc lột của chủ nghĩa thực dân phương Tây qua nhiều thế kỉ, châu Phi trở nên nghèo nàn, lạc hậu rất nhiều so với các châu lục khác.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các đế quốc thắng trận đã tiến hành phân chia lần chót phạm vi thống trị của họ ở châu Phi.

Đế quốc	Diện tích đất đai	Dân số	Chú thích
Anh	37,7%	49,4%	– Chiếm các vùng trù phú nhất ở Bắc Phi, Tây Phi và Nam Phi.
Pháp	42,1%	32,3%	– Các vùng Bắc Phi, Tây Phi và châu Phi xích đạo.
Bỉ	9,1%	10%	– Vùng Trung Phi
Bồ Đào Nha	7,9%	6,6%	– Vùng Nam Phi
Tây Ban Nha	1,3%		– Vùng Bắc Phi

tuongxua.vn

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơn bão táp cách mạng giải phóng dân tộc bùng nổ ở châu Phi và châu Phi đã biến thành "*lục địa mới trỗi dậy*" trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân.

Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã trải qua các giai đoạn sau đây :

– *Từ 1945 – 1954 :* Phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ sớm nhất ở Bắc Phi với thắng lợi mở đầu là cuộc chính biến cách mạng của binh lính và sĩ quan yêu nước Ai Cập ngày 3-7-1952 lật đổ vương triều Pharúc và nền thống trị thực dân Anh, thành lập ra nước Cộng hòa Ai Cập ngày 18-6-1953.

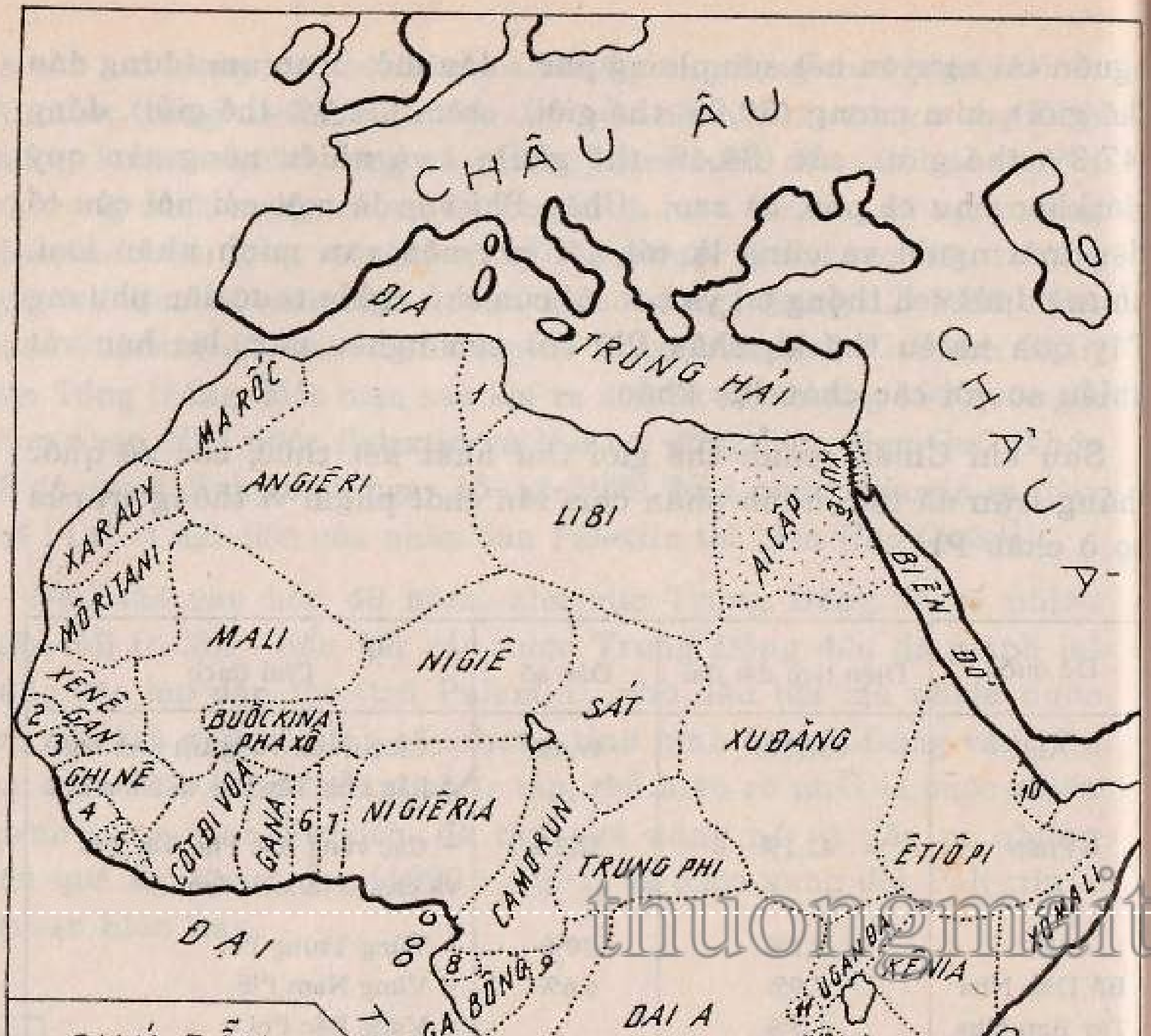

Hình 7 – Bản đồ châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai

– Từ 1954 – 1960 : Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 đã làm rung chuyển hệ thống thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi và Tây Phi, mở đầu bằng cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Angiêri bùng nổ tháng 11-1954, sau đó nhiều quốc gia đã giành lại được nền độc lập dân tộc : Tuynidi (1956), Marốc (1956), Xuđăng (1956), Gana (1957), Ghinê (1958) v.v... Trong những năm 1954 – 1960, hầu hết các nước Bắc Phi và Tây Phi đã giành được độc lập dân tộc.

– Từ 1960 – 1975 : Năm 1960, với 17 nước ở Tây Phi, Đông Phi và Trung Phi giành được độc lập dân tộc, đã được lịch sử ghi nhận là *"Năm châu Phi"*, mở đầu cho một giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi. Những thắng lợi có ý nghĩa to lớn và gây ảnh hưởng sâu rộng trong giai đoạn này là thắng lợi của nhân dân Angiêri, sau hơn 7 năm kháng chiến, đã đánh bại đế quốc Pháp và buộc chúng phải kí kết hiệp định công nhận nền độc lập của Angiêri (tháng 3-1962), thắng lợi của cách mạng Êtiôpi (1974), cách mạng Môdămbich (1975) và cách mạng Angôla (1975). Ngày 11-11-1975, sự kiện nước *Cộng hòa nhân dân Angôla* thành lập và thực dân Bồ Đào Nha hạ cờ, rút tên lính cuối cùng ra khỏi Angôla sau năm thế kỉ thống trị nước này, được coi như mốc sụp đổ về căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi.

– Từ 1975 đến nay : Đây là giai đoạn hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ để giành lại độc lập dân tộc, được đánh dấu bằng sự kiện Namibia (hay còn gọi là Tây Nam Phi) tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hòa Namibia tháng 3-1991. Nhưng đây cũng là giai đoạn mà sau khi giành được độc lập dân tộc, trong việc lựa chọn con đường đi lên để củng cố nền độc lập dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh, giàu mạnh thì hầu hết các nước châu Phi đều đang đứng trước những vấn đề hết sức khó khăn, nan giải : – Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân mới và sự vơ vét, bóc lột về kinh tế của các cường quốc phát triển phương Tây ; – Nợ nước ngoài, đói rét, bệnh tật và mù chữ ; – Sự bùng nổ về dân số (hiện nay 650

triệu dự tính sẽ tăng lên 1,6 tỉ năm 2020) ; – Xung đột giữa các bộ tộc và phe phái khác nhau gây nên cục diện không ổn định ở Môdămbich, Angôla, Libêria, Xômali, Êtiôpi, Angiêri, Mađagaxca... Các nước châu Phi đang ra sức phấn đấu để vượt qua những khó khăn này.

Như thế, trải qua hơn 40 năm, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi đã giành được những thắng lợi hết sức to lớn : hầu hết các nước châu Phi đều đã giành lại được nền độc lập dân tộc và nhân dân da đen, da màu trong nội bộ nước Cộng hòa Nam Phi đã đấu tranh thắng lợi chống lại chế độ phân biệt chủng tộc của thiểu số người da trắng và bộ mặt châu Phi đã thay đổi khác hẳn trước.

So với châu Á và Mĩ latinh, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi mang một số đặc điểm riêng biệt : – Các nước châu Phi đã thành lập được *Tổ chức thống nhất châu Phi* (1963) và từ khi ra đời đến nay, tổ chức này giữ vai trò quan trọng trong việc phối hợp hành động và thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh cách mạng của các nước châu Phi ; – Lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi hầu hết đều do các chính đảng hoặc các tổ chức chính trị của giai cấp tư sản dân tộc, còn giai cấp vô sản ở các nước châu Phi chưa trưởng thành, chưa có chính đảng độc lập của mình, thậm chí chưa có tổ chức công đoàn trước khi giành được độc lập (trừ vài ba nước ở Bắc Phi và Nam Phi đã có Đảng Cộng sản nhưng lại không nắm được quyền lãnh đạo cách mạng) ; – Hình thức đấu tranh giành độc lập dân tộc chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp, thương lượng với các nước phương Tây để được công nhận độc lập ; – Mức độ độc lập và sự phát triển của đất nước sau khi giành được độc lập rất không đồng đều nhau (vùng châu Phi xích đạo còn đang chậm phát triển, còn vùng Bắc Phi phát triển nhanh chóng).

? – Trình bày ngắn gọn các giai đoạn phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ năm 1945 đến nay.

thuongmaitr

2. Một số phong trào cách mạng tiêu biểu ở châu Phi

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, được sự cổ vũ và thúc đẩy của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á và vùng Trung Đông, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Angiêri lên cao sôi nổi, đặc biệt là từ sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 của Việt Nam. Tháng 8-1954, trước yêu cầu của sự phát triển cách mạng, *Mặt trận dân tộc giải phóng Angiêri* được thành lập nhằm đảm đương sứ mạng lãnh đạo công cuộc giải phóng dân tộc. Ngày 1-11-1954, Mặt trận phát động nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang ở vùng rừng núi miền Đông Nam Angiêri.

Cuộc khởi nghĩa vũ trang đã nhanh chóng lan rộng ra nhiều nơi, ở các thành phố như thủ đô Angiê, Côngxtăngtanh... và nhiều vùng nông thôn đã diễn ra những cuộc xung đột vũ trang giữa nhân dân với binh lính. Ở tỉnh Orăng các căn cứ cách mạng được thành lập. Thực dân Pháp đã điều động những lực lượng quân đội lớn mạnh với máy bay, xe tăng, pháo binh đến đàn áp cuộc khởi nghĩa. Trải qua nhiều tháng chiến đấu, quân khởi nghĩa vẫn giữ vững vị trí của mình và đánh bại âm mưu "nhanh chóng tiêu diệt cuộc khởi nghĩa" của thực dân Pháp. Trong quá trình chiến đấu, *Quân đội giải phóng Angiêri* đã hình thành và phát triển ngày càng lớn mạnh.

Năm 1958, sau khi lên làm tổng thống, Đờ Gôn đã tăng số quân Pháp ở Angiêri lên tới 80 vạn người, chiếm 1/2 lực lượng quân đội Pháp và là đội quân viễn chinh lớn nhất trong lịch sử nước Pháp từ xưa tới nay. Cuộc kháng chiến của nhân dân Angiêri bước vào giai đoạn khó khăn, quyết liệt nhất.

> Với ưu thế tuyệt đối về người và vũ khí, thực dân Pháp rải quân theo chiến thuật "ô vuông", lập những tuyến vành đai bịt chặt biên giới, tập trung hàng vạn quân càn đi, quét lại các vùng căn cứ cách mạng lần lượt theo từng "ô vuông". Chúng còn dồn làng, đuổi dân, cưỡng bức 2 triệu người dân vào sinh sống trong các trại tập trung (chiếm 1/5 dân số Angiêri) và tiến hành đàn áp, khủng bố một cách tàn khốc. Âm mưu của Pháp nhằm cô lập Quân giải phóng với nhân dân, làm tê liệt sức đề kháng của nhân dân rồi tiêu diệt nhanh chóng lực lượng kháng chiến bằng sức mạnh quân sự.

Nhưng do ý chí chiến đấu kiên cường và được sự ủng hộ của toàn dân, Quân giải phóng Angiêri đã không bị tiêu diệt mà còn phát triển lên tới hàng chục vạn và đánh bại các cuộc càn quét của địch. Từ những năm 1960 – 1961, cuộc chiến đấu của quân dân Angiêri đã chuyển từ vùng rừng núi, nông thôn sang bao vây, cô lập các thành phố lớn. Phối hợp với các cuộc tấn công quân sự, còn diễn ra phong trào đấu tranh chính trị của đông đảo quần chúng.

Trước sức mạnh đấu tranh của nhân dân Angiêri, mặt khác cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài đã gây nên những hậu quả về tài chính và chính trị mà giới cầm quyền Pháp lúc này không thể chịu đựng được nữa, Pháp buộc phải tiến hành đàm phán với đại biểu chính phủ lâm thời Angiêri tại Êviăng. Ngày 18-3-1962, Pháp buộc phải kí kết Hiệp định Êviăng, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Angiêri.

Hơn 7 năm kháng chiến chống một đế quốc hùng mạnh với hơn 1 triệu người hi sinh (chiếm hơn 1/10 dân số), thắng lợi của cách mạng Angiêri đã có một ý nghĩa và ảnh hưởng to lớn ở châu Phi.

thuongmaitr

Sau khi giành được độc lập, chính phủ Angiêri đã thi hành nhiều chính sách đối nội, đối ngoại tiến bộ và nhân dân Angiêri đã giành được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước.

Ở *Cộng hòa Nam Phi*, trên danh nghĩa là một quốc gia độc lập, nhưng gần 20 triệu người dân da đen và da màu ở nước này (chiếm khoảng 80% dân số Nam Phi) đã phải sống cơ cực, tủi nhục giống như thân phận nô lệ dưới ách thống trị của *chế độ phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc* kéo dài từ hơn một nửa thế kỉ nay.

Chế độ thống trị phản động này được xây dựng trên cơ sở "chủ nghĩa Apácthai" (theo tiếng Aphơrikennơ, Apácthai có nghĩa là sự phân biệt chủng tộc). Hiến pháp Nam Phi ghi rõ : "Học thuyết Apácthai là hợp ý chúa... Muốn bảo vệ nền văn minh phương Tây thì phải duy trì thế ưu việt của người da trắng". Dựa vào đó, bọn cầm quyền da trắng ở Nam Phi đã ban hành trên 70 đạo luật về phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc, như "luật về cách li chủng

tộc", "luật về giấy chứng minh", "luật trị an công cộng", "luật về các bantuxtan" – (người da đen phải sống riêng biệt trong các bantuxtan mà thực chất là những trại tập trung trá hình) v.v... Với những đạo luật này, người da đen bị tước hết mọi quyền công dân, phải sinh sống hoàn toàn cách biệt với người da trắng, chịu xử tội theo pháp luật riêng biệt của người da đen, hưởng lương bổng thấp hơn nhiều lần so với người da trắng (lương công nhân đồn điền bằng 1/10 lương của người da trắng, trong các xí nghiệp, hầm mỏ bằng 1/7)...

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, dưới sự lãnh đạo của Đại hội dân tộc Phi (tiếng Anh viết tắt là ANC) liên minh với Đảng Cộng sản Nam Phi và các tổ chức dân chủ chống Apácthai khác, cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc đã phát triển thành một cao trào cách mạng mang tính chất quần chúng rộng rãi.

Từ cuối những năm 80 đến nay, được sự ủng hộ của cả nhân loại (Liên Hợp Quốc đã thông qua hàng chục nghị quyết lên án "chủ nghĩa Apácthai"), cuộc đấu tranh chống chế độ Apácthai của người Phi đã giành được những thắng lợi to lớn : buộc nhà cầm quyền Nam Phi phải trả lại tự do cho những nhà lãnh đạo ANC, trong đó có Chủ tịch ANC Nenxơn Manđêla (tháng 2–1990) ; công nhận quyền hợp pháp của ANC và của Đảng Cộng sản Nam Phi (1991) ; Quốc hội Nam Phi đã buộc phải xóa bỏ hầu hết các đạo luật phân biệt chủng tộc và chính quyền Đơ Cléc phải tiến hành thương lượng với ANC nhằm soạn thảo một hiến pháp mới tiến tới xóa bỏ hoàn toàn chế độ Apácthai(1).

?

1. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Angiêri đã giành được thắng lợi như thế nào ?

2. Thế nào là chủ nghĩa Apácthai và chế độ Apácthai Nam Phi đã phản động, tàn bạo như thế nào ?

3. Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi đã và đang gặp phải những khó khăn gì ?

---

(1) Xem tiếp phần Phụ lục 3, trang 115.

VI – CÁC NƯỚC MĨ LATINH

1. Những nét chung

Các nước Mĩ latinh bao gồm hơn 20 nước cộng hòa nằm trải dài suốt từ Mêhicô ở Bắc Mĩ đến tận Nam Mĩ (diện tích trên 20 triệu km^2, chiếm 1/7 diện tích thế giới, dân số gần 600 triệu người – năm 1993), rất giàu có về nông sản, lâm sản và khoáng sản (chuối chiếm 95% sản lượng toàn thế giới, cà phê 80%, đường 42%, nitơrát 95%, bạc 45%, đồng 22%, dầu mỏ 16%...). Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, về hình thức, đều là những nước cộng hòa độc lập nhưng trong thực tế, hơn 20 nước này đều là thuộc địa kiểu mới, hoặc bị phụ thuộc chặt chẽ về mọi mặt vào Mĩ, và toàn bộ khu vực Mĩ latinh được Mĩ coi như cái "sân sau" của mình.

Tuyên ngôn II La Habana (4-2-1962) vạch rõ : "Trên lục địa nửa thuộc địa này, từ 15 năm nay, số người chết bệnh và chết đói đã tăng lên gấp đôi số người chết trong chiến tranh năm 1914... Trong khi đó thì tiền của từ Mĩ la tinh không ngừng tuôn sang Mĩ, cứ một phút độ 4000 đôla, một ngày 5 triệu đôla, một năm 2000 triệu đôla. Cứ 1000 đôla là một thây ma, đó là "giá cả" của bọn đế quốc. Hiện thực Mĩ latinh là như thế đấy !".

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với châu Á và châu Phi, cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã nổ ra sôi nổi ở hầu khắp các nước Mĩ latinh, và khu vực Mĩ latinh thường được mệnh danh là "*đại lục núi lửa*".

Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ latinh từ 1945 đến nay đại để đã trải qua ba giai đoạn :

– Từ 1945 đến thắng lợi của cách mạng Cuba 1959 : cao trào giải phóng dân tộc nổ ra ở hầu khắp các nước Mĩ latinh dưới các *hình thức bãi công của công nhân* (tiêu biểu như ở Chilê, tháng 7-1955, công đoàn toàn quốc đã lãnh đạo 44 tổ chức công đoàn các ngành tiến hành bãi công với 1 triệu 20 vạn người tham gia, chiếm 1/5 dân số toàn quốc), *nổi dậy của nông dân* dùng bạo lực giành lại ruộng đất, tài sản từ tay địa chủ (ở Pêru, Êcuađo, Mêhicô,

Braxin, Vênêxuêla...), *khởi nghĩa vũ trang* (khởi nghĩa của quân đội ở Panama tháng 3 – 1947 kéo dài 1 tháng mới bị dập tắt, khởi nghĩa nông dân ở Bôlivia năm 1949 chuyển biến thành chiến tranh du kích mở rộng và kéo dài trong phạm vi toàn quốc) và *đấu tranh nghị viện* qua tổng tuyển cử giành thắng lợi, thành lập ra các chính phủ dân tộc dân chủ tiến bộ, như ở Goatêmala (1951), Achentina (1957), Vênêxuêla (1958).

– *Từ 1959 đến cuối những năm 80* : Thắng lợi của cách mạng Cuba 1959 đánh dấu *bước phát triển mới* của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ latinh – các nước Mĩ latinh thấy ở cách mạng Cuba tấm gương sáng về một dân tộc dù bé nhỏ vẫn có thể đánh thắng một đế quốc đầu sỏ nằm ngay sát cạnh để giải phóng dân tộc, về những phương thức đấu tranh cách mạng để đánh đổ kẻ thù v.v.. Cũng từ đó, cơn bão táp cách mạng mà hình thức chủ yếu là *đấu tranh vũ trang* đã bùng nổ ở Mĩ latinh và khu vực Mĩ latinh trở thành "*lục địa bùng cháy*". Đấu tranh vũ trang nổ ra ở nhiều nước, như Bôlivia, Vênêxuêla, Goatêmala, Côlômbia, Pêru, Nicaragoa, En Xanvađo... Trong giai đoạn này, thắng lợi của cách mạng Nicaragoa năm 1979 và việc lên cầm quyền của chính phủ Liên minh đoàn kết nhận dân do Tổng thống Agienđê đứng đầu ở Chilê trong những năm 1970 – 1973 là những sự kiện cách mạng có ý nghĩa và ảnh hưởng sâu rộng nhất. Với những hình thức đấu tranh khác nhau, các nước Mĩ latinh đã lần lượt lật đổ được các thế lực thân Mĩ, thành lập các chính phủ dân tộc dân chủ, qua đó giành lại độc lập và chủ quyền của dân tộc mình.

– *Từ cuối những năm 80 đến nay :* Lợi dụng mối quan hệ giữa Liên Xô và Mĩ đã thay đổi khác trước, đặc biệt là những biến động lớn diễn ra ở Đông Âu và Liên Xô không có lợi cho phong trào cách mạng thế giới, Mĩ đã mở cuộc phản kích chống lại phong trào cách mạng khu vực Mĩ latinh, bắt đầu từ cuộc can thiệp vũ trang đàn áp cách mạng ở Grênađa (1983), Panama (1990), và dùng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị gây sức ép, làm cho *Mặt trận giải phóng dân tộc Xanđinô* cầm quyền ở Nicaragoa suốt từ 1979 đã bị thất bại trong cuộc tổng tuyển cử năm 1991 và những thành

truongxua.vn

quả giành được trong cuộc cách mạng 1979 của nhân dân Nicaragoa đang đứng trước nguy cơ bị thủ tiêu. Trước mắt, Mĩ đang điên cuồng tìm mọi cách để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Cuba bằng cách bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập và tấn công về chính trị. Phong trào cách mạng ở Mĩ latinh đang đứng trước nhiều khó khăn và thử thách.

Như thế, qua hơn 40 năm, bộ mặt khu vực Mĩ latinh đã biến đổi khác trước. Các nước Mĩ latinh đã khôi phục lại độc lập, chủ quyền và bước lên vũ đài quốc tế với tư thế độc lập, tự chủ của mình. Một số nước, như Braxin, Mêhicô đã trở thành *các nước Công nghiệp mới* (NIC)

? – Hãy trình bày ngắn gọn các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ la tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

2. Cuba

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, để chống lại phong trào giải phóng dân tộc ngày càng dâng cao ở Cuba, ngày 10-3-1952, Mĩ điều khiển tướng Batixta làm cuộc đảo chính thiết lập một chế độ độc tài quân sự. Sau khi lên cầm quyền, Batixta giải tán quốc hội, xóa bỏ bản hiến pháp tiến bộ được ban hành năm 1940, cấm các đảng phái chính trị hoạt động và tàn sát hơn 20000 chiến sĩ yêu nước Cuba, cầm tù hàng chục vạn người (từ 1952 đến 1958).

Dưới ách thống trị độc tài khủng bố của Batixta, phong trào đấu tranh của nhân dân Cuba vẫn không ngừng phát triển. Ngày 26-7-1953, 135 thanh niên yêu nước do luật sư trẻ tuổi Phiđen Caxtơrô chỉ huy đã mở cuộc tấn công vào trại lính Môncađa (trại lính lớn thứ hai ở Cuba) nằm ở thành phố Xanchiagô, mục đích nhằm thức tỉnh nhân dân Cuba, cướp kho vũ khí của địch phân phát cho nhân dân, phát động nhân dân nổi dậy lật đổ chế độ độc tài Batixta.

Do bất ngờ chạm trán với đội tuần tra của địch, cuộc khởi nghĩa bị lộ và thất bại. Nhiều chiến sĩ đã bị tàn sát, Phiđen Caxtơrô và

tuongxua.vn

Hình 8 – Bản đồ các nước Mĩ la tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai

các đồng chí còn lại của ông đều bị bắt và bị cầm tù. Nhưng cuộc tấn công vào trại lính Môncađa đã có ý nghĩa to lớn và mở đầu một giai đoạn phát triển mới của cách mạng Cuba – tổ chức "Phong trào 26-7" ra đời đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo cách mạng

giải phóng dân tộc Cuba, và cách mạng Cuba chuyển sang đấu tranh vũ trang để giành thắng lợi.

Năm 1955, Phiđen Caxtơrô được trả lại tự do và bị trục xuất sang Mêhicô. Ở đây, ông lại tập hợp những thanh niên yêu nước, tự quyên góp tiền mua sắm vũ khí, luyện tập quân sự. Với tinh thần kiên cường cách mạng, ngày 25-11-1956, Phiđen cùng 81 chiến sĩ đã từ Mêhicô đáp tàu "Granma" vượt biển trở về Tổ quốc.

Sau 7 ngày lênh đênh trên mặt biển, khi bước lên bờ, chưa kịp nghỉ ngơi thì quân đội Batixta bao vây và tấn công. Các chiến sĩ cách mạng chạy vào cánh đồng mía, quân địch đốt chung quanh. Trong cuộc chiến đấu không cân sức, 26 người bị thiêu sống, 44 người đã hi sinh, chỉ còn sống vẻn vẹn lại 12 người, trong đó có Phiđen Caxtơrô.

Anh dũng vượt qua vòng vây của địch, 12 chiến sĩ rút về vùng rừng núi Xiera Maextơra hiểm trở để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Được sự ủng hộ và đùm bọc của nhân dân, căn cứ địa Xiera Maextơra nhanh chóng được củng cố và mở rộng, lực lượng nghĩa quân ngày càng đông đảo và chiến tranh du kích được phát triển lan rộng ra nhiều địa phương.

Bước sang những năm 1957 - 1958, phong trào đấu tranh vũ trang đã lan rộng khắp mọi miền Cuba, nhiều căn cứ địa mới được thành lập và lực lượng vũ trang cách mạng đã hình thành những đơn vị lớn mạnh. Để chống lại cách mạng, từ tháng 5 đến tháng 8-1958, Batixta tập trung quân đội tiến hành càn quét khu căn cứ địa cách mạng đầu não Xiera Maextơra. Cuộc càn quét đã bị thất bại nặng nề, quân Batixta đã bị loại khỏi vòng chiến đấu trên 1000 tên trong đó có 443 tên bị bắt sống.

Sau thắng lợi to lớn này, nghĩa quân chuyển sang tấn công trên các mặt trận và đã giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Cuối tháng 12-1958, nghĩa quân đã chiếm được pháo đài Xanta Cơlara án ngữ thủ đô La Habana. Trước nguy cơ sụp đổ, ngày 30-12-1958, Batixta bỏ chạy ra nước ngoài. Ngày 1-1-1959, được sự phối hợp chặt chẽ của cuộc tổng bãi công chính trị của công nhân và nhân dân La Habana, nghĩa quân đã tiến vào chiếm lĩnh thủ đô không cần phải nổ súng. Chế độ độc tài Batixta đã bị lật đổ.

thuongmaitr

Ngay sau khi cách mạng thắng lợi, trong vòng chưa đầy 2 năm, chính phủ cách mạng do Phiđen Caxtơrô đứng đầu đã hoàn thành triệt để những cải cách dân chủ : cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, thực hiện các quyền tự do dân chủ v.v... Sau khi đánh thắng đội quân đánh thuê của Mĩ đổ bộ vào bãi biển Hirôn ngày 17-4-1961, chính phủ Caxtơrô tuyên bố Cuba bắt đầu bước vào tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn mới, phong trào 26 tháng Bẩy, Đảng Xã hội nhân dân Cuba và Ban chỉ đạo Phong trào 13 tháng Ba đã hợp nhất thành "Tổ chức cách mạng thống nhất" (26-7-1961) và đến 1965 đổi tên thành Đảng Cộng sản Cuba.

Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sau hơn 30 năm, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Cuba đã đạt được nhiều thành tựu to lớn : từ kinh tế "nông nghiệp độc canh (mía) và công nghiệp đơn nhất (khai thác mỏ)", Cuba đã xây dựng được một nền công nghiệp với hệ thống cơ cấu các ngành hợp lí và nền nông nghiệp sản xuất nhiều mặt (lúa, rau, quả, cà phê, thuốc lá, cacao, chăn nuôi...). So với trước cách mạng, sau 30 năm xây dựng và phát triển, sản lượng công nghiệp đường tăng 160% (bình quân 8 triệu tấn/năm), cơ khí luyện kim tăng hơn 10 lần, điện lực 7 lần, trọng tải hạm đội thương thuyền hơn 20 lần v.v... Về các mặt văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, Cuba trở thành quốc gia đạt được những thành tựu cao ở khu vực Mĩ latinh.

Là *"lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc"* ở Mĩ latinh, mặc dù đang đứng trước những khó khăn, thử thách chưa từng có do sự tấn công điên cuồng của Mĩ và hậu quả của những biến động chính trị, kinh tế ở Đông Âu và Liên Xô, nhân dân Cuba vẫn quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa và bảo vệ những thành quả xã hội chủ nghĩa đã đạt được.

?

1. Cuộc đấu tranh để lật đổ chế độ độc tài Batixta của nhân dân Cuba đã diễn ra như thế nào ?

2. Thắng lợi của cách mạng Cuba có ý nghĩa lịch sử như thế nào ?

BÀI 3

MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – MĨ

1. Kinh tế, khoa học – kĩ thuật

Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đánh dấu bước *nhẩy vọt* của kinh tế Mĩ.

Trong khi các nước Đồng minh châu Âu bị tàn phá vì chiến tranh thì Mĩ kiếm được 114 tỉ đôla lợi nhuận nhờ buôn bán vũ khí ; tính đến 31-12-1945, các nước Đồng minh châu Âu phải nợ Mĩ về vũ khí tới 41,751 tỉ đôla, (Anh nợ 24 tỉ, Liên Xô 11, 141 tỉ, Pháp 1,6 tỉ...). Do chiến tranh không lan tới đất nước mình, Mĩ có điều kiện hòa bình và an toàn để ra sức phát triển kinh tế : sản lượng công nghiệp trung bình hàng năm tăng 24% (70 năm trước Chiến tranh thế giới thứ hai tốc độ tăng trung bình hàng năm chỉ 4%), sản xuất nông nghiệp tăng 27% so với thời kì 1935-1939. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành nước giàu mạnh nhất, nắm ưu thế hơn hẳn về kinh tế, tài chính trên toàn thế giới. Trong những năm 1945-1949, sản lượng công nghiệp Mĩ luôn luôn chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (56,4%, năm 1948) ; sản lượng nông nghiệp bằng 2 lần sản lượng của Anh, Pháp, Cộng hòa liên bang Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại (năm 1949) ; nắm trong tay gần 3/4 dự trữ vàng của toàn thế giới (khoảng 25 tỉ đô la, năm 1949) ; trên 50% tàu bè đi lại trên các mặt biển. Trong khoảng hai thập niên đầu sau chiến tranh, *Mĩ là trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới*.

Sở dĩ Mĩ có bước phát triển nhanh chóng về kinh tế như thế là do : 1 – Dựa vào những thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật, Mĩ điều chỉnh lại hợp lí cơ cấu sản xuất, cải tiến kĩ thuật

và nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm ; 2 – Nhờ trình độ *tập trung sản xuất* và *tập trung tư bản* rất cao (các công ti độc quyền Mĩ là những công ti khổng lồ, tập trung hàng chục vạn công nhân, có doanh thu hàng chục tỉ đô la, vươn ra khống chế, lũng đoạn các ngành sản xuất trên phạm vi toàn thế giới) ; 3 – Nhờ quân sự hóa nền kinh tế để buôn bán vũ khí (thu được trên 50% tổng lợi nhuận hàng năm). Ngoài ra, các điều kiện tài nguyên phong phú, nhân công dồi dào, đất nước không bị chiến tranh tàn phá... cũng là những nguyên nhân làm kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng, thuận lợi hơn các nước khác.

Nhưng mặt khác, kinh tế Mĩ cũng bộc lộ nhiều hạn chế và nhược điểm : 1 – Tuy đến nay vẫn dẫn đầu thế giới về sản xuất công nông nghiệp và tài chính, nhưng vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới : sản xuất công nông nghiệp, dự trữ vàng không còn chiếm ưu thế tuyệt đối như những năm đầu sau chiến tranh ; các nước Tây Âu, Nhật Bản vươn lên trở thành đối thủ cạnh tranh nguy hiểm với Mĩ về mọi mặt ; hiện nay trên thế giới đã hình thành ba trung tâm kinh tế, tài chính là Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản ; 2 – Tuy phát triển nhanh, nhưng không ổn định vì thường xuyên xẩy ra những cuộc suy thoái về kinh tế (từ 1945 đến nay đã diễn ra 8 lần suy thoái) ; 3 – Sự giàu nghèo quá chênh lệch giữa các tầng lớp trong xã hội Mĩ là nguồn gốc tạo nên sự không ổn định về kinh tế, chính trị và xã hội ở Mĩ.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, rất nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới đã chạy sang Mĩ vì ở đây có điều kiện hòa bình và những phương tiện đầy đủ nhất để làm việc. Cũng vì thế, Mĩ là nước đã khởi đầu cuộc *Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai* của toàn nhân loại, nổ ra vào giữa những năm 40 của thế kỉ này, và Mĩ cũng là một trong mấy nước đạt được những thành tựu kì diệu nhất trong tất cả các lĩnh vực khoa học kĩ thuật.

Mĩ là một trong những nước đi đầu trong việc sáng tạo ra những *công cụ sản xuất mới* (máy tính, máy tự động và hệ thống máy tự động...), *nguồn năng lượng mới* (nguyên tử, nhiệt hạch,

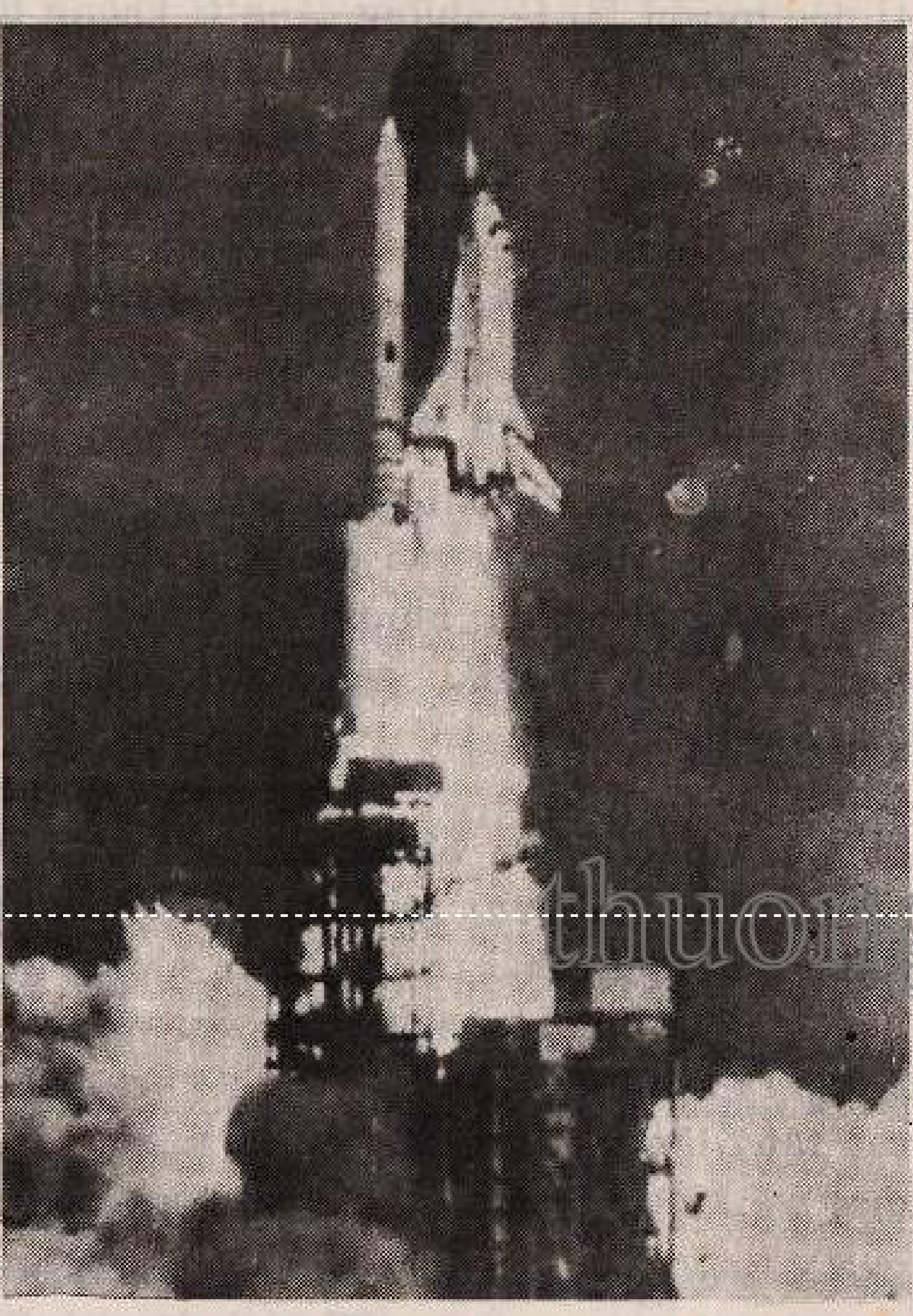

Hình 9 - Mĩ phóng tàu vũ trụ

mặt trời...), *những vật liệu mới* (chất pôlime, những vật liệu tổng hợp do con người tự chế tạo ra với những thuộc tính mà thiên nhiên không sẵn có...), cuộc "*cách mạng xanh*" *trong nông nghiệp, cách mạng trong giao thông và thông tin liên lạc, trong khoa học chinh phục vũ trụ* (đưa người lên thám hiểm Mặt Trăng, tàu con thoi Đitxcôvơri và Atlăngta...) và *trong sản xuất vũ khí hiện đại* (tên lửa chiến lược, máy bay tàng hình, bom khinh khí...). Chính

nhờ những thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật này mà nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Mĩ đã có nhiều thay đổi khác trước.

? – Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mĩ đã phát triển như thế nào ? Những thành tựu của nền khoa học kĩ thuật Mĩ ?

2. Tình hình chính trị và chính sách đối nội của giới cầm quyền Mĩ

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chính sách đối nội quán xuyến của giới cầm quyền Mĩ là tiếp tục duy trì những thể chế của chế độ dân chủ tư sản được hình thành từ khi lập quốc (Hiến pháp Mĩ ban hành hơn 200 năm nay vẫn chưa có sự thay đổi nào đáng kể), nhưng nếu vượt quá khuôn khổ những luật pháp này sẽ bị nghiêm cấm hoặc trừng trị nghiêm khắc. Trước ảnh hưởng và sự phát triển lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong những năm 40 và đầu 50, Tổng thống Toruman đã ban hành nhiều đạo luật nhằm chống lại sự hoạt động của các công đoàn và phá hoại phong trào bãi công của công nhân – luật Táp Haclây nghiêm cấm công nhân bãi công và cấm những người cộng sản không được tham gia các ban lãnh đạo công đoàn. Các cơ quan nhà nước và các chủ tư bản Mĩ không chấp nhận cho những người cộng sản vào làm việc trong biên chế của mình, nhằm cô lập về kinh tế, chính trị đối với những người cộng sản. Ở Mĩ, chính sách phân biệt chủng tộc giữa người da trắng với người da đen và da màu vẫn tiếp tục tồn tại. Sự phân hóa thành hai cực trong xã hội Mĩ ngày càng trở nên hết sức trầm trọng : một cực là một số ít những nhà triệu phú, tỉ phú, những tầng lớp trên trong xã hội sống một cách xa hoa, sung túc ; nhưng cực khác là đông đảo công nhân, những người lao động sống còn khổ cực, luôn luôn bị nạn thất nghiệp đe dọa (ở Mĩ có khoảng 400 người thu nhập hàng năm từ 185 triệu đô la trở lên, trong khi đó lại có 25 triệu người sống trong cảnh nghèo túng, dưới mức tối thiểu của người Mĩ).

Bắt nguồn từ những mâu thuẫn, bất công trên đây, ở Mĩ thường xẩy ra những cuộc xuống đường của sinh viên và học sinh, những cuộc nổi dậy của người da đen và da đỏ.

Phong trào đấu tranh của 25 triệu người da đen bắt đầu bùng lên mạnh mẽ từ năm 1963, lan rộng ra 125 thành phố, mạnh nhất là ở Ditơroi. Ở đây, nhà cầm quyền Mĩ đã phải huy động quân đội, xe tăng, máy bay lên thẳng đến đàn áp. Cuộc đấu tranh của người da đỏ từ 1969 đến 1973 cũng dẫn đến những cuộc bạo động vũ trang, như ở Unđutni tháng 2-1973. Ngoài ra, giữa những năm 60, các thành thị Mĩ luôn luôn sôi động vì những cuộc biểu tình, đấu tranh ngoài đường phố, trong các trường đại học của thanh niên và sinh viên mà người ta gọi là "sự nổi loạn của thế hệ trẻ".

Trong nội bộ giới cầm quyền Mĩ cũng diễn ra những vụ bê bối về chính trị và kinh tế : vụ Tổng thống Mĩ Giôn Kennơđi bị ám sát năm 1963, vụ tài liệu mật Lầu Năm góc, vụ Oatơghết dẫn đến Nichxơn buộc phải từ chức năm 1974, vụ Côntơraghết và Iranghết trong những năm 80 v.v.. Trong xã hội Mĩ cũng luôn luôn diễn ra những tội ác và tệ nạn, như những vụ giết người, cướp bóc, nạn ma túy, hippi, ăn chơi đồi truy theo "lối sống Mĩ"...

thuongmait

? – Chính sách đối nội của Mĩ gồm những điểm gì ?

3. Chính sách đối ngoại

Ngày 12-3-1947, trong diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, Tổng thống Tơruman chính thức đề ra "Chủ nghĩa Tơruman", mở đầu thời kì bành trướng, vươn lên thống trị thế giới của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. "Chủ nghĩa Tơruman" công khai nêu lên "sứ mạng" của Mĩ trong "sự nghiệp lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản" ; xúc tiến việc thành lập các liên minh quân sự nhằm bao vây Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và kêu gọi các nước đồng minh của Mĩ ra sức chạy đua vũ trang, chuẩn bị tiến hành một cuộc "chiến tranh tổng lực" nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, "Chủ

nghĩa Tơruman" còn chủ trương thông qua "viện trợ" kinh tế và quân sự cho các nước đồng minh của Mĩ, qua đó, khống chế, nô dịch các nước này. Sau khi lên làm Tổng thống Mĩ năm 1953, Aixenhao tiếp tục thực hiện "Chủ nghĩa Tơruman", nhưng bổ sung thêm "*Chủ nghĩa Aixenhao*", thường được gọi là "*chủ nghĩa lấp chỗ trống*" (tức Mĩ tìm mọi cách "lấp chỗ trống" sau khi Anh, Pháp bị thất bại ở Đông Dương năm 1954, ở Trung Cận Đông năm 1957...). Tiếp đó, hầu như mỗi đời Tổng thống Mĩ khi lên cầm quyền lại đề ra một học thuyết hoặc đường lối của mình để thực hiện "chiến lược toàn cầu", như "chiến lược hòa bình" của Giôn Kennơđi (1961), "Học thuyết Níchxơn" (1969), "Học thuyết Rigân" (1980), "Học thuyết Busơ" (1989)... Năm 1993, Tổng thống B.Clintơn thực hiện "Chiến lược cam kết và mở rộng" nhằm áp đặt nền thống trị về kinh tế và quân sự của Mĩ trên khắp thế giới.

Mặc dù mang tên gọi khác nhau, đường lối có thể cứng rắn hoặc ôn hòa khác nhau, và các biện pháp cụ thể cũng có nhiều nội dung khác nhau, nhưng "chiến lược toàn cầu" của Mĩ trước sau đều nhất quán nhằm ba mục tiêu : 1 – Ngăn chặn, đẩy lùi, rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa ; 2 – Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và phong trào hòa bình dân chủ thế giới ; 3 – Khống chế, nô dịch các nước đồng minh của Mĩ.

Đối với bất kì học thuyết hoặc đường lối của Tổng thống nào đi nữa, để đạt được ba mục tiêu trên, chính sách cơ bản của Mĩ là "*chính sách thực lực*" (tức chính sách dựa vào *sức mạnh* Mĩ).

Từ sau chiến tranh thế giới đến nay, để thực hiện "chiến lược toàn cầu" của mình, Mĩ đã thành lập các khối quân sự NATO, SEATO, ANZUS, CENTO..., ra sức chạy đua vũ trang kể cả các vũ khí hạt nhân chiến lược, và phát động hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược hoặc can thiệp vũ trang ở khắp các khu vực trên toàn thế giới.

Trong việc thực hiện "chiến lược toàn cầu", Mĩ đã vấp phải những thất bại nặng nề (thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc 1949, thắng lợi của Cách mạng Cuba 1959, thắng lợi của Cách mạng Hồi giáo Iran năm 1979...), nhưng thất bại nặng nề nhất, gây hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt đối với nước Mĩ là thất

bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam mà "*hội chứng Việt Nam*" vẫn còn in sâu đến tận nay trong lòng nước Mĩ. Nhưng mặt khác, Mĩ cũng đã thực hiện được một số mưu đồ của họ, mà tiêu biểu là góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô.

?

1. Mục tiêu của chính sách đối ngoại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào ?

2. Hãy kể những thất bại và thành công trong chính sách đối ngoại của Mĩ.

3. Do những nguyên nhân nào mà nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai ? Nền kinh tế Mĩ có những mặt hạn chế và nhược điểm như thế nào ?

4. Mĩ đã đạt được những thành tựu về cách mạng khoa học – kĩ thuật ra sao ?

II – NHẬT BẢN

1. Kinh tế, khoa học – kĩ thuật

thuongmaitr

Sau chiến tranh, là nước chiến bại, Nhật Bản bị mất hết thuộc địa và bản thân nước Nhật bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản. Kinh tế Nhật bị chiến tranh tàn phá nặng nề : 34% máy móc, 25% công trình, 80% tầu biển... sản xuất công nghiệp năm 1946 chỉ bằng 1/4 so với mức trước chiến tranh.

Do thị trường bị thu hẹp, nguyên liệu và lương thực trong nước thiếu thốn cho nên những năm đầu sau chiến tranh, kinh tế Nhật Bản lâm vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng. Nhật Bản phải dựa vào "viện trợ" kinh tế của Mĩ dưới hình thức vay nợ để phục hồi kinh tế (trong những năm 1945–1950), nhận viện trợ và đầu tư của Mĩ và nước ngoài (khoảng gần 14 tỉ đô la).

Từ 1945 đến 1950, kinh tế Nhật Bản phát triển chậm chạp và phụ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Mĩ. Nhưng từ sau cuộc chiến tranh Triều Tiên (tháng 6–1950), công nghiệp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ hẳn lên nhờ những đơn đặt hàng quân sự của Mĩ. Bước sang những năm 60, khi Mĩ gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nền kinh tế Nhật Bản lại có thêm

cơ hội để đạt được bước phát triển "thần kì", đuổi kịp rồi vượt các nước Tây Âu, vươn lên đứng hàng thứ hai (sau Mĩ) trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Về tổng sản phẩm quốc dân năm 1950, Nhật Bản chỉ mới đạt 20 tỉ đô la, bằng 1/3 của Anh (59 tỉ đô la), 1/2 của Pháp (39 tỉ đô la), 1/17 của Mĩ (349,5 tỉ đô la), nhưng đến 1968, đã vượt qua các nước Tây Âu – đứng hàng thứ hai sau Mĩ với 183 tỉ đô la (Mĩ là 830 tỉ đô la). Năm 1973, Nhật Bản đạt 402 tỉ đôla, như thế trong khoảng hơn 20 năm (1950-1973), tổng sản phẩm quốc dân tăng 20 lần và đến 1989 đạt tới 2828,3 tỉ đô la. Năm 1990, thu nhập bình quân theo đầu người của Nhật Bản lên tới 23796 đô la, đứng thứ hai trên thế giới sau Thụy Sĩ (29850 đô la).

Trong *công nghiệp*, lĩnh vực sản xuất vật chất then chốt, Nhật Bản đã đạt được những bước phát triển mạnh nhất và nhanh nhất. Năm 1950, giá trị sản lượng công nghiệp Nhật mới chỉ đạt 4,1 tỉ đô la, bằng 1/28 của Mĩ (113,9 tỉ đôla), nhưng đến 1969 đã vươn lên tới 56,4 tỉ đô la, vượt tất cả các nước Tây Âu và chỉ thua Mĩ với tỉ lệ 1/4. Hiện nay, Nhật Bản đứng đầu thế giới về sản lượng tàu biển (trên 50%), ôtô (năm 1985 sản xuất 12,3 triệu chiếc, trong đó 2/3 là ôtô con), thép, xe máy, máy điện tử (máy thu thanh, thu hình, ghi âm, ghi hình), máy khâu, máy ảnh, đồng hồ.

uongxua.vn

Về *nông nghiệp*, Nhật Bản phát triển theo hướng thâm canh với trình độ cơ giới hóa, hóa học hóa, thủy lợi hóa và điện khí hóa rất cao. Những năm 1967-1969, sản lượng lương thực đủ cung cấp hơn 80% nhu cầu trong nước ; ngành chăn nuôi tự giải quyết được 2/3 nhu cầu thịt sữa, còn ngành đánh cá rất phát triển, chỉ đứng sau Pêru với sản lượng cá tính theo đầu người hàng năm là 86 kilôgam.

Từ những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế, tài chính của thế giới (Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản), dự trữ vàng và ngoại tệ của Nhật đã vượt qua Mĩ. Hàng hóa Nhật Bản len lỏi, cạnh tranh khắp các thị trường thế giới (ôtô, máy móc điện tử, máy ghi hình, thu hình v.v...), ngay cả ở Mĩ và Tây Âu.

Từ một nước chiến bại, mất hết thuộc địa, đất nước bị chiến tranh tàn phá, dân số đông mà lương thực, thực phẩm lại rất thiếu thốn, nhưng chỉ sau vài ba thập niên, Nhật Bản đã vươn lên thành một *siêu cường kinh tế*, nhiều người gọi đó là "*thần kì Nhật Bản*".

Kinh tế Nhật Bản có bước phát triển "nhẩy vọt" như thế, vì : 1 – Nhật Bản lợi dụng vốn của nước ngoài để tập trung đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt nhất như cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện tử v.v... Ngoài ra, Nhật ít phải chi tiêu về quân sự (do Mĩ gánh vác) và biên chế Nhà nước gọn nhẹ nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư vào kinh tế ; 2 – Nhật biết lợi dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hóa ; 3 – Biết "len lách", xâm nhập vào thị trường các nước khác, qua đó không ngừng mở rộng thị trường trên toàn thế giới ; 4 – Những cải cách dân chủ sau chiến tranh (cải cách ruộng đất, xóa bỏ những tàn tích phong kiến...) đã có tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển ; 5 – Truyền thống "*tự lực, tự cường*" vươn lên xây dựng đất nước giàu mạnh trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn của nhân dân Nhật Bản kể từ Minh Trị duy tân.

Nhưng kinh tế Nhật Bản cũng bộc lộ những mặt hạn chế và nhược điểm : 1 – Sự không cân đối trong nền kinh tế (giữa công nghiệp và nông nghiệp ; tập trung vốn, công nhân và dân số vào ba trung tâm công nghiệp Tôkiô, Ôxaka, Nagôia với số dân trên 60 triệu người, trong 1,25% diện tích đất đai cả nước, tạo nên một nước Nhật hiện đại và một nước Nhật cũ lạc hậu đối lập nhau) ; 2 – Những khó khăn về năng lượng, nguyên liệu và lương thực (hầu hết phải nhập

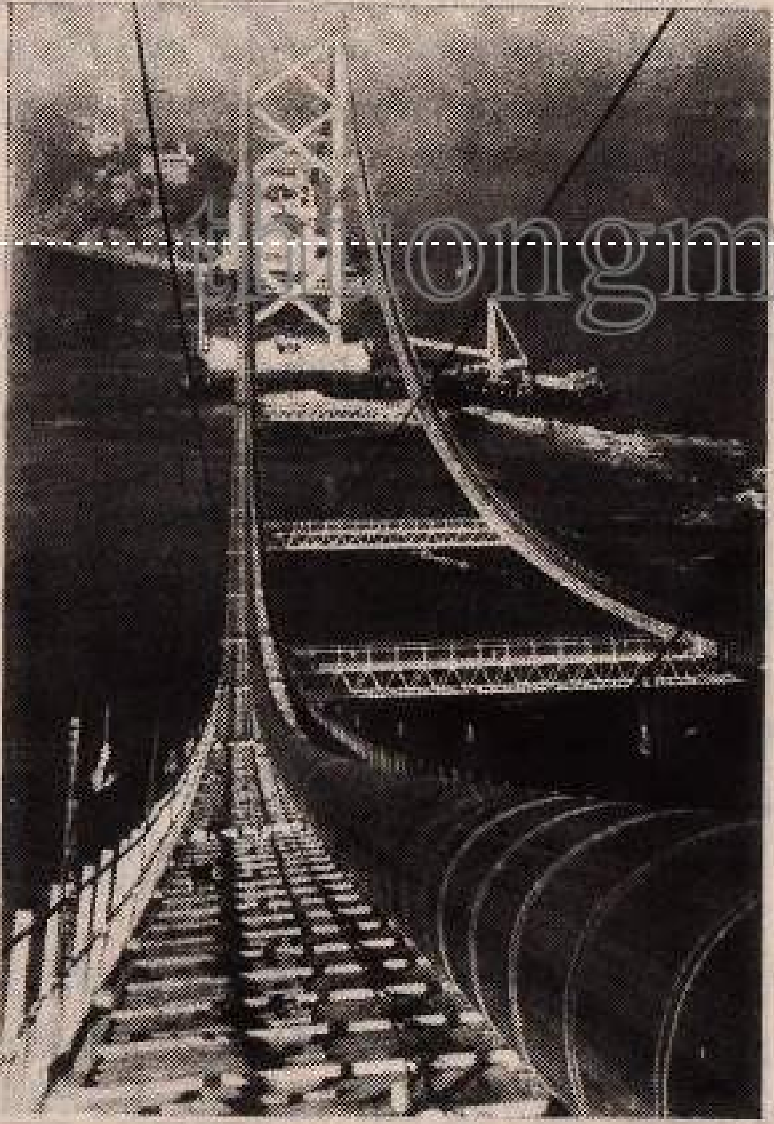

Hình 10 - Cầu nối trên mặt biển của Nhật Bản

từ nước ngoài) ; 3 – Sự cạnh tranh, chèn ép của Mĩ, Tây Âu và sự vươn lên của các nước *Công nghiệp mới* (NIC).

Giới lãnh đạo Nhật Bản hết sức coi trọng việc phát triển *khoa học – kĩ thuật* và cải cách nền *giáo dục quốc dân*. Chính phủ Nhật đã xây dựng hàng trăm viện nghiên cứu về các ngành khoa học – kĩ thuật, chủ yếu tập trung đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng và phục vụ cho mục tiêu dân dụng (khác một số nước chuyên đi sâu vào công nghiệp quân sự và chinh phục vũ trụ). Ngoài ra, Nhật Bản còn tìm mọi cách nhập những kĩ thuật hiện đại và phương pháp sản xuất tiên tiến của nước ngoài bằng cách mua những *bằng phát minh* (tính đến 1968, Nhật đã mua những bằng phát minh của nước ngoài trị giá lên tới 6 tỉ đô la, nhưng nếu tự nghiên cứu sẽ phải chi tiêu tới 200 tỉ đô la, bằng 1/3 tổng số tích lũy tư bản cố định trong thời gian này). Hiện nay, Nhật Bản được xếp vào một số quốc gia đứng hàng đầu về trình độ phát triển khoa học – kĩ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp dân dụng. Nhật Bản đã đạt được những thành tựu kì diệu về khoa học – kĩ thuật : hoàn thành đường hầm ngầm dưới biển dài 53,8 km nối liền hai đảo Hônsu và Hôccaiđô ; xây dựng chiếc cầu đường bộ dài 9,4 km nối liền đảo Xicôcư với Hônsu ; xây dựng các trung tâm công nghiệp, các thành phố mới trên mặt biển (lấn biển) ; đóng những tàu chở dầu 1 triệu tấn...

? – Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Nhật Bản đã phát triển "nhẩy vọt" như thế nào ? Những nguyên nhân của sự phát triển này ?

2. Tình hình chính trị và chính sách đối nội của giới cầm quyền Nhật Bản

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Mĩ thay mặt Đồng minh chiếm đóng và quản chế nước Nhật. Dưới áp lực đấu tranh của nhân dân Nhật Bản, của Liên Xô và các lực lượng tiến bộ trên thế giới, giới cầm quyền Mĩ đã thực hiện một số cải cách dân chủ theo nội dung của Hiệp ước *Pốtxđam* về Nhật Bản mà ba

người đứng đầu các nước Liên Xô, Mĩ, Anh đã kí kết (tại hội nghị ở Pốtxđam tháng 7-1945).

Ngày 3-11-1946, Hiến pháp mới của Nhật được ban hành với nhiều nội dung tiến bộ : công nhận và bảo đảm quyền tự do dân chủ, quyền lập hội, lập đảng của mọi công dân ; Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao, nội các chịu trách nhiệm trước Quốc hội (Thiên hoàng tuy vẫn còn nhưng chỉ là người đứng đầu nhà nước có tính cách tượng trưng) ; "Nhật Bản không duy trì hải lục không quân và các lực lượng chiến đấu khác, không công nhận quyền tham gia chiến tranh với bất cứ nước nào" (điều 9)...

Luật cải cách ruộng đất được thực hiện trong những năm 1946-1949, trong đó quy định địa chủ chỉ được giữ 3 hecta ruộng đất, số ruộng đất còn lại do chính phủ thu mua mang bán lại cho nông dân. Trong những năm 1946-1948 đã thi hành luật giải tán Daibátxu (tức các công ti lũng đoạn còn mang tính chất phong kiến, bị ràng buộc trong các quan hệ huyết thống, luật lệ phong kiến và chịu nhiều ảnh hưởng của các quý tộc phong kiến). Ngoài ra, đã tiến hành xét xử tội phạm chiến tranh, thanh lọc những tên cầm đầu phản động trong bộ máy nhà nước cũ, giải tán lực lượng vũ trang v.v..

Như thế, những cải cách này đã phá vỡ những cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội của chế độ quân chủ phong kiến quân phiệt. Nhà nước Nhật Bản ngày nay là một nhà nước theo chế độ quân chủ lập hiến về hình thức nhưng thực chất là dân chủ đại nghị, mọi quyền lực nắm trong tay 6 tập đoàn tài phiệt khổng lồ (Mitsubisi, Mitxưi, Sumitômô, Phugi, Đaichi, Sanma)(1).

Suốt từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến 1993, Đảng Dân chủ tự do (chính đảng của giai cấp đại tư sản) liên tiếp cầm quyền ở Nhật Bản. Dựa vào sự giúp đỡ và câu kết chặt chẽ với Mĩ, giới cầm quyền Nhật Bản đã tìm mọi cách thu hẹp lại các quyền tự do dân chủ được quy định trong Hiến pháp 1946, sửa đổi lại điều 9 (không cho phép Nhật Bản xây dựng lực lượng vũ trang và đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài). Họ ra sức tái vũ trang lại quân

---

(1) 3 tập đoàn tài phiệt lớn nhất là Mitsubisi, Mitxưi, Sumitômô trực tiếp nắm 206 Công ti siêu quốc gia, thu hút 1/3 tổng số công nhân và chiếm 40% tổng số vốn toàn Nhật Bản.

thuongmait

đội và phục hồi lại chủ nghĩa quân phiệt Nhật dưới nhiều hình thức khác nhau.

Sau chiến tranh, phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản nhằm giành *hòa bình, dân chủ* và *tiến bộ xã hội* không ngừng dâng cao.

Đảng Cộng sản Nhật Bản, ra đời từ 1922 nhưng mãi tới 1946 mới giành được quyền hoạt động hợp pháp, đã trở thành một trong những chính đảng lớn, có ảnh hưởng trong nhân dân Nhật (trong cuộc bầu cử tháng 12-1972, Đảng giành được 40 ghế tại hạ viện, 11 ghế tại thượng viện và 1686 đại biểu hội đồng địa phương). Đảng đã thống nhất hành động với Đảng Xã hội phát động công nhân và nhân dân thực hiện những "*cuộc tiến công mùa xuân*", "*mùa thu*" truyền thống hàng năm (trong những năm 60 và 70) nhằm chống sửa đổi hiến pháp, đòi thực hiện những cải cách xã hội và cải thiện đời sống... Phong trào bãi công của công nhân Nhật cũng lên cao mạnh mẽ, cuộc bãi công của công nhân các ngành ngày 11-4-1974 đã làm cho 65 triệu người Nhật không có phương tiện đi lại, 30 triệu bưu kiện không được phân phát, 20 vạn tấn rác chất đống trên đường phố Tôkiô và chính phủ Nhật đã phải huy động 34 vạn cảnh sát để đàn áp cuộc bãi công. Cuối cùng, nhà cầm quyền Nhật đã phải đáp ứng yêu sách tăng lương và khôi phục quyền bãi công của công nhân.

uongxua.vn

? – Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản đã tiến hành những cải cách dân chủ như thế nào ? Những cải cách này đã mang lại những hệ quả gì đối với Nhật Bản ?

3. Chính sách đối ngoại

Về mặt *chính trị* và *quân sự*, Nhật Bản hoàn toàn dựa vào Mĩ và câu kết chặt chẽ với Mĩ. Ngày 8-9-1951, Nhật kí với Mĩ "*Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật*", chấp nhận đặt Nhật Bản dưới "*ô bảo vệ hạt nhân*" của Mĩ và để quân đội Mĩ xây dựng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật. "Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật" đã gia hạn hai lần vào năm 1960 và năm 1970, sau đó kéo dài vô thời hạn. Với hiệp ước này, đã hình thành một "*liên minh Mĩ – Nhật*" nhằm chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc ở vùng Viễn Đông. Nhật Bản đã trở thành một "căn cứ chiến

lược" của Mĩ trong âm mưu thực hiện "chiến lược toàn cầu" chống cách mạng vào những năm 70 và nửa đầu những năm 80, Mĩ còn trên đất Nhật 179 căn cứ quân sự với 61000 quân, riêng ở đảo Ôkinaoa có 88 căn cứ quân sự và 35000 lính Mĩ.

Nhật Bản đã dựa vào tiềm lực kinh tế, tài chính lớn mạnh của mình để tìm cách xâm nhập, giành giật thị trường ở khắp mọi khu vực trên thế giới. Sau chiến tranh, người ta thường gọi Nhật Bản là một *"đế quốc kinh tế"*, tức đế quốc đã bành trướng, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế trên khắp mọi nơi, đặc biệt là vùng Đông Nam Á.

? 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giới cầm quyền Nhật Bản đã thực hiện một chính sách đối ngoại như thế nào ? Tình hình chính trị Nhật Bản đã có những biến chuyển quan trọng ra sao ?

2. Kinh tế Nhật Bản còn có những mặt hạn chế và thiếu sót như thế nào ?

3. Hãy trình bày những thành tựu về khoa học – kĩ thuật của Nhật Bản.

thuongmaitr

III – CÁC NƯỚC TÂY ÂU(1)

1. Pháp

Chiến tranh thế giới thứ hai và sự chiếm đóng của phát xít Đức đã gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế Pháp : sản xuất công nghiệp giảm xuống gần ba lần, sản xuất nông nghiệp giảm hai lần. Trong những năm 1945 – 1950, kinh tế Pháp phát triển chậm chạp, gặp nhiều khó khăn. Năm 1948, Pháp nhận "viện trợ" kinh tế của Mĩ theo kế hoạch "phục hưng châu Âu" do ngoại trưởng Mĩ Macsan đề ra. Nhờ đó, kinh tế có những bước phát triển mới, nhưng bị phụ thuộc vào kinh tế Mĩ. Từ năm 1950, sau khi phục

(1) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, người ta thường chia châu Âu thành hai khu vực : *Đông Âu,* chỉ khu vực bao gồm các quốc gia theo chủ nghĩa xã hội, và *Tây Âu*, khu vực các quốc gia theo chủ nghĩa tư bản. Hiện nay, mặc dù tình hình đã thay đổi, nếp quen phân chia này vẫn còn giữ nguyên.

hồi lại nền sản xuất đạt mức trước chiến tranh, kinh tế Pháp đã có hơn 20 năm liên tục phát triển nhanh chóng (tốc độ bình quân tăng 5% một năm). Sau cuộc khủng hoảng năng lượng nghiêm trọng năm 1973, cũng giống như các nước tư bản khác, kinh tế Pháp bước vào thời kì phát triển không ổn định, thường xuyên diễn ra suy thoái, lạm phát, thất nghiệp, và mức tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 2,4% năm. Từ 1982 đến nay, nhờ cải cách cơ cấu kinh tế và đi sâu vào cuộc cách mạng khoa học và cách mạng công nghệ, tình hình có khá hơn nhưng cũng không giữ được mức tăng trưởng nhanh chóng như những năm 1950 – 1973.

Công nghiệp Pháp chiếm vị trí thứ 5 trên thế giới sau Mĩ, Nhật, Đức và Liên Xô. Các ngành công nghiệp mũi nhọn của Pháp gồm : Công nghiệp sản xuất các mặt hàng cao cấp (đồ trang sức, nước hoa, thời trang, đồ sứ cao cấp...) ; công nghiệp điện tử và tin học (đứng thứ 2 trên thế giới sau Mĩ) ; công nghiệp hàng không và vũ trụ (đứng hàng thứ 3 sau Mĩ và Liên Xô) ; công nghiệp chế tạo vũ khí (chiếm vị trí thứ ba trên thế giới về xuất khẩu vũ khí) ; ngành công nghiệp luyện gang thép.

Pháp có một nền *nông nghiệp* rất phát triển : nông nghiệp đã được *công nghiệp hóa* ; nông dân ngày nay không còn là chủ những mảnh đất nhỏ mà là chủ xí nghiệp, thực hiện sản xuất theo một phương thức canh tác và quản lí hiện đại ; tiến hành sản xuất mang tính chuyên canh trên những vùng đất đai rộng lớn (chăn nuôi bò sữa trên toàn bộ miền Bắc và Tây Bắc nước Pháp, trồng cây lương thực ở các vùng đồng bằng, trồng cây công nghiệp ở miền Nam...) ; 60% diện tích canh tác của nước Pháp sử dụng vào trồng trọt và chăn nuôi. Nước Pháp được coi là vựa lúa của khối thị trường chung châu Âu (EEC) (trung bình hàng năm cung cấp 55 triệu tấn lương thực), đàn bò đứng đầu khối EEC, đàn lợn đứng vị trí thứ 2 (sau Đức) và lượng sữa bò đạt 32 triệu tấn/năm...

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai có liên quan đến những nhân tố sau đây :

1 – Nhờ cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật làm cho năng suất lao động và khối lượng sản phẩm hàng hóa tăng tiến vượt bậc ; 2 – Giá nhập nguyên nhiên liệu từ thế giới thứ ba rẻ ; 3 – Chính sách mở cửa của nhà nước ra thị trường châu Âu và thế giới ; 4 – Vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước có hiệu quả.

Sau chiến tranh, *đời sống chính trị* của nước Pháp cũng có những thay đổi lớn :

Tháng 9 – 1946, Quốc hội lập hiến thông qua bản hiến pháp mới, thiết lập nền *Cộng hòa thứ tư* với chế độ Tổng thống. Theo đó các quyền tự do dân chủ được rộng rãi hơn, tiến bộ hơn và quyền hạn của Tổng thống giảm đi nhiều so với trước chiến tranh. Chính phủ Pháp được thành lập trong đó có 5 đảng viên cộng sản giữ những chức vụ quan trọng như Phó thủ tướng, Bộ trưởng quốc phòng, lao động, y tế... Trong khuôn khổ của hiến pháp mới và với chính phủ mới tiến bộ, đã mở ra khả năng tiến hành những cải tạo kinh tế – xã hội sâu sắc ở Pháp. Nhưng, tháng 5 – 1947, dưới sức ép của Mĩ thông qua "kế hoạch Mácsan", Thủ tướng Ramađiê (Đảng Xã hội cánh hữu) đã gạt những người cộng sản ra khỏi chính phủ. Cũng từ đó, chính phủ Pháp ngày càng thiên sang hữu, thực hiện những chính sách đối nội, đối ngoại ngược lại lợi ích của nhân dân Pháp. Về đối nội, thu hẹp các quyền tự do dân chủ của nhân dân, xóa bỏ những cải cách tiến bộ đã thực hiện trước đây : Tăng thuế má, giảm trợ cấp phúc lợi xã hội... Về đối ngoại, tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược thực dân hao người, tốn của ở Đông Dương, Angiêri, gia nhập khối quân sự xâm lược NATO và để cho Mĩ đóng quân và thiết lập các căn cứ quân sự trên lãnh thổ Pháp, tán thành tái vũ trang lại cho Tây Đức và phục hồi chủ nghĩa quân phiệt phục thù Tây Đức vốn là kẻ thù nguy hiểm của nước Pháp... Do những chính sách đối nội, đối ngoại phản động của giới cầm quyền, tình hình nước Pháp trở nên không ổn định, cao trào đấu tranh của công nhân và nhân dân Pháp bùng nổ.

Trong bối cảnh đó, tháng 5–1958, những thế lực cứng rắn đã tiến hành cuộc đảo chính ở Angiêri, đòi thành lập ở Pháp một "*chính quyền vững mạnh*". Ngày 1–6–1958, Quốc hội đã chuyển giao chính quyền vào tay tướng Đờ Gôn, và tháng 10 năm đó, hiến pháp của nền *Cộng hòa thứ năm* đã được ban hành. Theo hiến pháp mới, quyền của Tổng thống được mở rộng và quyền của quốc hội bị giảm đi rất nhiều. Tổng thống là tổng tư lệnh quân đội, chỉ

thuongmaitr

Đ l ngoại rút ra khỏi NATO

định thủ tướng và các bộ trưởng, có thể giải tán quốc hội trước thời hạn và trong trường hợp đặc biệt, nắm toàn bộ chính quyền trong tay mình. Sau khi lên cầm quyền, Đờ Gôn đã thi hành một số chính sách nhằm củng cố nền độc lập của nước Pháp, như Pháp rút ra khỏi Bộ chỉ huy khối NATO, buộc Mĩ phải rút quân đội và các căn cứ quân sự ra khỏi lãnh thổ Pháp và dời trụ sở Bộ chỉ huy khối NATO sang Brucxen (Bỉ), cải thiện quan hệ với Liên Xô và các nước Đông Âu... Hiện nay, trong số các nước đồng minh Tây Âu của Mĩ, chỉ có Pháp là nước có chính sách đối ngoại tương đối độc lập với Mĩ.

? – Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Pháp đã phát triển như thế nào ?

2. Anh

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống thuộc địa rộng lớn của đế quốc Anh (chiếm 35 triệu km^2, gấp 143 lần diện tích nước Anh với hơn 500 triệu dân, gấp trên 12 lần dân số Anh) đã bị sụp đổ. Điều này đã gây nên những hậu quả to lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế Anh vốn dựa trên cơ sở bóc lột các nước thuộc địa và phụ thuộc. Mặt khác, do trang bị kĩ thuật của Anh phần lớn đã lạc hậu, cho nên vốn từng được gọi là "*công xưởng của thế giới*" trong suốt thế kỉ XIX, Anh đã bị Mĩ, Đức đuổi kịp và vượt ở thế kỉ XX. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vị trí của Anh càng bị giảm sút, xếp sau Mĩ, Nhật, Tây Đức và về một số mặt kém cả Pháp.

Nước Anh cũng bị chiến tranh tàn phá nặng nề, do đó trong những năm đầu sau chiến tranh, kinh tế Anh gặp rất nhiều khó khăn. Năm 1948, Anh phải dựa vào "viện trợ" kinh tế của Mĩ (kế hoạch Mácsan) để phục hồi lại nền sản xuất, cũng vì thế kinh tế Anh phụ thuộc vào Mĩ và phải để cho tư bản Mĩ đầu tư mở các xí nghiệp ngay trên đất Anh (hãng Ford của Mĩ hiện nay kiểm soát một nửa ngành sản xuất ô tô của Anh).

uongxua.vn

Năm 1950, Anh phục hồi lại được nền sản xuất đạt mức trước chiến tranh rồi sau đó phát triển tương đối nhanh chóng (nhưng thua kém tốc độ phát triển của Tây Đức, Pháp và Italia). Anh vẫn tập trung vào phát triển những ngành kinh tế truyền thống của mình : xuất khẩu tư bản sang các nước trong khối Liên hiệp Anh (khối bao gồm hầu hết các nước thuộc địa cũ của Anh) để cho vay lấy lãi nặng hoặc mở mang các xí nghiệp, đồn điền để vơ vét nguyên liệu, bóc lột nhân công rẻ mạt (về xuất khẩu tư bản, Anh chỉ đứng sau Mĩ) ; phát triển các ngành công nghiệp than, chế tạo cơ khí, công nghiệp đóng tàu và công nghiệp dệt. Trong nông nghiệp, chăn nuôi là ngành chủ yếu, lâu đời, nhiều kinh nghiệm : trên 1/2 diện tích đất đai canh tác trồng cỏ để chăn nuôi gia súc. Nông nghiệp chỉ thỏa mãn được 60% nhu cầu trong nước về lương thực và thực phẩm, (trong đó, thịt đảm bảo được 89%).

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hai đảng *Bảo thủ* và *Công đảng* thay nhau cầm quyền ở Anh, bề ngoài ra vẻ đối lập với nhau nhưng trong thực chất đều đại diện cho quyền lợi của giai cấp tư bản lũng đoạn.

Hình 11 – Đường ngầm dài 38km đào qua biển Măngsơ, nối liền hai nước Anh, Pháp.

Trong chính sách đối ngoại, dù chính phủ Công đảng[1] hay chính phủ Bảo thủ, chính sách nhất quán của Anh hầu như phụ thuộc vào Mĩ, theo Mĩ như "hình và bóng" trong các mục tiêu chống lại các nước xã hội chủ nghĩa, chống phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân quốc tế, trong âm mưu "chạy đua vũ trang" gây tình hình thế giới căng thẳng...

? – Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình kinh tế và chính trị nước Anh đã diễn ra như thế nào ?

3. Đức

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, do sự phá hoại của phía các nước Mĩ, Anh, Pháp trong việc thi hành những quy định của hiệp ước Pôtxđam (kí kết giữa Liên Xô, Mĩ, Anh tại hội nghị cấp cao tháng 7–1945), tháng 9–1949, nước Đức đã bị chia cắt thành hai quốc gia đi theo hai chế độ kinh tế – xã hội khác nhau : *Cộng hòa dân chủ Đức* ở miền *Đông Đức* đi theo con đường chủ nghĩa xã hội, và *Cộng hòa liên bang Đức* ở miền *Tây Đức* đi theo con đường tư bản chủ nghĩa (diện tích 248000km^2 và dân số 59 triệu người, gấp hơn 2 lần diện tích và hơn 3 lần dân số CHDC Đức). Để biến Tây Đức thành một "lực lượng xung kích" của khối NATO chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, Mĩ và các nước phương Tây đã dốc sức "viện trợ" cho Tây Đức phục hồi lại nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh (Mĩ đã cho vay và đầu tư vào Tây Đức hơn 50 tỉ mác). Cũng vì thế, sản xuất công nghiệp của Tây Đức được phục hồi và phát triển hết sức nhanh chóng.

Cuối những năm 50, khối lượng sản xuất công nghiệp của Tây Đức đã vượt mức sản xuất trước chiến tranh (của cả nước Đức dưới thời Hitle) gấp hơn ba lần. Sang những năm 60 và 70, Tây Đức vượt các nước Anh, Pháp, Italia và xếp hàng thứ ba về sản xuất công nghiệp sau Mĩ, Nhật Bản. Hiện nay, Tây Đức đã trở thành một đối thủ đáng sợ của Mĩ, Nhật Bản và vượt Mĩ về xuất khẩu hàng công nghiệp, về dự trữ vàng và ngoại tệ (Tây Đức 30 tỉ đô la còn Mĩ 11,6 tỉ đô la).

---

(1) Tháng 5–1997, Chủ tịch Công đảng Tôni Ble lên làm Thủ tướng Anh

Những ngành công nghiệp nổi tiếng thế giới của Tây Đức gồm : Công nghiệp chế tạo cơ khí và gia công kim loại, công nghiệp hóa chất, công nghiệp nhẹ (dệt, sợi tổng hợp, sợi nhân tạo...), công nghiệp than và thép, công nghiệp ô tô...

Trong nông nghiệp, chăn nuôi là ngành chủ yếu, chiếm 3/4 giá trị tổng sản lượng nông nghiệp (17 triệu bò và 19 triệu lợn). Nông nghiệp thỏa mãn được 76% nhu cầu lương thực và thực phẩm trong nước, còn lại nhập từ Pháp, Italia, Hà Lan.

Trong nhiều thập niên, *Liên minh dân chủ Thiên chúa giáo* cầm quyền ở Cộng hòa liên bang Đức. Đại diện cho lợi ích của giới tư bản độc quyền, chính phủ Liên minh dân chủ Thiên chúa giáo đã thi hành một chính sách đối nội chống lại công nhân và nhân dân lao động : đặt Đảng Cộng sản Đức ra ngoài vòng pháp luật (1956) ; gần 200 tổ chức tiến bộ bị cấm hoạt động ; những nhà hoạt động tiến bộ, đấu tranh cho hòa bình, dân chủ, chống bọn phục thù bị truy nã, bắt giữ...

Về đối ngoại, giới cầm quyền Tây Đức tìm mọi cách tái vũ trang lại quân đội Tây Đức, đưa Tây Đức vào khối quân sự NATO và cùng Mĩ, các nước phương Tây hình thành một *liên minh chính trị – quân sự* chống lại Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và phong trào công nhân châu Âu.

Do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Đức, ngày 3–10–1990, Cộng hòa dân chủ Đức đã sáp nhập vào Cộng hòa liên bang Đức để trở thành một quốc gia Đức thống nhất dưới tên *Cộng hòa liên bang Đức*.

?

1. Nền kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã phát triển như thế nào ?
2. Chính sách đối nội, đối ngoại của giới cầm quyền Cộng hòa liên bang Đức ra sao ?
3. Tình hình chính trị của nước Pháp đã diễn ra như thế nào sau Chiến tranh thế giới thứ hai ? Chính sách đối ngoại của giới cầm quyền Pháp ?

4. Tình hình các nước Tây Âu khác

Thụy Điển, nằm ở Đông bán đảo Xcăngđinavơ (Bắc Âu), là một quốc gia có trình độ phát triển chủ nghĩa tư bản cao về nhiều mặt. Thụy Điển là một nước quân chủ lập hiến. Vua là người đứng đầu quốc gia có tính chất tượng trưng. Quyền lập pháp thuộc về Nghị viện gồm hai viện (Thượng nghị viện 8 năm bầu lại một lần, Hạ nghị viện 4 năm bầu một lần) và quyền hành pháp thuộc về chính phủ (Hội đồng quốc gia), do vua chỉ định qua kết quả của tổng tuyển cử.

Về *chính sách đối nội*, chính phủ Thụy Điển, trong sáu thập niên qua nằm trong tay Đảng Xã hội dân chủ[1] đã thực hiện một cách rộng rãi các quyền tự do dân chủ trong khuôn khổ chế độ dân chủ tư sản, nhân quyền được bảo đảm, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, kể từ thủ tướng đến người dân lao động. Về *đối ngoại*, chính phủ Thụy Điển giữ vững chính sách hòa bình trung lập tích cực, phản đối các cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa (chính phủ Thụy Điển đã khước từ lời mời gia nhập khối NATO, đã lên án mạnh mẽ cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của Mĩ ở Việt Nam và tích cực ủng hộ vật chất, tinh thần cho nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp chống Mĩ và xây dựng đất nước hiện nay).

Với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở trình độ cao, mức sống của người dân được xếp vào loại cao nhất của toàn thế giới (nhiều mặt vượt Mĩ). Thụy Điển hiện nay được đánh giá cao về khuôn mẫu xã hội theo "*mô hình xã hội dân chủ*" ở châu Âu (do Đảng Xã hội dân chủ liên tục cầm quyền xây dựng nên).

Phần Lan, nằm ở ven biển Ban Tích, giáp giới với Thụy Điển, Na Uy và Liên Xô là một xứ sở của *hồ* và *rừng* : đất nước có 6 vạn hồ lớn, nhỏ và rừng bao phủ 3/4 diện tích đất đai. Trước

---

(1) Ngày 15-9-1991, trong tuyển cử bầu quốc hội, Đảng Xã hội dân chủ chỉ được 38,2% số phiếu, nên chính phủ Xã hội dân chủ (do thủ tướng I.Canxtơn đứng đầu) đã đệ đơn lên nhà vua xin từ chức.

năm 1917, Phần Lan là một bộ phận của đế quốc Nga thời Nga hoàng. Tháng 12-1917, sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi, Chính phủ Xô viết công bố đạo luật công nhận độc lập của Phần Lan. Trong những năm 1919-1920, Phần Lan cùng với các nước đế quốc, tư bản khác đã tham dự vào cuộc can thiệp vũ trang chống lại nước Nga Xô viết.

Cuối những năm 30, dưới sự tác động của các thế lực phát xít, chính phủ Phần Lan đã ngả theo chủ nghĩa phát xít Đức và biến Phần Lan thành nước chư hầu của phát xít Đức trong cuộc chiến tranh chống Liên Xô. Sau những thất bại nặng nề, ngày 19-9-1944, Phần Lan kí hiệp định đình chiến và cắt đứt mọi quan hệ với nước Đức phát xít. Năm 1947, Phần Lan kí kết hòa ước với Liên Xô, và ngày 6-4-1948, *hiệp ước hữu nghị hợp tác Phần Lan - Liên Xô* được kí kết, cũng từ đó mối quan hệ giữa Phần Lan với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã thay đổi khác trước.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các Chính phủ cầm quyền Phần Lan đều đã thực hiện một chính sách đối nội, đối ngoại nhất quán : *trong nước*, mở rộng các quyền tự do dân chủ trong khuôn khổ thể chế dân chủ tư sản, đảm bảo nhân quyền và nâng cao phúc lợi xã hội đối với đông đảo quần chúng lao động ; *đối ngoại*, thực hiện chính sách hòa bình trung lập tích cực. *Kinh tế* Phần Lan cũng có những bước phát triển đáng kể, ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ (xẻ gỗ, sản xuất giấy, bìa, gỗ dán...) chiếm gần 1/2 giá trị sản phẩm công nghiệp trong nước và là hàng xuất khẩu chính. Ngoài ra, các ngành công nghiệp đóng tàu, công nghiệp chế biến kim loại cũng phát triển mạnh mẽ.

Với đời sống vật chất, tinh thần ở mức cao nhất thế giới và các quyền tự do dân chủ của công dân được thực hiện rộng rãi, Phần Lan đang được coi là một *khuôn mẫu xã hội tiến bộ* của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XX.

? - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình kinh tế, chính trị và xã hội của Thụy Điển đã phát triển như thế nào ?

5. Khối thị trường chung châu Âu (EEC)

Khối thị trường chung châu Âu hay còn gọi khối *Cộng đồng kinh tế châu Âu* (tiếng Anh viết tắt là EEC) ra đời trên cơ sở hiệp ước kí kết ngày 25-3-1957 tại Rôma giữa 6 nước tư bản châu Âu : Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxembua. Sau đó, có thêm 6 nước tham gia EEC là Anh, Đan Mạch, Ailen (1973), Hi Lạp (1981), Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha (1986), đưa tổng số hội viên lên 12 nước.(1)

Sau hơn 40 năm ra đời, EEC trong thực tế đã tạo ra một cộng đồng kinh tế và một thị trường chung, với vốn khoa học - kĩ thuật hùng hậu và sức lao động của một dân số đông hơn 340 triệu người. Điều này cho phép EEC nói chung và các thành viên EEC nói riêng, khả năng phát triển nhanh chóng nền kinh tế, ứng dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại vào sản xuất công - nông nghiệp, và thực hiện có hiệu lực cuộc cạnh tranh về kinh tế, tài chính, thương mại với các nước ngoài khối, đặc biệt đối với Mĩ và Nhật Bản. Mặt khác, EEC đã tìm mọi cách tiến tới thống nhất với nhau về chính sách đối nội, đối ngoại, đặc biệt trong mục tiêu chống chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân ở châu Âu. Các nước EEC dự định đến năm 2000 sẽ trở thành một liên bang có một ngân hàng chung sử dụng một đồng tiền chung (đồng ECU)(2) và cùng thực hiện một chính sách đối ngoại và an ninh chung.

? – Mục tiêu kinh tế và chính trị của EEC ?

6. Những nét chung về hệ thống tư bản chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1991)

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống tư bản chủ nghĩa đã phát triển qua các giai đoạn :

---

(1) Từ 1-11-1993, EEC được gọi là *Liên minh châu Âu* (viết tắt tiếng Anh là EU). Đến nay, số thành viên của EU là 15 nước - thêm Áo, Phần Lan, Thụy Điển.

(2) Nay gọi là đồng Euro.

– *Từ 1945 đến 1950 :* Giai đoạn vươn lên "*đỉnh cao*" của chủ nghĩa tư bản Mĩ, và thông qua "viện trợ" kinh tế, quân sự cùng với việc thành lập các khối quân sự, Mĩ đã khống chế chặt chẽ các nước tư bản Tây Âu, Nhật Bản về kinh tế, chính trị, quân sự.

– *Từ 1950 đến 1973 :* Giai đoạn các nước Tây Âu, Nhật Bản, sau khi khôi phục lại nền kinh tế đạt mức trước chiến tranh, đã vươn lên mạnh mẽ về kinh tế, trở thành những đối thủ cạnh tranh nguy hiểm của Mĩ, và hình thành trên thế giới *ba trung tâm kinh tế, tài chính* là Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản.

– *Từ 1973 đến 1991 :* Để đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính thế giới diễn ra trong nửa đầu những năm 70, các nước tư bản phát triển đã sớm đi vào cải tổ lại cơ cấu kinh tế, đi sâu vào cuộc cách mạng khoa học, đặc biệt là cách mạng công nghệ và tìm cách thích nghi về chính trị, xã hội trước những biến đổi to lớn của tình hình thế giới, do đó từng bước vượt qua những cuộc khủng hoảng vào đầu những năm 80 rồi sau đó tiếp tục phát triển về kinh tế, ổn định tình hình chính trị và nâng cao mức sống của người dân. Ngoài ra, sau khi giành lại độc lập, một số nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa đã phát triển trở thành những nước *Công nghiệp mới* (NIC).

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa tư bản (còn gọi là *chủ nghĩa tư bản hiện đại)* mang một số đặc điểm chủ yếu sau đây :

+ Sự chuyển sang *Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước*, tức sự dung hợp giữa các *tập đoàn tư bản lũng đoạn* với *Nhà nước* thành một bộ máy thống nhất có quyền lực vô hạn, phục vụ cho lợi ích "tối đa" của các tập đoàn tư bản lũng đoạn. Những thập niên gần đây, nó không chỉ dừng lại ở chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước mà còn phát triển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền siêu quốc gia (tức độc quyền trên phạm vi nhiều nước).

+ *Sự liên hợp quốc tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước* (hay còn gọi "*nhất thể hóa quốc tế*") mà tiêu biểu là sự ra

đời của *Cộng đồng kinh tế châu Âu* (EEC) nhằm "*nhất thể hóa châu Âu*" về kinh tế và chính trị.

+ Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ở những nước tư bản phát triển (là nơi xuất phát và nơi đạt được những thành tựu to lớn nhất) dẫn đến bước nhảy vọt về năng suất lao động và trình độ sản xuất xã hội, làm cho đời sống vật chất, tinh thần của con người không ngừng được nâng cao.

+ Các nước tư bản phát triển và các nước tư bản châu Âu nói chung đều đã có sự phát triển đáng kể về các mặt văn hóa, giáo dục và văn học, nghệ thuật.

+ Nhưng bên cạnh đó, ở các nước tư bản vẫn luôn luôn tồn tại những *mâu thuẫn xã hội* và những *tệ nạn xã hội* mà chủ nghĩa tư bản không thể nào khắc phục được : mâu thuẫn giữa chủ tư bản và công nhân ; mâu thuẫn và cạnh tranh gay gắt giữa các nước tư bản với nhau ; mâu thuẫn giữa những người cực kì giàu có với những kẻ nghèo đói sống dưới mức tối thiểu của con người ; những tệ nạn xã hội và nếp sống không lành mạnh của "*xã hội tiêu dùng*" trong các nước tư bản.

truongxua.vn

Chủ nghĩa tư bản hiện đại, bên cạnh sự phồn vinh, phát triển về kinh tế, văn hóa và khoa học – kĩ thuật của nó, vẫn đang tồn tại trong lòng nó những mặt hạn chế không sao khắc phục nổi.

?

1. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, hệ thống tư bản chủ nghĩa đã trải qua các giai đoạn phát triển như thế nào ?

2. Hãy trình bày những đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

3. Sau khi học xong chương III, em có những suy nghĩ gì về chủ nghĩa tư bản (mặt tích cực, mặt hạn chế, mặt đáng để chúng ta suy nghĩ và học tập) ?

BÀI 4

QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH (1945–1947)

1. Hội nghị Ianta và việc hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh

Đầu năm 1945, cục diện Chiến tranh thế giới thứ hai đã bước vào giai đoạn chót, nhiều mâu thuẫn, nhiều tranh chấp trong nội bộ phe Đồng minh chống phát xít nổi lên gay gắt, trong đó nổi bật lên ba vấn đề bức thiết cần giải quyết : 1 – Việc nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu và châu Á – Thái Bình Dương ; 2 – Việc tổ chức lại trật tự thế giới mới sau chiến tranh ; 3 – Việc phân chia khu vực đóng quân theo chế độ quân quản ở các nước phát xít chiến bại và *phân chia phạm vi ảnh hưởng* (hay phạm vi thế lực) của các nước tham gia chiến tranh chống phát xít. Trong bối cảnh đó, Hội nghị cấp cao của ba cường quốc họp tại Ianta (Liên Xô) từ ngày 4 đến 12 – 2 – 1945. Tham dự hội nghị có Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô – Xtalin, Tổng thống Mĩ – F.Rudơven và Thủ tướng Anh – Sơcxin. Hội nghị đã diễn ra gay go, quyết liệt, vì thực chất nội dung hội nghị là cuộc tranh giành và phân chia thành quả thắng lợi chiến tranh giữa các lực lượng tham chiến, có liên quan mật thiết tới hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau này. Cuối cùng, Hội nghị đã đi đến những quyết định sau đây :

– Về việc kết thúc chiến tranh ở châu Âu và ở châu Á – Thái Bình Dương, ba cường quốc đã thống nhất mục đích là *tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật*, nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu, châu Á – Thái Bình Dương và Liên Xô sẽ tham gia chiến tranh chống Nhật ở châu Á – Thái Bình Dương sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu.

thuongmaitu

– Ba cường quốc thống nhất thành lập tổ chức *Liên Hợp Quốc* dựa trên nền tảng và nguyên tắc cơ bản là *sự nhất trí giữa 5 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp và Trung Quốc* để gìn giữ hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh.

– Hội nghị đã đi đến thỏa thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Ở châu Âu, quân đội Liên Xô sẽ chiếm đóng miền Đông Đức, Đông Béclin và các nước Đông Âu do Hồng quân Liên Xô giải phóng, còn quân đội Mĩ, Anh, Pháp chiếm đóng miền Tây Đức, Tây Béclin, Italia, và một số nước Tây Âu khác, vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ, trong đó Áo, Phần Lan trở thành hai *nước trung lập*. *Ở châu Á*, Hội nghị chấp nhận những điều kiện để đáp ứng việc Liên Xô tham gia chiến tranh chống Nhật, bao gồm : 1 – Bảo vệ nguyên trạng và công nhận nền độc lập của Mông Cổ ; 2 – Trả lại Liên Xô những quyền lợi của đế quốc Nga ở Viễn Đông trước chiến tranh Nga – Nhật 1904, cụ thể như sau : trả lại Liên Xô miền Nam đảo Xakhalin và tất cả các đảo nhỏ thuộc đảo này ; quốc tế hóa thương cảng Đại Liên (Trung Quốc) và khôi phục việc Liên Xô thuê cảng Lữ Thuận (Trung Quốc) làm căn cứ hải quân ; trả lại Liên Xô đường sắt Xibia – Trường Xuân ; cùng sử dụng đường sắt Hoa Đông và đường sắt Nam Mãn – Đại Liên ; 3 – Liên Xô chiếm 4 đảo Curin. Ngoài ra, ba cường quốc cũng đã thỏa thuận : quân đội Mĩ chiếm đóng Nhật Bản, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc Triều Tiên và quân đội Mĩ chiếm đóng Nam Triều Tiên lấy vĩ tuyến 38° làm ranh giới ; Nhật Bản thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ ; Trung Quốc tiến tới thành lập chính phủ liên hiệp bao gồm Đảng Cộng sản Trung Quốc, và Mĩ có quyền lợi ở Trung Quốc ; các vùng còn lại của châu Á (Đông Nam Á, Tây Á, Nam Á...) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây.

Những quyết định của Hội nghị cấp cao Ianta tháng 2–1945 đã trở thành những khuôn khổ của *trật tự thế giới mới* từng bước được thiết lập trong những năm 1945–1947 sau khi chiến tranh kết thúc, thường được gọi là "*Trật tự hai cực Ianta*" (hai cực chỉ Mĩ và Liên Xô phân chia nhau phạm vi ảnh hưởng trên cơ sở thỏa thuận Ianta).

? – Hãy trình bày ngắn gọn những nội dung chủ yếu của Hội nghị cấp cao Ianta.

2. Tổ chức Liên Hợp Quốc

Từ ngày 25-4 đến 26-6-1945, hội nghị đại biểu của 50 nước đã họp tại Xan Phơranxixcô (Mĩ) để thông qua Hiến chương Liên Hợp Quốc và thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc. Hiến chương Liên Hợp Quốc quy định *mục đích cao nhất của Liên Hợp Quốc là nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới, thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia và nguyên tắc dân tộc tự quyết.* Để thực hiện mục đích trên, Hiến chương quy định Liên Hợp Quốc sẽ hoạt động dựa theo những nguyên tắc : quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền dân tộc tự quyết ; tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước ; giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình ; nguyên tắc nhất trí giữa 5 cường quốc Liên Xô[1], Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc ; Liên Hợp Quốc không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào. Các cơ quan chính của Liên Hợp Quốc gồm :

Đại hội đồng, hội nghị của tất cả các nước hội viên, họp mỗi năm một lần để thảo luận những vấn đề có liên quan thuộc phạm vi Hiến chương đã quy định. Trong hội nghị, quyết định các vấn đề quan trọng phải được thông qua với 2/3 số phiếu, vấn đề ít quan trọng hơn thì thông qua với đa số phiếu.

Hội đồng bảo an, cơ quan chính trị quan trọng nhất và hoạt động thường xuyên của Liên Hợp Quốc, chịu trách nhiệm chính về việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Mọi quyết nghị của Hội đồng bảo an phải được thông qua với sự nhất trí của 5 ủy viên thường trực là các cường quốc Liên Xô[1], Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc. Những quyết nghị của Hội đồng bảo an được thông qua phù hợp với Hiến chương thì bắt buộc các nước hội viên phải thi hành. Hội đồng bảo an không phục tùng Đại hội đồng.

Ban thư kí, cơ quan hành chính của Liên Hợp Quốc, đứng đầu là *Tổng thư kí*, do Đại hội đồng bầu ra 5 năm một lần theo sự giới thiệu của Hội đồng bảo an.

---

(1) Nay là Liên bang Nga.

Ngoài ra, Liên Hợp Quốc còn có hàng trăm tổ chức chuyên môn khác, như Hội đồng kinh tế và xã hội, Tòa án quốc tế, Hội đồng quản thúc v.v... Trụ sở Liên Hợp Quốc đặt tại Niu Oóc (Mĩ).

Đến năm 1997, Liên Hợp Quốc đã có 185 thành viên. Liên Hợp Quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất, giữ vai trò quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình, an ninh quốc tế, thúc đẩy việc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc xung đột khu vực, phát triển các mối quan hệ giao lưu, hợp tác về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa giữa các quốc gia thành viên. Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc tháng 9 - 1977.

? – Mục đích và những nguyên tắc hoạt động của Liên Hợp Quốc như thế nào ? Hãy nêu một dẫn chứng về vai trò của Liên Hợp Quốc trong việc giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế hoặc thúc đẩy các mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước thành viên.

3. Việc giải quyết vấn đề các nước phát xít chiến bại sau chiến tranh

Sau chiến tranh, việc giải quyết vấn đề các nước phát xít chiến bại, trong đó quan trọng nhất là việc kí *hòa ước* với các nước này, có một vị trí và ý nghĩa trọng yếu đối với việc thiết lập trật tự thế giới mới sau chiến tranh và gìn giữ hòa bình, an ninh của trật tự mới này.

Các nước phát xít chiến bại bao gồm : *Đức, Nhật Bản* và *Italia*, là những tội phạm đã gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (Italia có khác Đức và Nhật là năm 1943, sau khi phát xít Mútxôlini bị lật đổ, Italia đã kí hiệp định đình chiến với các nước Đồng minh và đứng về phía Đồng minh tham gia chiến tranh chống phát xít Đức), cùng các nước *Bungari, Hunggari, Rumani, Phần Lan*, là những nước chư hầu của phát xít Đức (trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, 4 nước này cũng đã rút ra khỏi khối liên minh với Đức và tuyên chiến với Đức).

Đức nằm ở giữa châu Âu và là một quốc gia lớn, có tiềm lực mạnh mẽ về kinh tế và quân sự, lại là quê hương của chủ nghĩa

quân phiệt, chủ nghĩa phát xít, đã từng gây ra cho nhân loại hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu, việc giải quyết *vấn đề Đức* trở thành vấn đề trung tâm của tình hình châu Âu sau khi chiến tranh kết thúc.

Hội nghị cấp cao ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh họp ở Pốtxđam (Đức) từ 17-7 đến 2-8-1945 đã kí kết hiệp ước về việc giải quyết vấn đề Đức, mà nội dung và tinh thần cơ bản là quy định những nguyên tắc và biện pháp nhằm dân chủ hóa và hòa bình hóa nước Đức (như tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa phát xít, xét xử tội phạm chiến tranh, thực hiện các quyền tự do dân chủ v.v..). Do đấu tranh của Liên Xô, nhân dân Đức và lực lượng tiến bộ trên thế giới, phía các nước Mĩ, Anh, Pháp đã phải mở *Tòa án quốc tế ở Nuyrămbe* (tiến hành từ 20-10-1945 đến 31-8-1946, xét xử trên 400 phiên tòa), xử tử treo cổ 12 tên tội phạm chiến tranh đầu sỏ (Gơrinh, Ripbentơrốp...) và kết án các tổ chức Géttapô, tổ chức cảnh sát bí mật S.S., cơ quan an ninh Quốc xã, là những tổ chức phát xít phạm tội.

Ở Đông Đức, nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của Hiệp ước Pốtxđam, Liên Xô đã giúp đỡ các lực lượng dân chủ tiến hành những cải cách dân chủ (cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa các công ti tư bản lớn, ban hành các quyền tự do dân chủ...), giải tán triệt để các lực lượng vũ trang và các tổ chức phát xít. *Ở Tây Đức,* trái ngược lại, các nước Mĩ, Anh, Pháp đã dung túng, nuôi dưỡng các lực lượng quân phiệt, phát xít dưới những hình thức che đậy khác nhau, như "Tổ chức thể thao", "Nhóm sản xuất",... Các công ti độc quyền được giải tán một cách giả tạo bằng cách chia nhỏ ra, các cơ sở công nghiệp quân sự vẫn được duy trì nguyên vẹn, như xí nghiệp sản xuất máy bay Métxécsơmít, Ôcxbua v.v.. Chính sách của Mĩ, Anh, Pháp làm cho vấn đề Đức trở nên khó khăn, phức tạp, không giải quyết được theo những quy định của Hiệp ước Pốtxđam.

Về vấn đề Nhật Bản, Tuyên cáo Pốtxđam (của các nước Đồng minh ngày 26-7-1945) kêu gọi Nhật Bản đầu hàng đã quy định những nguyên tắc trong việc giải quyết vấn đề Nhật Bản sau chiến

tranh : chủ quyền của Nhật giới hạn trên đất Nhật chính thống, chủ yếu trong 4 đảo Hônsu, Hôccaiđô, Kiusiu và Sicôcư ; trừng trị các tội phạm chiến tranh ; thủ tiêu lực lượng vũ trang Nhật ; Nhật Bản chỉ được phát triển công nghiệp hòa bình.

Dưới sức ép của các lực lượng tiến bộ, Mĩ và các nước Đồng minh đã phải tổ chức *Tòa án Tôkiô* xét xử các tội phạm chiến tranh (tiến hành từ 3-5-1946 đến 12-11-1948, kết án 7 tên tử hình, 16 tên tù chung thân, hai tên tù dài hạn), thực hiện nhiều cải cách dân chủ, như cải cách ruộng đất, giải tán các công ti lũng đoạn "Daibátxư", ban hành Hiến pháp 1946 có nhiều nội dung dân chủ, tiến bộ và giải tán lực lượng vũ trang Nhật Bản.

Ngày 10-2-1947, sau nhiều năm đấu tranh gay gắt qua hàng chục lần hội nghị quốc tế, *hòa ước* với 5 nước phát xít chiến bại *Italia, Bungari, Hunggari, Rumani và Phần Lan* đã kí kết tại Hòa hội Pari gồm đại diện của 21 nước đã tham gia cuộc chiến tranh chống phát xít.

uongxua.vn

Nội dung các hòa ước đã quy định *lãnh thổ, biên giới* của các nước chiến bại (về căn bản vẫn giữ như trước chiến tranh, có điều chỉnh lại một số vùng đất đai nhỏ ở biên giới 5 nước), *chế độ chính trị* (thủ tiêu chủ nghĩa phát xít, giải tán các lực lượng vũ trang phát xít, thực hiện các quyền tự do dân chủ) và các khoản *bồi thường chiến tranh* (mà các nước chiến bại phải gánh chịu do những tổn hại mà họ gây nên cho các nước Đồng minh). Nhìn chung, nội dung các bản hòa ước là thỏa đáng, đáp ứng được lợi ích của nhân dân các nước chiến thắng và cũng không quá khắt khe, nặng nề đối với nhân dân các nước chiến bại.

Như thế, từ sau hội nghị cấp cao Ianta (2-1945) đến Hòa hội Pari (2-1947), các nước Đồng minh thắng trận, trong đó chủ yếu là hai cường quốc Mĩ và Liên Xô, đã thiết lập nên một trật tự thế giới mới sau chiến tranh – *trật tự theo khuôn khổ thỏa thuận Ianta của ba nước lớn Liên Xô, Mĩ, Anh.*

? 1. Sau chiến tranh, vấn đề Nhật Bản đã được giải quyết như thế nào trong những năm 1945- 1947 ?

2. Liên Hợp Quốc có một vai trò quan trọng như thế nào trong các mối quan hệ quốc tế hiện nay ?

3. Trật tự thế giới mới được thiết lập nên sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945–1947) như thế nào ?

II – CUỘC "CHIẾN TRANH LẠNH" VÀ ÂM MƯU CỦA MĨ

1. Cuộc "chiến tranh lạnh" và âm mưu của Mĩ

Trước ảnh hưởng ngày càng lớn mạnh của Liên Xô, của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới, Mĩ và các nước phương Tây đã cấu kết lại với nhau để tìm cách đối phó. Tháng 3-1947, trong diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, Tổng thống Mĩ Tơruman chính thức phát động cuộc "chiến tranh lạnh" chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Theo Tơruman thì Ba Lan, Rumani, Bungari, Hunggari "vừa mới bị cộng sản thôn tính", "Chủ nghĩa cộng sản đang đe dọa thế giới *tự do*" và "Nga Xô đang bành trướng thuộc địa ở châu Âu", v.v.. Vì vậy, Mĩ phải đứng ra "*đảm nhiệm sứ mạng lãnh đạo thế giới* tự do". Phải "giúp đỡ" cho các dân tộc trên thế giới chống lại sự "đe dọa của chủ nghĩa cộng sản", chống lại sự "bành trướng" của nước Nga, "giúp đỡ" họ bằng mọi biện pháp kinh tế và quân sự.

Với sự ra đời của "chủ nghĩa Tơruman", mối quan hệ đồng minh giữa Liên Xô với Mĩ và các nước phương Tây trong thời kì chiến tranh chống phát xít đã tan vỡ, và thay vào đó là cuộc "chiến tranh lạnh".

Mĩ đã xúc tiến thành lập các khối quân sự và xây dựng hàng ngàn căn cứ hải, lục, không quân trải ra khắp mọi nơi trên thế giới nhằm bao vây, chĩa mũi nhọn vào Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa : khối *NATO* ở châu Âu, khối *SEATO* ở Đông Nam Á, khối *ANZUS* ở Nam Thái Bình Dương, khối *CENTO* ở Trung Cận Đông, *Liên minh quân sự Mĩ – Nhật* ở Đông Bắc Á, *Liên minh quân sự Tây bán cầu* ở châu Mĩ. Mĩ đã cùng các nước đồng minh của mình ra sức "chạy đua vũ trang" (cả vũ khí thông thường và vũ khí hạt nhân, vũ khí vi

trùng...) với những khoản chi tiêu quân sự khổng lồ nhằm chuẩn bị một cuộc "chiến tranh tổng lực" nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Mĩ đã phát động hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược dưới nhiều hình thức khác nhau để chống lại phong trào cách mạng thế giới và thực hiện mưu đồ bành trướng, thống trị thế giới của mình, tiêu biểu như chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới ở Việt Nam, Lào, Campuchia (1954–1975), can thiệp vũ trang ở Grênađa (1983) và Panama (1990), điều khiển tay sai Ixraen tiến hành những cuộc chiến tranh quy mô lớn ở Trung Cận Đông năm 1948 và 1967, bao vây kinh tế và hoạt động phá hoại về chính trị, quân sự đối với Cuba v.v...

Ngoài ra, Mĩ và các nước phương Tây còn tiến hành bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị và hoạt động phá hoại dưới các hình thức khác nhau (đảo chính, lật đổ, "chiến tranh tâm lí"...) chống lại các nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc "chiến tranh lạnh" của Mĩ với các "*chính sách thế mạnh*", "*chính sách đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản*", "*chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh*" v.v... đã dẫn đến cuộc "chạy đua vũ trang" và tình trạng đối đầu giữa hai khối quân sự – *khối NATO và khối Vacxava* – trở nên hết sức căng thẳng, nguy hiểm, và các mối quan hệ quốc tế luôn luôn phức tạp, gay gắt.

? – Mĩ phát động cuộc "chiến tranh lạnh" nhằm mục tiêu gì ? Mĩ đã phát động cuộc "chiến tranh lạnh" như thế nào ?

2. Cuộc đấu tranh giành hòa bình, độc lập dân tộc – dân chủ và tiến bộ xã hội của các dân tộc trên thế giới

Bên cạnh việc tranh giành phạm vi ảnh hưởng và vai trò lãnh đạo thế giới của các nước lớn, trong quan hệ quốc tế còn diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt, quyết liệt và rộng lớn *giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến, xâm lược và các thế lực phản động khác, với một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức, giai cấp công nhân và nhân dân các nước nhằm giành hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.*

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc bị áp bức ở Á, Phi, Mĩ latinh là trào lưu cách mạng rộng lớn và sôi sục nhất, từng bước phá vỡ hệ thống thuộc địa, một trong những cơ sở tồn tại của chủ nghĩa đế quốc, từng bước phá vỡ trật tự thế giới được thiết lập nên sau Chiến tranh thế giới thứ hai *("trật tự hai cực Ianta")* và đưa các quốc gia độc lập ở Á, Phi, Mĩ latinh bước lên vũ đài quốc tế, góp phần giải quyết những công việc trọng đại của cục diện thế giới. Đến nay, hầu hết các nước thuộc địa và phụ thuộc ở Á, Phi, Mĩ latinh đã giành lại được độc lập dân tộc (trừ một số đảo nhỏ ở Thái Bình Dương và cuộc đấu tranh của nhân dân Arập Palextin chống bọn xiônit).

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, *Phong trào không liên kết* ra đời năm 1961 đã giữ một vị trí quan trọng. Với mục tiêu nhằm "cổ vũ và tăng cường cuộc đấu tranh kiên cường và tất thắng của các dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc dưới mọi hình thức biểu hiện của nó, nhằm hoàn thành độc lập về chính trị, kinh tế, văn hóa, xây dựng cuộc sống mới thật sự tự do, thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng và hợp lí, bảo vệ hòa bình và an ninh của các dân tộc". Đến năm 1989, Phong trào không liên kết đã bao gồm 104 nước (Việt Nam là thành viên của Phong trào không liên kết từ 1976).

Thắng lợi quan trọng khác nữa của cách mạng thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước (Liên Xô) đã mở rộng ra nhiều nước trên thế giới, trở thành chỗ dựa của cách mạng thế giới, của sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới và thúc đẩy giải quyết các mối quan hệ quốc tế theo chiều hướng tiến bộ, có lợi cho nhân dân thế giới.

Do chính sách "*chạy đua vũ trang*" và xúc tiến chuẩn bị một cuộc "*chiến tranh tổng lực*" của Mĩ và các nước phương Tây nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, cho nên nguy cơ của một cuộc chiến tranh hủy diệt nhân loại đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Đến đầu những năm 70, trên thế giới đã có ít nhất là 5 nước lớn đã có vũ khí nguyên tử (Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Anh), trong đó Mĩ và Liên Xô đã có các kho chứa vũ khí nguyên tử đầy ắp.

Các chuyên gia quân sự dự tính rằng chỉ cần một phần của kho vũ khí nguyên tử của Mĩ hoặc của Liên Xô được đưa ra sử dụng thì toàn bộ sự sống của con người trên hành tinh sẽ bị hủy diệt, và một tàu ngầm nguyên tử nếu phóng hết cơ số đầu đạn hạt nhân của nó sẽ có thể gây nên sự tổn thất bằng hai cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Cũng vì thế, cuộc đấu tranh *chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt nhằm bảo vệ hòa bình, bảo vệ sự sống của con người và nền văn minh nhân loại* đang trở thành *nhiệm vụ bức thiết hàng đầu* của tất cả các quốc gia, các dân tộc trên hành tinh. Trong sự nghiệp đấu tranh cao cả này, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa luôn luôn đứng ở vị trí hàng đầu. *Hội đồng hòa bình thế giới* được thành lập tại Đại hội các chiến sĩ hòa bình thế giới ở Vacxava năm 1950, cũng đã giữ một vai trò quan trọng trong việc tập hợp tất cả các lực lượng hòa bình trên toàn thế giới, khởi xướng và tổ chức các cuộc đấu tranh, những hoạt động dưới nhiều hình thức nhằm bảo vệ hòa bình, chống chạy đua vũ trang, đặc biệt là chạy đua vũ trang hạt nhân, củng cố tình hữu nghị và sự hợp tác giữa các dân tộc.

uongxua.vn

Do nỗ lực đấu tranh của toàn thể nhân loại, khả năng bảo vệ hòa bình, ngăn chặn một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt ngày càng tiến triển.

Trong những năm 1972–1991, Liên Xô và Mĩ đã kí nhiều hiệp ước, hiệp định về hạn chế và thủ tiêu vũ khí hạt nhân : "Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa" (ABM) (1972), "Hiệp định tạm thời về một số biện pháp trong lĩnh vực hạn chế vũ khí tiến công chiến lược" (SALT-1) (1974), "Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược" (SALT-2) (1979), "Hiệp ước thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu (INF) (1987), "Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược" (START) (1991)... và nhiều hiệp định cắt giảm vũ khí thông thường khác.

Như thế, cuộc đấu tranh của nhân dân các nước nhằm giành *hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ* và *tiến bộ xã hội* cũng là nội dung chủ yếu của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai và đã thu được những thắng lợi to lớn, góp phần quyết định vào việc thúc đẩy sự phát triển của quan hệ quốc tế.

?

1. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ latinh đã có vị trí, ý nghĩa như thế nào trong việc thúc đẩy sự phát triển của quan hệ quốc tế ?

2. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước (Liên Xô) ra nhiều nước trên thế giới đã có vị trí, ý nghĩa như thế nào trong việc thúc đẩy sự phát triển của quan hệ quốc tế ?

3. Phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hủy diệt nhân loại hiện nay có một vị trí quan trọng như thế nào ? đã thu được những thắng lợi ra sao ?

III – SỰ SỤP ĐỔ CỦA TRẬT TỰ HAI CỰC IANTA VÀ MỘT TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI ĐANG DẦN DẦN HÌNH THÀNH (từ cuối những năm 80)

1. Từ đối đầu chuyển sang đối thoại và hợp tác, "thời kì sau chiến tranh lạnh"

Từ nửa sau những năm 80, trong quan hệ quốc tế diễn ra một xu thế phát triển mới – xu thế từ đối đầu chuyển sang đối thoại và hợp tác trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình. Xu thế mới này được bắt đầu từ quan hệ Xô – Mĩ : từ đối đầu chuyển sang đối thoại qua những hội nghị cấp cao giữa những người đứng đầu hai Nhà nước Mĩ và Liên Xô (từ 1987 đến nay đã diễn ra nhiều cuộc gặp gỡ cấp cao giữa Rigân và Goocbachốp, giữa Busơ và Goocbachốp...), qua đó quan hệ Xô – Mĩ ngày càng được cải thiện, nhiều văn kiện về hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, buôn bán, văn hóa và khoa học – kĩ thuật Xô – Mĩ được kí kết, nhưng quan trọng nhất là việc kí kết hiệp ước thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu năm 1987 (gọi tắt là INF, chiếm khoảng 3% kho vũ khí hạt nhân của hai nước) và "*Hiệp ước cắt giảm* vũ khí chiến lược" (gọi tắt là START, kí ngày 31-7-1991 tại cuộc gặp gỡ cấp cao Xô – Mĩ ở Matxcơva).

Cũng từ 1987, hai nước Mĩ và Liên Xô đã thỏa thuận cùng giảm một bước quan trọng cuộc chạy đua vũ trang, từng bước chấm dứt cục diện chiến tranh lạnh giữa hai nước lớn và cùng hợp tác với nhau giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột quốc tế. Cuối

năm 1989, tại cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Busơ và Goocbachốp ở đảo Manta, Mĩ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt cuộc "chiến tranh lạnh" giữa hai nước lớn này. Như thế, "*Thời kì chiến tranh lạnh*" đã chấm dứt và quan hệ quốc tế bước vào một thời kì mới, thường được gọi là "*Thời kì sau chiến tranh lạnh*".

Quan hệ hợp tác Xô – Mĩ từ năm 1987 đã dẫn đến những biến chuyển quan trọng trong các mối quan hệ quốc tế và cục diện chính trị thế giới.

Trước hết là mối quan hệ giữa 5 nước lớn Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc là 5 ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an có nhiệm vụ quan trọng trong việc duy trì hòa bình, an ninh và trật tự thế giới đã được thiết lập nên cũng có đổi mới trong đường lối đối ngoại của mình. Trong "thời kì chiến tranh lạnh", mặc dù là 5 nước lớn nhưng vẫn chỉ là thế "*hai cực*" Xô – Mĩ đối đầu nhau, Anh, Pháp hoàn toàn phụ thuộc vào Mĩ. Còn Trung Quốc thì có lúc liên minh với Liên Xô chống Mĩ (những năm 50), có lúc cùng chống Liên Xô và chống Mĩ (những năm 60), rồi liên minh với Mĩ chống Liên Xô (từ sau Thông cáo Thượng Hải năm 1972). Sau hơn 20 năm đối đầu, năm 1989, quan hệ Xô – Trung đã được bình thường hóa trở lại. Mối quan hệ giữa 5 nước lớn đã chuyển từ "*hai cực*" đối đầu với nhau sang đối thoại, hợp tác với nhau trong cùng tồn tại hòa bình ; 5 nước lớn đã thương lượng, thỏa hiệp và hợp tác với nhau trong việc giải quyết những tranh chấp và xung đột quốc tế, tiêu biểu như trong cuộc chiến tranh vùng vịnh Pécxich (1991)...

Trước đây, cục diện đối đầu giữa hai nước Liên Xô và Mĩ trong thời kì "chiến tranh lạnh" đã dẫn đến hình thành những khối liên minh chính trị – quân sự đối đầu nhau. Nay, sự hợp tác Xô – Mĩ đã dẫn đến việc giải thể một phía khối Hiệp ước Vacxava (tuyên bố chấm dứt mọi hoạt động từ 1-7-1991) trong khi đó khối NATO vẫn tiếp tục duy trì(1). Liên Xô thực hiện chính sách "không can thiệp" vào tình hình các nước Đông Âu và chấm dứt thực hiện

(1) Tháng 3-1999, NATO kết nạp ba nước : Ba Lan, Hunggari, Séc (nguyên là thành viên của khối Vacxava) và đang có ý đồ mở rộng hơn nữa về phía đông.

tuongxua.vn

những cam kết với các nước đồng minh cũ của mình. Sự hợp tác Xô – Mĩ cũng dẫn đến xu thế đối thoại, hợp tác nhằm giải quyết từng bước các vụ tranh chấp hoặc xung đột khu vực : Vụ xung đột ở vùng Nam Phi có liên quan đến Namibia và cuộc nội chiến kéo dài ở Angôla ; vấn đề Ápganixtan ; vấn đề Campuchia ; vấn đề Nicaragoa ở Trung Mĩ ; vấn đề hòa bình và ổn định ở vùng Trung Cận Đông, v.v..

? – Cuộc "chiến tranh lạnh" giữa hai nước lớn Mĩ và Liên Xô đã chấm dứt như thế nào ? Việc chấm dứt "chiến tranh lạnh" đã tác động đến các mối quan hệ quốc tế như thế nào ?

2. Sự sụp đổ của "trật tự hai cực Ianta" và một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành

Trải qua hơn 40 năm, "*trật tự hai cực Ianta*" đã từng bước bị xói mòn : thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã tạo ra một "đột phá" đối với trật tự này là đập tan âm mưu của Mĩ khống chế Trung Quốc và Liên Xô buộc phải bỏ những đặc quyền ở vùng Đông Bắc Trung Quốc ; sự lớn mạnh về kinh tế của các nước tư bản Tây Âu, đặc biệt sự ra đời của *Cộng đồng kinh tế châu Âu*, làm suy giảm nghiêm trọng phạm vi ảnh hưởng của Mĩ ở Tây Âu ; sự phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc làm thay đổi căn bản bộ mặt của khu vực Á, Phi, Mĩ latinh mà theo khuôn khổ Ianta thuộc ảnh hưởng truyền thống của Mĩ và các nước Tây Âu ; sự phát triển "thần kì" về kinh tế của Nhật Bản khiến nước này trở thành một trong ba trung tâm kinh tế, tài chính của thế giới, và là đối thủ cạnh tranh nguy hiểm của Mĩ... Tuy thế, "trật tự Ianta" về căn bản vẫn được tiếp tục duy trì. Nhưng, sau những biến động to lớn ở Đông Âu và Liên Xô trong những năm 1988 – 1991, "Trật tự hai cực Ianta" đã bị phá vỡ, thể hiện trên các mặt : 1 – Khối Đông Âu, phạm vi ảnh hưởng chủ yếu của Liên Xô, đã bị tan vỡ và cùng theo với sự tan vỡ này, các liên minh chính trị – quân sự *(khối Hiệp ước Vacxava)* và liên minh kinh tế *(khối SEV)* của nó tuyên bố tự giải thể ; 2 – Do sự suy giảm về vị trí kinh tế và chính trị của Mĩ và Liên Xô, thế "*hai*

cực" của hai siêu cường Mĩ và Liên Xô trong trật tự thế giới cũ đã bị phá vỡ : Liên Xô bị suy sụp và tan vỡ từ góc độ một Nhà nước ; Mĩ vẫn giữ được vị trí đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế và sức mạnh quân sự nếu tính riêng từng nước một, nhưng gộp lại cả Tây Âu và Nhật Bản thì về nhiều mặt, Mĩ đã bị suy kém hoặc đứng ở hàng thứ 2 (nửa sau những năm 40 và trong những năm 50, Mĩ mạnh hơn tất cả các nước tư bản chủ nghĩa cộng lại về kinh tế và quân sự). 3 – Không đủ sức "bao cấp" như trước đây nữa, Liên Xô và Mĩ đang rút dần sự "có mặt" của mình ở nhiều khu vực quan trọng trên thế giới (châu Âu, Đông Bắc Á, Tây Á, Đông Nam Á, châu Phi...). 4 – Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô và Mĩ là hai nước chiến thắng chủ yếu và thu được những quyền lợi to lớn nhất, còn Đức và Nhật Bản là hai nước phát xít chiến bại chủ yếu và bị sụp đổ về kinh tế và quân sự, thế nhưng qua 45 năm, Nhật Bản và nước Đức đã thống nhất trở lại đã vươn lên hùng mạnh về kinh tế và địa vị chính trị, đang trở thành mối lo ngại đối với các cường quốc Mĩ, Liên Xô, Anh, Pháp... Sau khi "*thế hai cực*" bị phá vỡ, Mĩ đang ra sức vươn lên "*thế một cực*" trong trật tự thế giới mới, còn các cường quốc khác cố gắng duy trì "*thế đa cực*", trong đó Đức và Nhật Bản đang đòi hỏi trở thành "hai cực nữa" trong trật tự "đa cực" này.

uongxua.vn

Từ đầu những năm 90, một trật tự thế giới mới đang dần dần được hình thành. Trật tự thế giới mới này được hình thành như thế nào, còn tùy thuộc ở nhiều nhân tố : 1 – Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp (tức sức mạnh tổng hợp về mọi mặt của một nước, trong đó kinh tế là sức mạnh trụ cột). 2 – Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa ; sự vươn lên của các nước Á, Phi, Mĩ latinh sau khi giành được độc lập ; sự phát triển của phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới v.v...). 3 – Sự phát triển của cách mạng khoa học – kĩ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những "đột phá" và biến chuyển trong cục diện thế giới.

Tuy thế, đã xuất hiện một số đặc điểm và xu thế phát triển sau đây : xu thế đối thoại, hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi,

tôn trọng lẫn nhau trong cùng tồn tại hòa bình đang ngày càng trở thành xu thế chủ yếu trong các mối quan hệ quốc tế ; 5 nước lớn Liên Xô (nay là Nga thay thế), Trung Quốc, Mĩ, Anh, Pháp, tức 5 nước ủy viên thường trực trong Hội đồng Bảo an, tiến hành thương lượng, thỏa hiệp và hợp tác với nhau trong việc duy trì trật tự thế giới mới ; một thời kì mới trong quan hệ quốc tế đã bắt đầu, trong đó tất cả các quốc gia dân tộc đều đang đứng trước những thử thách, những thời cơ để đưa vận mệnh đất nước mình tiến lên kịp với thời đại.

?

1. "Trật tự hai cực Ianta" đã bị sụp đổ qua những biểu hiện như thế nào ?

2. Xu thế đối thoại đã diễn ra như thế nào trong các mối quan hệ quốc tế từ nửa sau những năm 80 trở lại đây ? Xu thế đối thoại, hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình có lợi hay không có lợi cho sự phát triển của các quốc gia, dân tộc trên thế giới hiện nay ?

3. Hãy kể những quốc gia mà Việt Nam đang tiến hành đối thoại, hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình.

thuongmaitr

BÀI 5

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC - KĨ THUẬT SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Đến nay, nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng lớn trong các lĩnh vực khoa học và kĩ thuật, qua đó đạt được những bước nhẩy vọt trong sản xuất và sinh hoạt xã hội : cuộc *cách mạng kĩ thuật* và *cách mạng công nghiệp* gắn liền với nó ở thế kỉ XVIII –XIX, và cuộc *cách mạng khoa học – kĩ thuật* đang diễn ra từ những năm 40 đến nay. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay không phải là cuộc cách mạng kĩ thuật đơn thuần như thế kỉ XVIII, mà là sự kết hợp chặt chẽ cách mạng khoa học và cách mạng kĩ thuật thành một thể thống nhất, hai yếu tố khoa học và

kĩ thuật không tách rời nhau, kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo ra một sức mạnh tổng hợp thúc đẩy cách mạng khoa học – kĩ thuật cùng phát triển với tốc độ nhanh chóng, quy mô rộng lớn và đạt được những thành tựu kì diệu chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại. Đến nay, cuộc *cách mạng khoa học – kĩ thuật* đã phát triển qua hai giai đoạn : giai đoạn đầu từ những năm 40 đến nửa đầu những năm 70, giai đoạn thứ hai bắt đầu từ cuộc khủng hoảng năng lượng to lớn năm 1973 đến nay, trong đó cách mạng công nghệ được nâng lên vị trí hàng đầu (cũng có ý kiến cho là cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ ba).

1. Nguồn gốc của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai

Con người phải lao động, phải sản xuất ra của cải để tồn tại và phát triển. Muốn sản xuất ra nhiều của cải nếu chỉ đơn thuần dựa vào bản thân sức lao động của con người thì không đủ, mà phải tìm cách không ngừng cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất như công cụ, máy móc, vật liệu v. v... mà thường gọi chung là *kĩ thuật*. Kĩ thuật càng tiến bộ thì sản xuất càng phát triển và sinh hoạt của con người càng được nâng cao. Mặt khác, kĩ thuật muốn tiến bộ thì phải dựa vào sự phát triển của *khoa học cơ bản*, gồm toán học, vật lí học, hóa học, sinh vật học. Như thế, *yêu cầu của cuộc sống con người, cụ thể là yêu cầu của kĩ thuật và của sản xuất, trở thành động lực và nguồn gốc sâu xa dẫn tới cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII –XIX và cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay.*

tuongxua.vn

Bước sang nền sản xuất hiện đại, do sự bùng nổ về dân số và nhu cầu sinh hoạt của con người ngày càng nâng cao, càng phức tạp, mặt khác do những tài nguyên thiên nhiên cung cấp cho sự sống của con người đang vơi cạn dần một cách nghiêm trọng, vì vậy, những *công cụ sản xuất mới* có kĩ thuật cao, những nguồn năng lượng mới và những vật liệu mới thay thế được đặt ra một cách bức thiết với con người.

Để phục vụ cho việc tiến hành cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, các bên tham chiến đều buộc phải nghĩ tới việc giải quyết tính

cơ động của binh sĩ, các phương tiện thông tin, liên lạc và chỉ huy, sản xuất ra những vũ khí hiện đại có tính năng tàn phá và sát thương lớn v.v... Cũng vì thế, cả hai phía tham chiến phải đi sâu vào nghiên cứu khoa học, kĩ thuật và cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay được mở đầu bằng những phát minh rađa, hỏa tiễn, bom nguyên tử... vào nửa đầu những năm 40 nhằm phục vụ cho chiến tranh.

Những thành tựu về khoa học, kĩ thuật cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX đã tạo tiền đề và thúc đẩy sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai của nhân loại.

? – Hãy trình bày nguồn gốc của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai.

2. Nội dung và thành tựu

Nội dung và phạm vi của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay rất phong phú, rộng lớn. Nó diễn ra trong lĩnh vực *khoa học cơ bản* gồm toán học, vật lí học, hóa học, sinh vật học. Khoa học cơ bản đã tạo cơ sở lí thuyết cho các *khoa học khác*, cho kĩ thuật phát triển và là nền móng của tri thức. Ngoài khoa học cơ bản ra, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã và đang nghiên cứu, phát minh ra nhiều ngành khoa học mới, như *khoa học vũ trụ* và *khoa học du hành vũ trụ*, những ngành mới về nguyên tắc của khoa học tự nhiên gắn liền với kĩ thuật mới, như *điều khiển học* v.v... Hiện nay, các nhà khoa học đang tập trung đi sâu nghiên cứu, giải quyết những yêu cầu bức thiết nhằm đáp ứng cuộc sống của con người trên các phương hướng sau đây : phương hướng tự động hóa nhằm tự động hóa và thay đổi cơ bản những điều kiện lao động của con người và nâng cao năng suất lao động ; tìm tòi *những nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới, những công cụ mới* ; cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp ; chinh phục vũ trụ để phục vụ cho cuộc sống trên Trái Đất v.v...

Trải qua một nửa thế kỉ, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai của nhân loại đã thu được những thành tựu to lớn và kì diệu.

thuongmaitr

Trước hết, trong lĩnh vực *khoa học cơ bản,* con người đã thu được những thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu những bước nhẩy vọt chưa từng có trong lịch sử ở các ngành toán học, vật lí học, hóa học, sinh vật học. Các nhà khoa học đã có những phát minh vô cùng quan trọng, như sóng điện từ, trường điện từ, tia rơnghen và hiện tượng phóng xạ, sự phân chia của nguyên tử, bản chất hạt sóng của ánh sáng, khởi thảo thuyết lượng tử và thuyết tương đối học, tìm ra những định luật và định lí mới về toán học, lí học, hóa học và sinh vật học v.v...

Toán học đã có nhiều phát minh lớn, phát triển thành nhiều ngành riêng biệt, đang ngày càng thâm nhập sâu vào các ngành khoa học khác và tạo thành quá trình *toán học hóa khoa học* (trong lĩnh vực vật lí học, hóa học, sinh vật học, thậm chí ngôn ngữ học, sử học, khoa học kinh tế v.v... cũng đang được toán học hóa).

Hóa học đã có những thành tựu to lớn, đang tạo ra một sức mạnh tổng hợp tác động vào kĩ thuật và sản xuất, mở ra những phương pháp hoàn toàn mới để sản xuất ra những "*vật liệu hóa học*" mà những vật liệu này có nhiều mặt ưu việt hơn so với vật liệu tự nhiên và đặc biệt nó sẽ thay thế vật liệu tự nhiên đang cạn kiệt dần.

ruongxua.vn

Với những phát minh lớn về lí thuyết hạt nhân, về sóng điện từ, trường điện từ, hiện tượng phóng xạ... *Vật lí học* đã góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng nguyên tử và những phương tiện giao thông vận tải, thông tin hết sức hiện đại.

Cuộc cách mạng trong *sinh vật học* đã dẫn đến cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp và sự ra đời của *Phỏng sinh học* và công nghệ sinh học, bao gồm công nghệ sinh hóa, y và dược sinh hóa, công nghệ sinh vật chế biến thực phẩm, công nghệ sinh học chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

Đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay là cuộc cách mạng khoa học và cách mạng kĩ thuật gắn bó chặt chẽ với nhau, hầu như tất cả những khuynh hướng chủ yếu của khoa học cơ bản hiện nay đều gắn liền với lĩnh vực này hay lĩnh vực khác của kĩ thuật và sản xuất như khoa vật lí hạt nhân và năng lượng nguyên tử, môn điều khiển học và tự động học, môn phỏng sinh học v.v...

Thứ hai, các nhà khoa học đã có những phát minh lớn về những *công cụ sản xuất mới,* trong đó có ý nghĩa to lớn nhất là sự ra đời của *máy tính, máy tự động* và *hệ thống máy tự động.*

Con người thông minh nhất trong 1 phút cũng chỉ giải được một số phép tính, nhưng ngày nay, với *máy tính* hệ hiện đại nhất, con người có thể giải được hàng chục triệu phép tính trong một giây. Máy tính làm thơ, máy tính sáng tác nhạc, máy tính xem số tử vi v.v... Ngày nay, máy tính được coi như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con người nắm toàn bộ quá trình sản xuất liên tục, kể cả chức năng điều khiển. *Máy tự động* và *hệ thống máy tự động,* sau khi máy tính ra đời, dẫn tới tự động hóa quá trình sản xuất, nghĩa là máy tự động không chỉ "*làm việc*" thay con người, mà còn có thể "*nghĩ*" và "*giải quyết*" thay con người.

Các nhà khoa học còn sáng chế ra "*người máy*" (rôbôt) và ngày nay rôbôt đã đảm nhiệm những công việc mà con người không thể làm được hoặc không nên làm : rôbôt trèo tường, lau cửa sổ ở những tòa nhà cao chọc trời, rôbôt lặn sâu xuống đại dương tới 6 – 7 nghìn mét, rôbôt làm việc trong các nhà máy điện nguyên tử ở những bộ phận dễ bị nhiễm xạ...

thuongmaitr

Ngoài ra, người ta còn sáng chế ra hàng loạt những công cụ mới có tính năng hết sức hiện đại nhằm phục vụ cho sản xuất trong tất cả các chuyên ngành công nghiệp và xây dựng.

Thứ ba, trong tình hình nguồn năng lượng thiên nhiên (than, dầu mỏ...) đang vơi cạn dần và trở nên khan hiếm một cách đáng lo ngại (sinh hoạt của con người càng nâng cao thì nhu cầu năng lượng càng tăng lên với một nhịp độ đáng sợ. Chỉ mười năm trở lại đây, nhu cầu năng lượng trên thế giới đã tăng hơn 2 lần, trong đó tiêu thụ năng lượng điện tăng hơn 3,6 lần) thì con người đã tìm ra những nguồn *năng lượng mới* hết sức phong phú, vô tận : năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều v.v... Trong những nguồn năng lượng kể trên, năng lượng nguyên tử và năng lượng mặt trời đang dần dần được con người sử dụng một cách phổ biến, và trong một tương lai không xa, nó sẽ thay thế dần ngành nhiệt điện và thủy điện.

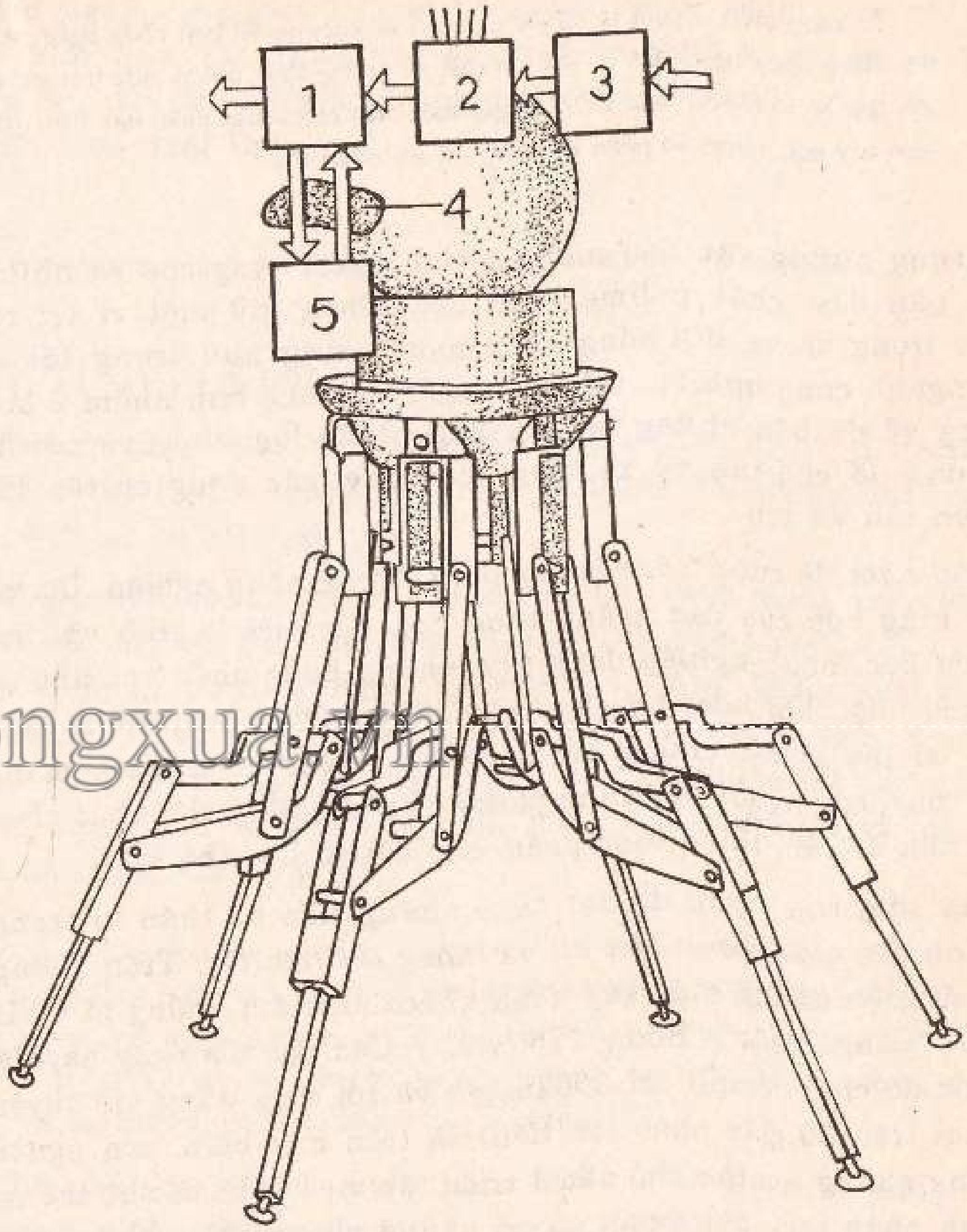

1. Khối phân loại địa hình, 2. Khối xử lí nội bộ, 3. Bộ cảm biến,
4. Bộ tin học, 5. Bộ nhớ.

Hình 12 – Một rôbôt của Nhật

uongxua.vn

Thứ tư, sáng chế ra những *vật liệu mới* trong tình hình vật liệu tự nhiên đang cạn kiệt dần trong thiên nhiên.

> Từ rong biển, người ta có thể chế tạo ra khoảng 40 loại công nghệ phẩm tiêu dùng hàng ngày. Đã có thể sản xuất ra những thực phẩm, như thịt gà, thịt lợn, thịt bò và nhiều thức ăn hàng ngày một cách hoàn toàn nhân tạo. Con người hiện nay mặc quần áo phần lớn bằng vải sợi nhân tạo.

Trong những vật liệu mới mà con người sáng chế ra những năm gần đây, chất pôlime (chất dẻo) đang giữ một vị trí rất quan trọng trong đời sống hàng ngày, cũng như trong tất cả mọi ngành công nghiệp. Có nhiều chất dẻo nhẹ hơn nhôm 2 lần, nhưng về độ bền chúng lại hơn hẳn nhiều loại thép và có thể sử dụng để chế tạo vỏ xe tăng, máy bay, các động cơ tên lửa và con tàu vũ trụ.

Thứ năm, là cuộc "*cách mạng xanh*" trong nông nghiệp. Do tác động tổng hợp của các ngành khoa học, đặc biệt là sinh vật học và hóa học, nông nghiệp đang tiến những bước nhẩy vọt nhờ cơ khí hóa, điện khí hóa, hóa học hóa, thủy lợi hóa với những biện pháp lai tạo giống, chống sâu bệnh v.v... Nhờ cuộc "cách mạng xanh" này, con người đã tìm ra phương hướng để có thể khắc phục được nạn đói ăn, thiếu thực phẩm kéo dài từ bao thế kỉ.

Thứ sáu, con người đã đạt được những tiến bộ thần kì trong các lĩnh vực *giao thông vận tải* và *thông tin liên lạc.* Trên không đã xuất hiện những máy bay hành khách siêu âm khổng lồ ("TU – 186", "Côngcoocđơ", "Bôing 176" v.v...). Các tàu hỏa ngày nay đã đạt tốc độ chạy nhanh tới 300km/giờ và tới đích đúng giờ tuyệt đối (sai trên 30 giây phải đền tiền) và trên mặt biển, con người đã đóng những con tàu chở dầu 1 triệu tấn v.v... Nhờ các hệ thống vệ tinh nhân tạo, loài người đã có những phương tiện thông tin liên lạc và phát sóng truyền hình hết sức hiện đại.

Ngoài ra, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay còn đem lại cho con người một thành tựu diệu kì – *thành tựu chinh phục vũ trụ.*

thuongmaitr

Ngày nay, con người đã đưa được người lên thám hiểm Mặt Trăng, phóng những con tàu vũ trụ, những con tàu con thoi bay nhiều ngày vòng quanh Trái Đất, nhận được những tin tức của Sao Kim, Sao Hỏa. Khoa học vũ trụ và du hành vũ trụ đã và đang phục vụ đắc lực trên nhiều phương diện cho cuộc sống của con người trên Trái Đất.

? – Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay là gì ?

3. Vị trí và ý nghĩa

Trong nửa thế kỉ qua, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã có một vị trí và ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Thứ nhất, những thành tựu kì diệu của cách mạng khoa học – kĩ thuật đã làm thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất như công cụ và công nghệ, nguyên liệu, năng lượng, thông tin, vận tải..., trong đó sự thay đổi về công cụ và công nghệ có ý nghĩa then chốt. Cũng nhờ đó, con người đã tạo những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia cộng lại.

uongxua.vn

Chỉ trong 20 năm vừa qua (1970 – 1990), sản xuất của thế giới năm 1990 đã tăng gấp hơn 2 lần so với năm 1970, ngang với 2000 lần khối lượng của cải vật chất sản xuất ra trong 230 năm của thời đại công nghiệp (tức từ 1740 đến 1970). Với đà này, trong vài ba thập niên tới, sản xuất vật chất trên thế giới sẽ tăng lên với tốc độ và khối lượng chưa từng có.

Thứ hai, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã và đang đưa loài người chuyển sang một nền *văn minh mới*, sau nền *văn minh nông nghiệp đến nền văn minh công nghiệp,* rồi nền văn minh mới hiện nay đang được gọi dưới những tên khác nhau như "*văn minh hậu công nghiệp*", "*văn minh truyền tin*", "*văn minh trí tuệ*"... Nhân loại đang thực sự bước vào một nền văn minh mới mà con người có thể phát triển hơn nữa sự sáng tạo trong lao

động, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và tiến lên làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống.

Thứ ba, cách mạng khoa học – kĩ thuật với những thành tựu to lớn của nó đã khiến cho nền kinh tế thế giới ngày càng được *quốc tế hóa cao,* đang hình thành *một thị trường toàn thế giới* bao gồm tất cả các nước có chế độ xã hội khác nhau vừa đấu tranh, vừa hợp tác với nhau trong cùng tồn tại hòa bình. Mặt khác, sự giao lưu, trao đổi về văn hóa, du lịch, văn học nghệ thuật, sự hợp tác với nhau trên các lĩnh vực y tế, dân số, giáo dục, khoa học – kĩ thuật giữa các quốc gia, dân tộc trên hành tinh ngày càng phát triển và ngày càng gắn bó chặt chẽ với nhau hơn.

Thứ tư, bên cạnh những thành tựu kì diệu đưa con người tiến những bước nhảy vọt, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay đã và đang gây nên những hậu quả tiêu cực mà hiện nay con người vẫn chưa thể khắc phục được : việc chế tạo ra những *vũ khí hủy diệt* (bom nguyên tử, bom hóa học, vũ khí vi trùng, máy bay tàng hình, tên lửa vượt đại châu...) nhằm sát hại con người, và nạn ô nhiễm môi sinh, những bệnh tật, tai nạn lao động, tai nạn giao thông do tiến bộ khoa học – kĩ thuật mang lại.

thuongmaitr

?

1. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay đã có một vị trí và ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người ? Bên cạnh những mặt tích cực là chính nó còn có những mặt tiêu cực nào không ?

2. Hãy trình bày những thành tựu khoa học – kĩ thuật của Việt Nam trong mấy thập niên qua.

3. Thế hệ trẻ phải làm gì để đưa trình độ khoa học – kĩ thuật của Việt Nam vươn lên đuổi kịp trình độ quốc tế ?

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

1. Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại (từ 1917 đến 1991)

Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1991 là cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp rộng lớn, quyết liệt, phức tạp giữa một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức, giai cấp công nhân và nhân dân các nước với một bên là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa phát xít và các thế lực phản động khác nhằm giành 4 mục tiêu lớn : *hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội*. Mặt khác, cũng là cuộc đấu tranh gay gắt, quyết liệt giữa các cường quốc lớn nhằm tranh giành, phân chia phạm vi thế lực và thiết lập một trật tự thế giới có lợi cho mình như sự thiết lập và sụp đổ của "*Hệ thống Vecxai – Oasinhtơn*" sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (từ 1918 đến 1945), "*Trật tự thế giới hai cực Ianta*" sau Chiến tranh thế giới thứ hai (từ 1945 đến 1991) và hiện đang đấu tranh để thành lập một trật tự thế giới dân chủ hơn, công bằng hơn.

uongxua.vn

? – Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1991 là gì ?

2. Phân kì lịch sử thế giới hiện đại (từ 1917 đến 1991)

Từ Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917 đến 1991, lịch sử thế giới hiện đại, đại thể đã trải qua các thời kì phát triển sau đây :

– *Từ 1917 đến 1945 :* Thời kì xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tư bản, cách mạng thế giới dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười phát triển sang giai đoạn mới, trật tự thế giới mới theo "*hệ thống Vecxai – Oasinhtơn*" được thiết lập rồi bị phá vỡ nhanh chóng và cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, tàn sát hàng chục triệu nhân mạng.

Những đặc điểm chính của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì này là :

+ Mặc dù nằm trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản và bị các nước đế quốc tấn công quân sự nhằm tiêu diệt (trong những năm 1918 – 1920 và 1941 – 1945), Nhà nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô vẫn đứng vững và không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, phát huy ảnh hưởng ngày càng sâu rộng đối với cục diện toàn thế giới.

+ Cách mạng thế giới (phong trào giải phóng dân tộc phong trào cộng sản và công nhân quốc tế) phát triển sang giai đoạn mới với nội dung và phương hướng khác trước, chuẩn bị cơ sở cho thắng lợi ở thời kì sau này.

+ Chủ nghĩa tư bản đã luôn lâm vào một số cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị và sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

+ Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc đụng đầu và sự thử thách quyết liệt giữa hai thế lực tiến bộ và phản động trên phạm vi toàn thế giới, kết thúc thời kì trước và mở ra thời kì mới của lịch sử thế giới hiện đại.

thuongmaitr

– *Từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 :* Thời kì thiết lập trật tự thế giới mới theo "*thể chế hai cực Ianta*", chủ nghĩa xã hội vượt ra khỏi phạm vi một nước (Liên Xô) và bước đầu hình thành một hệ thống thế giới, phong trào giải phóng dân tộc thu được những thắng lợi to lớn và hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ, sự xuất hiện ba trung tâm kinh tế, tài chính trong thế giới tư bản chủ nghĩa và sự phát triển nhanh chóng về kinh tế của các nước tư bản ; cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật với những thành tựu kì diệu đã dẫn tới những bước phát triển "nhẩy vọt" về mọi mặt của xã hội loài người.

Những đặc điểm chính của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì này là :

+ Mặc dù còn tồn tại nhiều thiếu sót và sai lầm nghiêm trọng, chủ nghĩa xã hội đã thu được những thành tựu to lớn về nhiều

mặt, có ảnh hưởng sâu rộng và tác động to lớn vào sự phát triển của cục diện thế giới.

+ Thắng lợi to lớn của phong trào giải phóng dân tộc đã làm biến đổi căn bản bộ mặt thế giới và dẫn tới các nước Á, Phi, Mĩ la tinh bắt đầu bước lên vũ đài quốc tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển đi lên của lịch sử nhân loại.

+ Chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai mang nhiều đặc điểm mới, có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, khoa học – kĩ thuật nhưng vẫn luôn luôn bộc lộ những mâu thuẫn nội tại không thể khắc phục được.

+ Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật với những thành tựu to lớn đã dẫn tới những biến chuyển quan trọng trong cục diện thế giới.

+ Tính gay gắt, quyết liệt và phức tạp của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp và đấu tranh giữa "hai cực" đối lập Xô – Mĩ trong thời kì này, thời kì "*chiến tranh lạnh*".

– *Thời kì từ nửa sau những năm 70 đến 1991 :* Thời kì sụp đổ của trật tự thế giới theo "*thể chế hai cực Ianta*", chủ nghĩa xã hội dần dần lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng dẫn tới sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, một số nước thuộc thế giới thứ ba cũng lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật phát triển sang giai đoạn mới với nội dung cách mạng công nghệ được nâng lên vị trí hàng đầu, và một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành.

Trong thời kì này, lịch sử thế giới hiện đại mang những đặc điểm chính sau đây :

+ Sự khủng hoảng toàn diện của chủ nghĩa xã hội nói chung và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã và đang tác động nghiêm trọng đến cục diện thế giới, đặc biệt là đối với cục diện cách mạng thế giới ; nhưng như thế, không phải là sự "cáo chung" của chủ nghĩa xã hội như một số học giả tư sản thường rêu rao, mà chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chưa đúng đắn, một bước lùi, một thất bại mang tính tạm thời.

+ Sau nhiều năm lâm vào những cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị, các nước tư bản nhờ cải cách cơ cấu kinh tế, đi sâu vào cách mạng khoa học và công nghệ, thích nghi về chính trị và xã hội, đã đạt được bước phát triển mới về kinh tế, ổn định về chính trị và mức sống của người dân được nâng cao. Trước mắt, chủ nghĩa tư bản đạt được những thành tựu to lớn và chiếm ưu thế về nhiều mặt so với chủ nghĩa xã hội, song trong lòng nó vẫn đang tồn tại những mâu thuẫn, những mặt hạn chế (không công bằng và không nhân đạo) mà chủ nghĩa tư bản không thể khắc phục được.

+ Cuộc "*chiến tranh lạnh*" kéo dài trên 40 năm đã chấm dứt và trong quan hệ quốc tế, từ xu thế đối đầu đã dần dần chuyển sang xu thế đối thoại, hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau trong cùng tồn tại hòa bình ; tình hình thế giới trở nên hòa dịu hơn, các cuộc tranh chấp, xung đột đã và đang dần dần được giải quyết. Tuy thế vẫn không loại trừ bùng nổ những tranh chấp, xung đột mới[1].

+ Với sự sụp đổ của trật tự cũ, một trật tự thế giới đang dần dần hình thành và một thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới hiện đại đã bắt đầu.

? – Hãy trình bày ngắn gọn sự phân kì của lịch sử thế giới hiện đại với nội dung và đặc điểm của từng thời kì phát triển.

3. Xu thế phát triển của lịch sử thế giới hiện đại

Từ những năm 1990 – 1991, lịch sử thế giới hiện đại bắt đầu bước sang một thời kì phát triển mới. Nội dung chủ yếu của nó vẫn là sự tiếp diễn của những nội dung chủ yếu của các thời kì đã qua, nghĩa là tiếp diễn cuộc đấu tranh rộng lớn, phức tạp nhằm giành bốn mục tiêu lớn là *hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ* và *tiến bộ xã hội* và đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự thế giới mới.

---

(1) Năm 1999, vi phạm Hiến chương Liên Hợp Quốc, Mĩ, Anh đơn phương dùng không quân oanh tạc Irắc. Tiếp đó, Mĩ, NATO ném bom Liên bang Nam Tư, gây nên tình hình căng thẳng ở khu vực và thế giới.

Có thể dự đoán xu thế phát triển của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì mới như sau :

+ Một trật tự thế giới đang dần dần hình thành, tương lai của trật tự mới này đang tùy thuộc vào các nhân tố : lực lượng so sánh giữa các nước lớn Mĩ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp... và mối quan hệ giữa các nước lớn này với nhau ; sự phát triển của lực lượng cách mạng thế giới (công cuộc cải cách và đổi mới của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội) ; sự vươn lên của các nước mới giành được độc lập dân tộc ở Á, Phi, Mĩ latinh ; sự phát triển của cách mạng khoa học kĩ thuật cũng sẽ tác động quan trọng tới trật tự mới này.

+ Xu thế đối thoại, hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình đang dần dần trở thành xu thế chủ đạo trong các mối quan hệ quốc tế, tuy nhiên chưa phải là đã chấm dứt tình trạng gay gắt, đối đầu và xung đột trong quan hệ quốc tế.

+ Sự nghiệp bảo vệ hòa bình, mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại, đang ngày càng tiến triển, mặc dù nguy cơ chiến tranh chưa phải là đã chấm dứt, nhưng đã xuất hiện những khả năng hiện thực để ngăn chặn cuộc chiến tranh hủy diệt, bảo vệ sự sống của con người và nền văn minh của nhân loại.

uongxua.vn

? – Xu thế của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì phát triển mới sẽ như thế nào ?

PHỤ LỤC

1 – Tháng 5-1993, dưới sự giám sát của Liên Hợp Quốc, nhân dân Campuchia tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Quốc hội đã họp thông qua hiến pháp tuyên bố thành lập *Vương quốc Campuchia* do vua Nôrôđôm Xihanúc đứng đầu và cử ra Chính phủ liên hiệp đoàn kết dân tộc gồm hai đồng Thủ tướng – Ranarít (Đảng FUNCIPEC) và Hun Xen (Đảng CPP). Do tranh giành quyền lực, ngày 6-7-1997, Ranarít tiến hành cuộc chính biến ở Phnôm Pênh nhằm sát hại Hun Xen và lật đổ Chính phủ liên hiệp. Cuộc chính biến nhanh chóng bị dập tắt. Ranarít và khoảng 100 chính khách phải bỏ chạy ra nước ngoài. Để thực hiện hòa hợp dân tộc, ngày 26-7-1998, dưới sự giám sát của nhiều quan sát viên quốc tế, Chính phủ Campuchia đã thực hiện cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội mới một cách công bằng, dân chủ với sự tham gia của Ranarít và các chính khách đối lập từ nước ngoài trở về. Sau tuyển cử, hai đảng (FUNCIPEC và CPP) giành được nhiều ghế nhất trong Quốc hội (43 và 64 ghế trên 122 ghế) đã hợp tác với nhau để xây dựng cơ cấu chính quyền mới – Hun Xen làm Thủ tướng Chính phủ, Ranarít là Chủ tịch Quốc hội, Chia Xim là Chủ tịch Thượng nghị viên. Lúc này, lực lượng Khơme đỏ đã hoàn toàn bị tiêu diệt.

2 – Ngày 5-5-1994, Chủ tịch PLO Yátxe Araphat và Thủ tướng Ixraen Ixác Rabin đã kí kết hiệp định về quyền tự trị của người Palextin ở Gada và Giêricô, theo đó Ixraen rút khỏi hai vùng Gada, Giêricô và thả tù nhân người Palextin, còn lực lượng cảnh sát của Palextin và các quan chức PLO sẽ tiếp quản quyền lực hành chính, quân sự, dân sự ở hai khu vực này. Sự kiện này đánh dấu một bước tiến mới của tình hình Palextin. Từ tháng 6-1996, trong cuộc

thuongmaitr

tuyển cử bầu Quốc hội ở Ixraen, Đảng Licut (đảng của những phần tử dân tộc cực đoan) thắng lợi, Bengiamin Nêtaniahu đứng ra lập chính phủ mới không chịu thực hiện nội dung những hiệp ước đã kí kết. Vì thế, tình hình Trung Đông lại thường xuyên căng thẳng và không ổn định.

3 – Cuối tháng 4–1994, lần đầu tiên trong lịch sử, Nam Phi đã tiến hành cuộc tổng tuyển cử dân chủ, không phân biệt chủng tộc. Trong tuyển cử, ANC đã thu được đại đa số phiếu. Quốc hội mới đã bầu ông Nenxơn Manđêla, Chủ tịch ANC, làm Tổng thống của nước Nam Phi mới – *nước Nam Phi dân chủ, không phân biệt chủng tộc*. Đây là một thắng lợi hết sức to lớn của nhân dân Nam Phi.

uongxua.vn

MỤC LỤC

Trang

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

(Thời kì sau Chiến tranh thế giới thứ hai)

Mở đầu 3

Bài 1. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – Liên Xô 4

II – Các nước Đông Âu 8

III – Tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu (từ nửa sau những năm 70 đến 1991) 15

IV – Quan hệ hợp tác giữa Liên Xô, các nước Đông Âu và các nước XHCN khác 20

Bài 2. CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LATINH SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – Trung Quốc 24

II – Các nước Đông Nam Á 29

III – Các nước Đông Nam Á (tiếp theo) 36

IV – Ấn Độ, Triều Tiên và khu vực Trung Đông 41

V – Các nước châu Phi 48

VI – Các nước Mĩ latinh 56

Bài 3. MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – Mĩ 62

II – Nhật Bản 68

III – Các nước Tây Âu 74

IV – Các nước Tây Âu (tiếp theo) 81

Bài 4. QUAN HỆ QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I – Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh (1945 – 1947) 86

II – Cuộc "chiến tranh lạnh" và âm mưu của Mĩ 92

III – Sự sụp đổ của "trật tự hai cực Ianta" và một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành (từ cuối những năm 80) 96

Bài 5. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC – KĨ THUẬT SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

– Nguồn gốc của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai 101

– Nội dung và thành tựu 102

– Vị trí và ý nghĩa 107

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI 109

thuongmaitr

ruongxua.vn

NHÀ SÁCH KIẾN THỨC
10 Xô Viết N...
Tel: (064) 853329
MST: 3500.131.486-4

thuongmaitruongxua.vn

LỊCH SỬ 12
TẬP MỘT
Mã số: 3H208t0
In 20.000 bản, khổ 14,5x20,5 cm tại
Cty XNK Ngành In TP.HCM (Primexco).
Địa chỉ: 155 Đào Duy Từ Q.10.
Số in: 676 - Số XB: 831/241-99.
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 06 năm 2000.

Giá : **2.800đ**